

## Tác Giả và Tác Phẩm

### **Nguyễn Đăng Mạnh**

(Phần 2A)

#### **Tiểu sử**

(Xem *Vài hàng về tác giả II*)

#### **Tác phẩm**

Nhà văn Việt Nam hiện đại  
Tuyển tập phê bình văn học



## Mục Lục

Vài Nguyễn Đăng Mạnh, người “đọc” tinh các nhà văn – Nguyên Ngọc - 2

Nguyễn Đăng Mạnh với chân dung, phong cách - Trần Đình Sử - 3

Thầy Mạnh – 6

Thầy Mạnh đã đi gặp cụ Nguyễn Tuân ở miền âm giới - Văn Giá – 11

Ngôi sao ấy vừa lặn - Đỗ Ngọc Thống - 15

#### **Phụ đính I**

Qua “Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh” - Khải Nguyên - 6

Hoàng Ngọc Hiến - 10

Tô Hoài – 17

Trần Đăng Khoa – 25

#### **Phụ đính II**

Thầy Mạnh đã đi gặp cụ Nguyễn Tuân ở miền âm giới - Văn Giá – 11  
Người từng viết về mặt trái của Hồ Chí Minh, qua đời – Thụy Khuê – 31

Hồ Chí Minh – 32

Tố Hữu – 41

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Nguyễn Đăng Mạnh người “đọc” tinh các nhà văn Nguyễn Ngọc

(VHNA): Nhà giáo nhân dân, giáo sư, nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh tham gia hoạt động trong sự nghiệp giáo dục từ những năm 1950. Năm 2000 ông nhận giải thưởng Nhà nước. Vào tháng 3 năm 2010, Khoa ngữ văn Đại học sư phạm 1 Hà Nội đã tổ chức kỉ niệm nhân dịp Giáo sư – Nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh tròn 80 tuổi. Ngày 9 tháng 5 năm 2010 học sinh và bạn bè của Gs từ nhiều miền đất nước lại kỉ niệm nhân dịp ra mắt cuốn sách Người và nghề viết về ông do Nhà xuất bản Hội nhà văn xuất bản.

Gs Nguyễn Đăng Mạnh giảng dạy tại trường Đại học sư phạm Vinh từ 1960 -1968, đã có nhiều đóng góp với sự nghiệp giáo dục đào tạo của Nghệ An, và xứ Nghệ . Tạp chí Văn hóa Nghệ An xin trân trọng giới thiệu một số bài viết về ông và xin được xem như một lời chúc mừng giáo sư nhân dịp thượng thọ.

\*\*\*

Một người làm phê bình văn học, tôi nghĩ, nói theo cách nào đó, là người “đọc” các nhà văn. Có những người viết rất nhiều về một nhà văn nào đó, với vô số phân tích dông dài và uyên bác, viện đủ thứ lý luận cao siêu, nhưng rốt cuộc vẫn không “đọc” ra được nhà văn là đối tượng đang nói đến của anh, không cho ta thấy được vậy thì nhà văn đang được nói đến đó là ai, diện mạo thật của anh ta ra sao, không đưa được cho ta cái chìa khóa, thường hóa ra lại rất đơn giản, giúp ta đi vào thế giới riêng của nhà văn ấy. Và mỗi nhà văn, đúng là nhà văn, thì bao giờ cũng đơn nhất, không có hai, không lặp lại; chính vì thế mà anh ta là nhà văn – chứ không phải chỉ là một người viết –; có thể có, có thể cần những người viết giống nhau, thậm chí nhiều người như vậy, nhưng không cần hai nhà văn giống hệt nhau, nếu có thì hẳn phải bớt đi một. Và “đọc” đúng một nhà văn không phải là ở đề tài của anh ta, điều ấy thì chắc chắn rồi, cũng không phải ở chủ đề, ở nhân vật quen thuộc của anh, thậm chí ở cái mà người ta thường hay gọi là tư tưởng của anh. Cái nhà phê bình giỏi đọc được ở mỗi nhà văn nằm ở đâu đó giữa những cái vừa nói, và tất nhiên nhiều cái khác nữa, ở trong, ở giữa những cái ấy, tiềm tàng, vừa có trong từng cái vừa có thể là tổng hòa của tất cả, hay đúng hơn, một cái “chất” gì đó “nhiễm” trong ấy, vừa là bẩm sinh, trời cho, trời gán cho, buộc cho, vũng vầy gỡ ra cũng không được, vừa do cuộc từng trải cũng là duy nhất ở đời của anh ta, tự giác và không tự giác, lâu dài nhiễm vào anh. Tôi muốn gọi đấy là cái *tạng* của từng nhà văn, anh ta cũng viết về nhiều chuyện như người khác, nhưng tuyệt đối không giống ai, đơn nhất là của riêng anh thôi, thậm chí nói cho to tát một chút, chính vì điều đó mà cần có anh trên đời. Đọc ra được cái tạng ấy của từng người cầm bút là cái tài của người phê bình.  
Độc giả cần anh; nhà văn cũng cần anh.

Nguyễn Đăng Mạnh là một nhà phê bình như vậy. Anh sắc sảo ư? Cũng có. Anh uyên bác ư? Không thua nhiều người khác. Thâm thúy ư? Rất nhiều khi... Nhưng có lẽ quý nhất ở anh là cái tài kia, quả thật tôi thấy không nhiều ở những nhà phê bình của ta: *anh đọc ra đúng cái tạng riêng của từng người*, không ít. Hầu như ở nhà văn nào anh chạm đến, anh cũng đọc ra được cái ấy, thường chỉ cần diễn đạt không bằng nhiều lời, đôi khi chỉ bằng một vài chữ. Mà khiến người ta có thể ò lên một tiếng: đúng rồi! Đây có thể là một trong những con đường khai mở tốt nhất giúp người đọc thật sự đi vào thế giới sáng tạo riêng của từng nhà văn. Mà một nền văn học chính là được tạo nên bằng chính những thế giới sáng tạo đơn nhất ấy.

Một nhà phê bình làm được điều đó cũng đồng thời giúp được nhà văn tự biết mình một cách tự giác hơn, để mà biết nên tiến tới hay lùi lại như thế nào, có cần không, đến đâu; điều vốn rất khó đối với một người cầm bút sáng tạo. Nhà phê bình không làm được công việc của nhà văn, nhưng anh có điều kiện để tinh táo hơn – tất nhiên nếu quả anh có tài. Và khi anh đọc được cái tạng của nhà văn, thì anh sẽ gọi được cho nhà văn suy nghĩ về chính mình, tinh táo hơn, điều người đang sáng tạo thường khó có vì đang mãi đam mê. Người đang sáng tạo có gì đó giống như người say rượu vậy; lúc đó mà họ tỉnh thì thường chẳng ra gì. Người phê bình ở bên cạnh, ân cần, tinh tế, chăm chú đọc. Đọc một tâm hồn, một giọng điệu tâm hồn. Và lần ra cái tôi gọi là cái tạng. Theo nghĩa đó, anh là người bạn tâm đắc của nhà văn. Tôi nghĩ tôi tìm thấy được một người bạn như vậy ở Nguyễn Đăng Mạnh.

Nguyễn Đăng Mạnh viết về tôi rất ít, hình như chỉ có hai lần, và lần nào cũng rất ngắn. Nhưng có lẽ anh là người đọc ra chính xác hơn cả cái tạng của tôi mà anh diễn đạt chỉ bằng mấy chữ: “con người lãng mạn”. Là một lời khen hay một lời chê? Có lẽ điều đó không phải là quan trọng nhất. Quan trọng hơn là nó khiến tôi suy nghĩ. Bởi tôi không hề ân hận vì đã sống cuộc đời này một cách lãng mạn, dần dần đến cùng thật lãng mạn, không hề tiếc. Nhưng nhận xét tinh táo và chính xác của Nguyễn Đăng Mạnh cũng cảnh báo tôi: có phải tôi đã có phần quá lãng mạn hóa một cuộc đời hiện thực khiến cho điều tôi nói với người đọc đôi khi không khéo là đánh lừa họ, dẫu tôi không bao giờ muốn? Một cảnh báo như vậy cần cho tôi vô cùng. Một chỗ mạnh của một cây bút dường như bao giờ cũng bao gộp cả chính chỗ yếu của anh ta nữa. Và biết được điều đó là cần thiết lắm, chỉ ra được điều đó cho một người cầm bút là rất giỏi. Để giúp anh tìm lấy cái mạnh trong chính cái yếu của mình, tự điều chỉnh, dù chẳng dễ gì.

Tôi muốn cảm ơn anh Mạnh về điều đó. Không dễ có được một người bạn như vậy trong đời, tôi biết, nhất là khi đã dấn vào cái nghề, cái nghiệp phải moi đến tận đáy chính mình, cho đến tẻ bào cuối cùng ra mà đánh đổi suốt đời này!

<http://vanhoanghean.vn>

## Nguyễn Đăng Mạnh với chân dung, phong cách Trần Đình Sử

Nguyễn Đăng Mạnh bắt đầu nghiên cứu, phê bình văn học từ những năm 60, công bố tác phẩm vào những năm 70 và thành danh vào đầu những năm 80 với công trình *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* (in năm 1979, Giải thưởng Hội nhà văn năm 1985). Anh nhập cuộc làng nghiên cứu, phê bình văn học vào lúc xu hướng tư duy giáo điều và xã hội học tầm thường thống thế trong phê bình văn học Việt Nam. Anh đâm ra ghét những ai sinh lí luận, anh càng ghét những người vận dụng lí luận sống sượng, máy móc. Cũng có thể anh chịu ảnh hưởng của Hoài Thanh (người đã có lúc hoài nghi vai trò của lí luận. Nhưng Hoài Thanh từng là nhà lí luận xuất sắc vào thời kì 1936 – 1939, sau đó mới chuyển sang làm phê bình.) cả về quan niệm lí luận và phương pháp phê bình văn học. Hoàn cảnh ấy khiến anh vừa tìm tòi học hỏi lí luận vừa hoài nghi, cảnh giác với lí luận. Tâm thế ấy để lại dấu ấn sâu đậm trong nghiên cứu cũng như trong phát ngôn của anh.

Khi trong thực tế nghiên cứu, lí luận, phê bình mà cái thật cái giả, cái bề ngoài và cái thực chất còn lẫn lộn và bị che đậy thì điều quan trọng nhất đối với nhà nghiên cứu có lương tri là đi tìm cái thật, chống lại lối mòn. Anh đã chống lại cái giả và lối mòn bằng tất cả vốn sống, vốn lí luận văn học và nhất là vốn kiến thức văn học mà anh tích lũy được cùng với lối tư duy sắc bén của mình.

Tuy hoài nghi lí luận văn học, nhưng Nguyễn Đăng Mạnh không phải là nhà phê bình văn học theo “trường phái vô phương pháp” như chính anh và một số người có lúc vẫn thích nói ra cửa miệng. Anh đã tự trang bị cho mình những khái niệm lí luận thịnh hành của thời đại. Đọc các bài nghiên cứu của anh người ta dễ dàng bắt gặp các khái niệm then chốt mà phê bình văn học trước đó ít thấy sử dụng như “hệ thống”, “chỉnh thể”, “tư tưởng nghệ thuật”, “thế giới nghệ thuật”, “quan hệ nội tại”, “quan niệm con người”, “các chi tiết trở đi trở lại”, “hình tượng âm ảnh”... Tạm gác sang một bên cách hiểu về các khái niệm ấy, chỉ sự hiện diện của chúng trong văn bản và tư duy của anh cũng cho ta thấy không ai là không cần đến lí luận. Ngay cái nhan đề sách của anh *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* cũng có dấu ấn rõ rệt của cuốn sách *Tư tưởng và phong cách* rất nổi tiếng của nhà lí luận phê bình văn học Liên Xô A. Chicherin, xuất bản năm 1968. Hay như cái nhan đề *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* (1994) cũng rõ ràng là đã dùng đến khái niệm “thế giới nghệ thuật”, một khái niệm thịnh hành vào những năm 80 trở đi. Điều này cũng cho thấy, không một nhà phê bình văn học có thành tựu nào có thể quay lưng với thành quả lí luận văn học của thời đại mình. Với các khái niệm ấy rõ ràng Nguyễn Đăng Mạnh đi theo hướng nghiên cứu các giá trị nghệ thuật, phong cách nghệ thuật, mặc dù anh nghiêng về phân tích trên bình diện hình tượng, thường xuyên liên hệ với hiện thực để kiểm tra các giả thiết nghiên cứu bằng các chứng cứ xã hội của nhà văn và thời đại ngoài văn học.

Tôi có dịp quen biết với anh Nguyễn Đăng Mạnh khi được phân công về dạy học tại Khoa Văn Đại học sư phạm Vinh tháng 3 năm 1966, nơi hồi ấy là tuyến lửa ác liệt của miền Bắc. Hội ấy giáo sư Huỳnh Lý làm chủ nhiệm khoa, khoa thường tổ chức các buổi dự giờ lẫn nhau giữa các bộ môn. Tại Hà Thanh, Hà Trung, Thanh Hoá, tôi và đồng nghiệp đã từng dự giờ dạy về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa của anh Lê Bá Hán, dự giờ dạy *Dưới đáy* của Gorky do anh Hoàng Ngọc Hiến thực hiện, dự giờ Văn thơ Xô Viết Nghệ Tĩnh do anh Mạnh giảng... Mỗi giờ của mỗi anh đều có cái hay riêng rất đáng học. Giờ của anh Mạnh ai cũng biết là nội dung khô khan, buồn tẻ, rất khó dạy cho thú vị và hấp dẫn. Ấy thế mà ngồi dự giờ tôi đã có ấn tượng rất sâu khi thấy anh khai thác hệ thống biểu tượng ước lệ của dòng thơ văn ấy để làm nổi bật khuynh hướng tư duy thâm mĩ của nó. Theo tôi, đó là một giờ dạy hay, hé lộ con đường khám phá nghệ thuật của văn học bằng chính ngôn ngữ của nó mà sau này anh sẽ còn theo đuổi. Sau đó trường đại học sơ tán lên Thạch Yên, Thạch Thành. Có lần anh báo cáo kinh nghiệm nghiên cứu văn học cho cán bộ trẻ mà tôi trong chi đoàn cán bộ giảng dạy ngồi nghe, tôi cảm thấy được bề dày, công phu tích lũy, nghiên cứu của anh, cùng nhiều vấn đề anh trăn trở mà chưa có điều kiện giải quyết. Lúc đó anh mới 37, 38 tuổi, cái tuổi của sự chín muồi, đầy hoài bão và xông xáo. Sau này, khi tôi đi học ở Liên Xô lần thứ hai trở về, đã công bố một số bài báo và sách viết về thi pháp học được dư luận chú ý, anh mời tôi tham gia biên soạn phần lí luận văn học trong sách giáo khoa *Cải cách giáo dục*. Có lần cùng đi bồi dưỡng giáo viên theo chương trình văn học ở Yên Bái vào đầu những năm 90, do ở chung phòng, sau khi ăn tối về, anh em ngồi đối diện nhau, anh hỏi :

“Theo ông, nói thật ngắn gọn, thi pháp là gì ?” Để khỏi dài dòng (vì anh muốn nói “thật ngắn gọn”) và dễ hiểu, tôi đã nói: “Thi pháp học là nghiên cứu văn học như anh từng nghiên cứu văn thơ xô viết Nghệ Tĩnh đó”. Anh có vẻ tự lự. Tôi nghĩ, có thể con đường nghiên cứu của anh bắt đầu hình thành từ những năm tháng ấy, khi mà nhiều người đang say mê với phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, với tính đảng, tính điển hình, nhân vật chính diện... thì anh đã quan tâm đến vấn đề thâm mĩ, phong cách. Hồi ấy ở Việt Nam, nói chung, người ta chưa thích nói đến phong cách cá nhân, mặc dù lúc đó trên thế giới, ở phương Tây cũng như ở Liên Xô người ta quan tâm nghiên cứu phong cách rất nhiều. Có thể nói là có cả một trào lưu nghiên cứu phong cách của văn học trên thế giới. Có thể kể tên những người nghiên cứu phong cách ở Liên Xô lúc ấy như A.N. Xocolov, Elsberg, G.N. Pospelov, L. Ginzburg, A. Chicherin, M. B. Khrapchenko, Novichenco... Tuy có thể chưa tìm hiểu được hết các tư tưởng trong trào lưu ấy,

song Nguyễn Đăng Mạnh đã nắm bắt được trúng chiều hướng nghiên cứu chung ấy và sự chú ý đã giúp anh tiếp xúc với nhiều tư tưởng phong cách trong đó có tư tưởng của Chicherin. *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* (1994) của anh là con đường khám phá phong cách, mối liên hệ nội tại giữa phong cách và tư tưởng nghệ thuật của tác giả, tôn trọng tính độc lập của văn học, không biến văn học thành minh họa cho hiện thực ngoài văn học. Chỉ nhờ thế mà anh khám phá được một số nét thực sự độc đáo của Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng, Xuân Diệu và nhà văn khác, đem lại một cái nhìn tương đối chân thực, công bằng đối với một số hiện tượng nghệ thuật vào lúc mà nghệ thuật được đánh giá chủ yếu từ phương diện đề tài, tư tưởng chính trị và nội dung hiện thực được phản ánh. Tôi đã từng nhận xét anh Mạnh thích xông vào các đề tài khó (tức là có vấn đề chính trị, lập trường giai cấp) như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu... và thật thú vị là anh đã có những đóng góp đáng kể. Tuy nhiên, riêng tôi vẫn nghĩ rằng khái niệm phong cách của anh nghiêng về phía tư tưởng và tiểu sử hơn là phía phong cách học.

Các hiện tượng văn học phức tạp là những hiện tượng thường gây ngộ nhận, hiểu lầm về chính trị mà các cây bút dễ dãi thường hay múa bút quy chụp nhà văn. Hồi bấy giờ người ta hiểu "nhà văn phức tạp" theo cái nghĩa đặc biệt là thiếu lành mạnh, có nhiều mặt tiêu cực. Anh Mạnh đã dùng lí luận, chủ yếu là bằng chứng văn học và quy luật tâm lí xã hội để biện hộ nhằm khẳng định các giá trị của các nhà văn ấy. Điều thú vị là anh khai thác rất trúng tư tưởng của Plêkhanốp về yếu tố tâm lí, một chi tiết mà nhiều nhà lí luận văn học mác xít Việt Nam hồi ấy bỏ qua. Các nghiên cứu của anh phần lớn diễn ra cuối những năm 60 và định hình vào nửa sau những năm 70 đầu những năm 80 thế kỉ XX khi phong trào đổi mới chưa thật rầm rộ. Do đó mặc dầu anh đã cố gắng đổi mới nhiều, song trong nghiên cứu của anh, đó đây vẫn khó thoát khỏi ít nhiều ảnh hưởng của cách tiếp cận cũ thịnh hành. Rất có thể đó là lí do vì sao khi thời Đổi mới đến, nhiều công trình của anh về Vũ Trọng Phụng và Nguyễn Tuân được bổ sung và in lại, tuy người đọc vẫn yêu mến chúng, song vẫn không tránh khỏi chút cảm giác đáng tiếc. Đó cũng là điều khó tránh đối với nhà nghiên cứu, phê bình văn học đi cùng thời đại.

Nguyễn Đăng Mạnh tuy cũng có viết về thơ văn cổ, có phê bình văn học đương đại, viết về phương pháp luận nghiên cứu tác giả văn học, phương pháp phân tích thơ Hồ Chí Minh, nhưng anh chỉ thực sự là chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực văn học Việt Nam hiện đại. Anh viết về văn học sử, làm tuyển tập, toàn tập tác phẩm một số nhà văn nổi tiếng hoặc văn học giai đoạn hiện đại, viết những bài giới thiệu, khảo luận công phu, có giá trị, bản thân tôi rất thích. Trong nghiên cứu văn học anh Mạnh chủ yếu quan tâm vấn đề phong cách nhà văn. Có thể là do nghiêng về tư tưởng, tiểu sử hơn là phong cách học, nên phần lớn các tác phẩm thành công của anh lại thuộc về thể loại chân dung văn học. Và hình như có thể nói các công trình nghiên cứu khác của anh đều chỉ là sự mở rộng hoặc biến tấu của chân dung văn học. Đó là một thể loại có thể nói là đặc sản của phê bình văn học Việt Nam bắt đầu với Thiều Sơn, Hoài Thanh từ trước năm 1945. Hầu như ở nước ta, trên báo, tạp chí, trong sách nghiên cứu, biên soạn ở đâu ta đều có thể bắt gặp chân dung văn học. Tất nhiên không phải chân dung văn học nào cũng có giá trị như nhau. Chân dung văn học như tôi hiểu, là bức tranh chấm phá về phong cách nhà văn thu nhỏ, là thể loại văn học nằm giữa phê bình và truyện kí nhà văn. Nó không còn là phê bình văn học thuần túy, mà đã pha trộn phần sáng tác, bổ sung thêm các quan sát, nhận xét, tưởng tượng của bản thân nhà phê bình đối với con người nhà văn ngoài đời. Nếu vẫn hiểu là phê bình văn học thì đây là phê bình gộp cả con người lẫn văn chương. Đối với những nhà văn không thực sự xuất sắc, tác phẩm chưa phải đối tượng của phê bình thì chân dung là phương diện thuận lợi nhất để nói về họ. Trên lĩnh vực này anh Mạnh chuyên viết chân dung những nhà văn có thành tựu, đang sống mà anh có tiếp xúc trực tiếp, đối với những nhà văn đã mất ( Nam Cao, Vũ Trọng Phụng chẳng hạn) thì anh lấy tài liệu gián tiếp qua người thân, bạn bè. Anh có biệt tài chọn lọc những chi tiết rất đắt để dựng chân dung nhà văn, điểm xuyết những nhận xét hóm hỉnh về tính cách người sáng tác, nhờ thế, tuy dung lượng không lớn, nhưng nhiều chân

dung văn học của anh có khả năng khái quát một cách truyền thần đáng dấp, cử chỉ, tính cách và diện mạo tinh thần của nhà văn cụ thể theo cách hình dung của anh, khiến người đọc thú vị. Người ta thú vị về chân dung một phần, phần nhiều thú vị về cách nhận xét.

Đọc văn anh người ta nhận ra anh là nhà phê bình có cá tính rất mạnh mẽ. Văn anh như con người anh, thể hiện cách nói chuyện hóm hỉnh, ánh mắt trẻ trung nhấp nhánh nheo cười. Anh luôn luôn có lối suy nghĩ riêng khá phóng túng, táo bạo với những nhận xét sắc sảo, và nhiều khi cũng không hiếm những ý kiến tùy tiện, dễ dãi đối với đồng nghiệp. Phải chăng đó là đặc điểm của kiểu nhà phê bình chủ trương công khai thể hiện niềm yêu ghét riêng của mình trên trang viết, nhiều lúc để cho thiện cảm, ác cảm của mình lẫn át tư duy khách quan, khoa học ?

Cho dù chưa thể nói là mọi khái quát của anh về phong cách đều đạt được mức sáng tỏ và được mọi người thừa nhận, nhưng con đường nghiên cứu chân dung, phong cách nhà văn của anh là con đường đúng đắn và là một đóng góp có dấu ấn riêng trong nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam hiện đại. Tác phẩm của anh thể hiện những khái quát, nhận xét của một người có tư duy độc lập, và chính vì thế mà chúng đã và sẽ còn góp phần kích thích phát hiện, đối thoại và phản biện trong nghiên cứu văn học Việt Nam hôm nay và ngày sau. Nguyễn Đăng Mạnh là gương mặt không thể thiếu trong phê bình nghiên cứu văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XX.

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2009

## Thầy Mạnh Thụy Khuê

Thế giới văn chương tuy bao la nhưng cũng giống như một xóm nhỏ, người viết thuộc lòng nhau. Thế giới phê bình còn bé hơn, nhiều nhà, lắm đại gia, nhưng những người đọc được đếm trên đầu ngón tay. Nghề phê bình cũng như nghề thợ chạm: phải ở trong mới biết thật, giả.

Tháng 9/1993 được gặp ông lần đầu, Nguyễn Đăng Mạnh không khác những gì tôi hình dung qua văn bản: ông rất đẹp, đẹp lối Bắc, da trắng, mắt đen. Long lanh thứ ánh sáng mà nói phỏng theo Nguyễn Du là *anh minh phát tiết ra ngoài*, báo hiệu một đời *ngàn thu bạc mệnh*. May nhờ cái miệng kéo đi: miệng khi cười, rộng, tươi. Môi như hai cánh hoa chụm, lúc không cười vẫn chúm chím như sắp nở. Thoạt nhìn có thể xếp ông vào loại trai Bắc lém, xạo, mắt có đuôi, miệng chưa cười mắt đã. Nhìn kỹ không phải thế: cặp mắt cười đánh tan cái *bạc mệnh* của ánh mắt *anh minh phát tiết*; khi nói, cảm tưởng lém và xạo tan đi, chỉ còn *cái thật, cái thẳng*. *Thẳng* và *thật* nằm trong thanh âm *tiếng nói, tiếng cười* đọng lại như những yếu tố ngoài văn bản.

Bấy nhiêu ký hiệu ngoại hình xác định tư cách trí thức và văn học của một nhà phê bình.

\*\*\*

Nguyễn Đăng Mạnh là *một nhà phê bình sắc sảo, ông thường nhận ra những gì người khác chưa thấy*, và ông luôn luôn thấy được sợi chỉ đỏ trong tư tưởng và nghệ thuật của tác giả mà ông phê bình.

Nguyễn Đăng Mạnh là một nhà trí thức dám nói, trong môi trường ít người dám nói thật. Ở một ngòi bút phê bình, tài năng và đạo đức là hai giá trị hàng đầu. *Tài năng*, thường hiếm nhưng dĩ nhiên phải có, không tài, xin miễn, nên chọn nghề khác. *Đạo đức*, lại càng hiếm hơn, là đạo sống, đạo làm người. Đạo đức gắn với lương tâm: Con người ai cũng có lương tâm,

nhưng mấy ai nghe lời lương tâm, phần lớn chỉ dùng lương tâm như ông toà, cần rút trước việc đã rồi.

Ở người phê bình, đạo đức và lương tâm là một, ngòi bút đạo đức cũng là ngòi bút có lương tâm: Không khoa trương, viết những điều mình không biết. Không dùng chữ nghĩa vào những việc trái với lương tâm. Không viết theo chỉ thị, cũng không viết theo đơn đặt hàng. Không làm bồi bút. Nịnh trên là bồi bút vụ lợi. Nịnh bạn là bồi bút vụ tình.

Nguyễn Đăng Mạnh là nhà phê bình có lương tâm nghề nghiệp trong một môi trường ít người giữ được lòng trong.

Một điểm nữa mà Tạ Trọng Hiệp lúc còn sống thường hóm hỉnh gọi là tình trạng “chạy nước rút”: người ta muốn học gấp trong vài ngày, vài giờ những điều đáng lý phải học cả đời. Người ta tung ra những kiến thức sống sượng vừa sao chép được trong thời buổi điện tử, chỉ cần ấn con chuột vài cái là có đến trăm ngàn kiến thức dọn sẵn. Loại kiến thức “nước rút” đầy rẫy trong các cuộc “tranh luận văn học” trong và ngoài nước, trên mạng cũng như trên giấy.

Nguyễn Đăng Mạnh không tham dự những cuộc chạy nước rút, ông không thích ăn xổi. Ông không hay lên mạng nên thoát được tình trạng nhiễm xạ kiến thức nổi. Nguyễn Đăng Mạnh là một “người hiền” thênh thang trên con đường “cổ lỗ sĩ” vắng teo của mình: ông là một trong những người Mohicans cuối cùng của dòng phê bình “trọng nghĩa khinh tài”, bởi “quê mùa” nên giữ được tấm lòng trong sạch với chữ nghĩa, sách vở.

\*\*\*

Chẳng cần nhắc lại những bài lý thuyết văn học hay những trang viết về Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Vũ Trọng Phụng... giọng mực thước, kiến giải sâu sắc, hiển nhiên ai đọc cũng thấy, tôi phục nhất ông ở tác phẩm *Mấy vấn đề về phương pháp tìm hiểu, phân tích thơ chủ tịch Hồ Chí Minh* được giải thưởng nhà nước năm 2000, và lại càng phục sự sáng suốt minh mẫn của hội đồng giám khảo, đã có mắt tinh đời, nhận ra cuốn sách đặc sắc của Nguyễn Đăng Mạnh. Phục, vì những kẻ ngoại đạo như tôi thường không dám lạm bàn đến văn thơ bác Hồ. Muốn tìm hiểu văn chương của lãnh tụ, chúng ta đã có cả một ngân khố nghiên cứu phong phú về *Bác Hồ học*, đủ mọi nhà, từ Hoài Thanh, Đặng Thai Mai, đến Chế Lan Viên, Tố Hữu, ... chẳng kém gì ngành *Việt Nam học* ở nước ngoài. Nhưng cuốn sách nhỏ của Nguyễn Đăng Mạnh *vượt lên trên tất cả kinh điển của các vị tiền bối và hậu bối*, nếu dùng lại chữ của Nguyễn Đăng Mạnh thì đó là những “*tiếng mai sau*”: viết cho hiện tại và tương lai.

Vì cho rằng thơ bác Hồ sáng như ban ngày, nên văn ông khi bình thơ bác cũng sáng lắm. Đọc ông, ta thấy rõ tất cả những *chất thơ, chất thép* trong thơ bác, rạch ròi, đầu thơ, đầu thép, và những tư tưởng cô đọng nhất, trử tình nhất của bác khi trong tù, khi Pác Bó. Bình bài *Tức cảnh Pác Bó*, Nguyễn Đăng Mạnh đã vận dụng phương thức phê bình kinh điển một cách tài tình. Jakobson và Lévi-Strauss phân tích bài *Les chats* của Baudelaire cũng không thú vị bằng. Họ trí thức quá, kỹ thuật quá, bài viết của họ khô khan như những công thức toán học, trong khi Nguyễn Đăng Mạnh bù khú, uy-mua, bình dân hơn, rất hợp với tinh thần dân dã, công nông trong thơ bác, nói lên cái chí khí của bác.

Không chỉ bình thơ mà họ Nguyễn còn dựng lại cả khung cảnh sống của bác Hồ. Tại Pác Bó, Nguyễn vẽ *cái hang*, đặt lại bài trí, Nguyễn đi lại, ra vào trong hang, Nguyễn bảo phải gọi nó là *cái hốc* mới đúng, rồi Nguyễn ra cửa phóng mắt, bách bộ vài trăm mét để có tầm nhìn xa, Nguyễn so sánh cảnh ở ẩn ngày xưa của các cụ với cảnh ở ẩn ngày nay của bác. Không một vị trí, mưu lược, chiến lược, giả thử, giả thiết, góc độ, tọa độ, nào mà Nguyễn không thử. Nguyễn ném rau, ném cỏ trong hang, đi vào cõi mộng hư hư thực thực của bác, Nguyễn đưa mỗi chữ của bác ra để nhìn, ngắm, cảm, hiểu, luyến, tích, phân, giải – tôi cam đoan chưa một *nhà ký hiệu học* nào có thể đi xa đến thế – và cuối cùng, Nguyễn đã tóm kết thơ bác thành một tổng hợp vô

cùng phong phú. Nguyễn cũng không quên trích dẫn các vị hàn lâm đã bình thơ bác như thế nào, thậm chí nói lên cái thiếu vắng trong ngôn ngữ phê bình của các bậc tiền bối. Nguyễn Đăng Mạnh là nhà nghiên cứu bác Hồ một cách đầy đủ và chân thực nhất mà chúng tôi có dịp đọc từ trước đến giờ. Nhưng bí quyết tìm thấy *sợi chỉ đỏ* trong thơ bác Hồ của họ Nguyễn đến từ đâu?

Có phải Nguyễn hơn người vì đã tự hoà mình trong sự vui vẻ phóng túng của vị nguyên thủ lúc làm thơ, thấm được được cái vui, cái phóng túng ấy, hay chính nhờ cái duyên thầm, nhờ đôi mắt sáng có đuôi, nhờ cái miệng mỉm, những *ký hiệu* của một thần thái khác thường, mà Nguyễn đã có thể cảm thông sâu sắc với thơ bác hơn các vị chức sắc, cao hàm kia, họ quá trịnh trọng, không biết cười, mắt họ không có đuôi, lại ít sáng, nên dù được ở gần mặt trời mà vẫn không lãnh hội được ánh sáng?

\*\*\*

Lâm Ngữ Đường kể một chuyện về Kim Thánh Thán đại để như sau: ông này tự đặt hiệu là *Thánh Thán* (nghĩa là tiếng thờ dài của Thánh) vì theo ông (Thánh Thán), lúc ông sanh ra, ở miếu Khổng Tử trong làng bỗng phát ra *một tiếng thờ dài bí mật*.

Chuyện của họ Lâm và họ Kim thì chịu không biết ai bịa. Nhưng có một điều rất lạ: khi đọc hồi ký của một số vị tiền bối, kể cả những bản “di cảo” với những lời sấm hỏi rất lâm ly, hoặc khi đọc nhật ký của chư vị liệt sĩ, kể lại những cảnh sa trường máu lửa, với những hy sinh cao cả của liệt vị anh hùng, lấm chỗ bí mật, hùng tráng lẫm, vậy mà – dù đang xúc động với những tang thương ngẫu lục như thế – bên tai chúng tôi bỗng lại nghe thấy *tiếng thờ dài bí mật của Khổng Tử*... Còn khi đọc hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh, tuyệt không nghe thấy tiếng Tử thờ vẫn thờ dài. Té ra thầy Mạnh không bịa tí nào (chúng tôi cũng đã thử điều tra hư thực bằng cách hỏi một vài bạn đồng nghiệp trong nước về những điều Mạnh viết, thì được khẳng định chắc nịch “trăm phần trăm”). Thế mới chết. Ở cái chỗ mình đang mong thầy Mạnh nói bịa như thầy Lâm, thầy Kim, thì không. Thầy Mạnh luôn đánh trúng chỗ mình “đuối” nhất, không ngờ nhất.

\*\*\*

Nhiều nhà đạo đức chê Mạnh là nhà giáo nhân dân, đường đường một đảng... mà lại “hạ mình” viết “hồi ký”, thứ hồi ký “thấp kém”, rất chuyện thị phi, người này kể, người kia mách, toàn chuyện tầm phào, không xứng miệng người... quân tử!  
Chê như vậy là rành... luân lý nhưng không mấy sành... văn.

Bởi văn chương không có sang hèn, không phân giai cấp, không chiếu trên chiếu dưới. Văn chương khác y phục, càng không phải lễ nghĩa, bài vị, mâm cao, mâm thấp, hạng nhất, hạng nhì: Kẻ bình dân, thậm chí ăn mày có thể làm thơ sang trọng, biếm vua. Bị bắt, có thể phải chết, nhưng vua chỉ cất được đầu hấn, chẳng vua nào “sai bảo” được văn chương hấn. Những điều vua áp dụng trên thân xác hấn không có tác dụng gì trên văn chương hấn. Văn chương đích thực luôn nhởn nhơ bay. Chỗ nọ cấm, chỗ kia in. Chỗ này chôn, chỗ kia quật. Văn chương đích thực là một thực thể ngoài lần ranh: kẻ đạo đức vẫn có thể viết truyện liêu trai, nhà giáo có thể kể chuyện thị phi, miễn sao “lọt tai độc giả”.

\*\*\*

Lại có người bảo viết hồi ký thì phải cho ra hồi ký, *phải trúng cách hồi ký*. Nói thế là hơi... chấp. Hồi ký chỉ có nghĩa *hồi tưởng lại quá khứ mà viết*, tức là viết chuyện quá khứ có mình, có người. Còn *cách viết hồi ký* như thế nào, xưa nay chưa ai dám xác định.

Nguyễn Đăng Mạnh dựa trên những điều ghi được, nhớ được, đôi khi nghe người này người kia kể về một nhân vật, một hiện tượng. Có chỗ ông nói quá, ghi sai, nhưng hồi ký không nhất thiết phải đúng 100%. Bởi không ai sử dụng hồi ký làm *tư liệu chính xác nghiên cứu* mà nếu dùng cũng chỉ để so sánh với những nguồn tư liệu khác.



Hồi ký cũng không phải cứ lột mình ra viết mãi, hết cuốn này sang cuốn khác, mà xong. Viết như vậy là bán mình trong sự bịa. Người đọc hồi ký không ngu, tới mức nào đó thì người ta không tin nữa, vứt sách đi. *Viết hồi ký cũng giống như viết truyện hư cấu: phải làm sao cho người đọc thấy được sự thật bật ra trong tác phẩm.*

*Sự thật ấy* là gì trong cuốn hồi ký của Nguyễn Đăng Mạnh?

*Sự thật ấy* không phải là *cái đúng, cái sai* khi tả Xuân Diệu thích ăn ngon, khi kể chuyện ai đó đi giật lùi trước mặt Lê Đức Thọ.

*Sự thật* mà chúng ta đòi hỏi là Nguyễn Đăng Mạnh có tái tạo được chân dung những vị quan lớn... qua những chuyện thị phi, những nét biếm, nét thậm xưng, mà người ta đồn nổi, đồn chìm đó không?...

*Sự thật ấy* là Nguyễn Đăng Mạnh có tái tạo được bối cảnh văn trường nửa sau thế kỷ XX với những luồn cúi, những tiến thân, những bầy nhầy, nhếch nhác.

*Sự thật ấy* là qua cách biếm họa chân dung những nhà văn nổi tiếng, Nguyễn Đăng Mạnh có phác thảo được bộ mặt văn học thời ông sống hay không?

Thích hay không thích, tùy quan điểm của người đọc, nhưng dứt khoát hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh là một phụ bản của đời sống văn học, là sự kết hợp giữa sáng tác và phê bình, giữa ánh sáng và bóng tối.

\*\*\*

Người phê bình thường không mấy khi sáng tác, vì một số lý do:

Phê bình không sáng tác vì đã khen chê người khác, đại gì để người khác khen chê mình?

Phê bình và sáng tác là hai địa hạt khác nhau: viết phê bình phải học, đọc kiểu phê bình, phải nghiền ngẫm các lý thuyết văn học, triết học, ngôn ngữ học, ký hiệu học, v.v. toàn những học là học, rất khó nhai và không hứng thú. Trong khi viết văn không nhất thiết phải đọc những thứ khó tiêu này, nay lấy dăm ba câu Kiều, mai vài điệu Xuân Hương... đại khái đọc gì cũng được, tùy sở thích.

Phê bình phải đọc những thứ đặc sệt “tư tưởng” để dựng kiến thức “vĩ mô”, nhưng cũng không thể bỏ qua mớ kiến thức “vi mô”, tức là những chuyện “tâm phào”, kiểu: nhà thơ X thích ăn gì? Có mấy cô bồ? Bài thơ này làm tặng ai?... nên, tuy bề ngoài phê bình có vẻ trí thức, đạo mạo, nhưng bên trong hấn bị nung nấu bởi những thông tin thương vàng hạ cám, óc hấn rối bời như mớ bông bong, không còn “tâm địa” để sáng tác. Nói trắng ra kẻ phê bình luôn luôn bị trói chân trói cẳng, hấn phải theo đúng “đường lối” của chính hấn đề ra: tức là *phải tìm cho được cái sườn tư tưởng của nhà văn, theo quy định mỹ học mà hấn đã lựa chọn.*

Tất nhiên nếu bí quá, không nghĩ được gì độc đáo, hấn sẽ ba hoa chích choè, viện dẫn mớ lý thuyết học lóm hoặc “chạy nước rút”, để lòn bịp *độc giả*, nhưng không bao giờ hấn có thể qua mắt được bọn *thức giả*, bọn *đồng nghiệp* đích thực.

Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh phối hợp cả hai tầm kiến thức “vi mô” và “vĩ mô” ấy trong cùng một ngòi bút, là cuốn sách bình dân thông tục do một trí tuệ quen lập luận bác học viết ra. Đó là điểm lạ và hấp dẫn của tác phẩm. Và vì thế nó được một số đồng nghiệp kính nể, khốn thay, nó lại bị không ít những ông thầy hần lâm trịnh trọng, vai đeo đầy mẽ đai, không quen với lối viết bổ bã phàm thượng, không những đã ngoảnh mặt đi, không cười, mà còn gây khó khăn khôn lường cho thầy Mạnh, những năm sau này.

Từ cuốn hồi ký chết tiệt ấy, thầy Mạnh chỉ có một mình.

\*\*\*

J-P. Sartre ví kẻ phê bình như một tên gác nghĩa địa. Nghèo đói, vợ con nheo nhóc, luôn luôn bị vợ chửi vì kiếm không đủ tiền nuôi gia đình. Mụ chửi vì mụ chẳng thấy những râu chữ rủng

ring của hắn bán được đồng xu nào, chỉ đem lại những phiền nhiễu, khổ nạn. Mụ xỉa xối, đôi khi thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Mụ chửi như hát hay, những lý lẽ của mụ, hắn không bao giờ cãi lại được, mặc dù hắn là kẻ chuyên biện luận. Muốn thoát cỏi trần ai khổ ải, hắn chỉ có cái thú duy nhất: trốn vào thư phòng, lật vài trang sách, tìm sự cứu rỗi: bao nhiêu con chữ nằm chết khô trong sách, chỉ đợi đôi mắt sáng của hắn rơi vào là chúng sống dậy, nhảy múa tung lên, chúng cho hắn niềm vui và hạnh phúc, chúng đưa hắn phiêu lưu hết tinh cầu này đến vũ trụ khác, bọn bạn ma chữ ấy lai tinh, nói chuyện với hắn như gạo rang, và như thế hắn thoát khỏi cỏi đời phiền toái...

Người Pháp rất hóm hỉnh, khi muốn nói xỏ kẻ nào đó, là khùng, họ không chỉ thẳng mặt kẻ đó mà bảo mày khùng, làm thế vô phép và dễ gây án mạng; họ dùng ngón trỏ, chỉ vào thái dương mình, xoáy tít mấy cái. Nếu xoáy trước mặt đối phương như thế sẽ không ổn, họ bèn đợi lúc kẻ kia quay đi, mới dí tay lên lên trán mình, chỉ có "cử tọa" thấy mà thôi. Cái lối gây sự kín đáo, nhã nhặn, lịch sự, như thế, người Pháp tuyệt hảo. Người mình chắc chắn không thèm làm như vậy, vì mình vốn được tiếng là một dân tộc anh hùng, mà đã anh hùng thì không thể làm cái cử chỉ ám lậu, lén lút, sau lưng như thế. Người mình tuyên chiến với nhau đường đường chính chính, ba mặt một nhời, dân ta đầy ắp chiến thắng trên khắp mình mẩy đất nước, nhiều vết sẹo để đời. Còn Pháp, may ra có vài trận đánh tép riu trên lãnh thổ, Napoléon cả đời đánh giặc trên đất người, chẳng để lại vết sẹo to nào trên giải đất lục lăng. Cá tính các dân tộc khác nhau là như thế.

Léo Spitzer, một nhà phê bình lớn của Đức kể lại một chuyện lý thú: hồi còn là sinh viên khoa bác ngữ học (philologie) ông bị nhồi nhét nhiều thứ lý thuyết, nhưng rút cục, về môn Pháp văn, ông chỉ biết đại khái là nếu tiếng la tinh có *a*, ta thay *e* vào thì ra tiếng Pháp... chứ còn bao năm học, thầy chẳng dạy gì về người Pháp cả. Mãi đến khi một đoàn kịch Pháp qua diễn tại thành Vienne, Spitzer đi xem: mở màn ra thấy một tay Majordome (quản gia nô trong các nhà quyền quý) trịnh trọng nện cán gậy xuống sàn ba cái, cất giọng ròn rang hô "Madame est servie!" (Rước Bà Lớn nhập tiệc!). Spitzer mới ngộ ra cái dí dỏm khôi hài trong tính tình người Pháp, và từ đó ông dẹp tiệm ba cái bác ngữ học lồi thòi vô bổ để đọc thẳng tiểu thuyết Pháp và nghiên cứu Rabelais, nhà văn cự phách, đặc biệt khôi hài. Như vậy đủ biết tiếng cười hiếm quý như thế nào.

\*\*\*

Ông dài như vậy là để giải thích tại sao tôi phục thầy Mạnh. Ông dạy học suốt đời, ông là Nhà Giáo Nhân Dân. Ở địa vị cao quý như thế trong nước Việt Nam, chắc chắn ông phải đạo mạo, phải đứng đắn như... Khổng Tử. Nhưng ông lại không vậy, ông lại biết... cười. Tôi thấy *thầy Mạnh* không mấy *thầy*, mà lại rất... *pháp*.

Khi ông sang Pháp, tôi có được tiếp, nghe chuyện ông cả ngày không chán. Mà không phải nghe chuyện ai mình cũng thú đâu, nhiều người nhạt như nước ốc mà thích thao thao, ta đành chịu trận.

Nghe chuyện thầy Mạnh thống khoái cả "tinh thần" lẫn "vật chất", bởi ông là một nhà giáo chính hiệu xã hội chủ nghĩa mà lại pha trộn cái *duy tâm* với cái *duy vật* một cách tài tình. Thí dụ về Xuân Diệu, ông đang mô tả Xuân Diệu làm cơm như thế nào, thích món gì, thèm món gì, "đột xuất" ông queo sang thơ Xuân Diệu, sang cuộc đời tình ái của Xuân Diệu, không thèm "chuyển đoạn" gì cả. Lối kể của ông luôn luôn như đánh du kích. Ông kể chuyện Trần Dần bị bắt, bí mật giật gân như xem phim trinh thám.

Trong suốt thời gian ở Pháp, ông không hề "tâm sự" về vụ *hồi ký* hồi kiếc gì. Có lẽ vì ông dư biết người ta viết chán ra rồi, bấy lâu nay đang có sự lạm phát hồi ký, loạn di cảo, nên ông chả dại đem con đi bán chợ gời.

Nhưng đừng cái ông đổi ý. Một hôm, tôi nhận được cuốn... hồi ký của thầy Mạnh qua Email học trò ông gửi. Lần thử vài trang, không ngờ bị “ông bắt” đọc một mạch đến hết, vẫn còn ngẩn ngơ, giật mình.

Hoá ra những mảnh chuyện ông kể như chuyện tầm phơ, như chuyện tiểu lâm, bây giờ đã “lên sách” “trăm phần trăm”. Lại một lần nữa ông “đột xuất” vào những chỗ mình không ngờ nhất. Thế mới phục. Điện thoại hỏi ông: Anh viết để dành sau khi quá cố hả ? Ông cười bí mật không trả lời.

\*\*\*

Trong nửa thế kỷ ở Pháp, tôi có đọc ít nhiều tiểu thuyết Pháp, nhưng phục họ thì không bao nhiêu, bởi ngẫm lại nước mình cũng nhiều nhà văn hay lắm, chẳng kém gì Pháp. Thơ Hugo sao bằng thơ Nguyễn Du. Le Clézio, Nobel 2008, cũng vào loại “thường thường bậc trung” thôi (chả bằng được Nguyễn Huy Thiệp); Clézio du lịch nhiều, thế giới Trung Mỹ dẫn ông vào những nền văn minh da màu bị người da trắng tiêu diệt, ngòi bút ông trần trụi một thứ “tự vấn đờn đau” (conscience malheureuse, chữ của Sartre) và ông muốn trở thành cái “lương tâm tự hỏi” của người da trắng trước các nền văn minh da màu bị phá huỷ. Tư tưởng cao đẹp ấy xứng đáng lãnh Nobel. Nhưng đọc kỹ văn ông, vẫn thấy như có một cái gì đó chưa thật: *ông vẫn chỉ là người đứng ngoài, nhìn cái khổ đau của thổ dân da màu.*

Cho nên, tuy Le Clézio viết về những huyền thoại của họ một cách rất thơ mộng, nhưng không thể bằng Asturias (Nobel 1967) kể lại huyền thoại ngô của người Mayas, không thể bằng Phạm Duy Khiêm viết truyện Trương Chi, kể truyện Trầu Cau, không thể bằng Nguyễn Tiến Lãng viết Thiếu phụ Nam Xương được, bởi Le Clézio chưa đi sâu vào da thịt của các nền văn minh ấy, vì muốn thấm nhuần một nền văn minh, xem chừng phải sống đến... ba đời. Trường hợp mới học tiếng Pháp mấy năm mà đã viết văn bằng tiếng Pháp như các ông Kundera, Cao Hành Kiện, đều không mấy thành công: Những gì họ viết tiếng Pháp không thể bằng những tác phẩm viết tiếng mẹ đẻ; kịch phi lý của Cao Hành Kiện rất nhạt vì thiếu uy-mua Pháp. Rabelais chính là bậc thầy hài hước, là tinh anh và cha đẻ của uy-mua Pháp.

Nguyễn Đăng Mạnh cũng rất có uy-mua, không bằng Rabelais, nhưng là uy-mua Việt. Ông không chơi chữ, không vòng vo tam quốc, ông vẽ chân dung. Khô hài. Trực tiếp. Biếm họa. Giao thoa con người và tác phẩm như một hình thức mới kết hợp phê bình và sáng tác, ngoại trường quy, trên huy ký, đánh đổ thần tượng. Nguyễn Đăng Mạnh đi vào sáng tác như một phù thủy cao tay, nhào lộn phê bình trong *hồi ký* qua ngả hài hước. Bất cứ nhà văn nào trong đám tác giả ông đã nghiên cứu, sống lại, đọc hồi ký của ông cũng phải giật mình, thấy mình bị cướp cờ, bởi ông đã vẽ được bộ mặt “nhếch nhác” của họ và của môi trường họ đã sống, với nụ cười rất hóm, rất Pháp. Ở đây Nguyễn Đăng Mạnh chính là *thầy Mạnh*, dẫn đường cho lớp trẻ đi sau, dám viết, dám làm.

Paris ngày 4/6/2010

Đọc lại ngày 9/2/2018, ngày thầy Mạnh ra đi.

## Thầy Mạnh đã đi gặp cụ Nguyễn Tuân ở miền âm giới Văn Giá

Lần gần đây nhất tôi được ngồi “đánh chén” cùng thầy Nguyễn Đăng Mạnh (và mấy người bạn) vào dịp đầu tháng 12/2017. Hôm đó cũng chẳng phải tôi mời thầy, mà do Đỗ Ngọc Thống nghĩ thầy ở nhà mãi cũng buồn nên thấy thầy khoe khỏe, rước thầy đến cùng. Vui quá có thầy. Thầy nhâm nhi đôi giọt rượu, ăn rất ít, chỉ ăn được thức ăn mềm. Thầy vẫn hút thuốc lá. Lúc này thầy

hầu như không còn khả năng nghe nữa. Lại thêm ngồi quán đông người ồn ào nên thầy hầu như không nói gì. Chẳng biết an ủi thầy thế nào cho phải, tôi chỉ đành thỉnh thoảng gấp thức ăn cho thầy, hỏi thầy có ăn được món này món nọ không...

Nhưng trước đó khoảng 2 tuần, vào dịp 20/11, Ngày Nhà giáo Việt Nam, tôi cùng với Nguyễn Đức Mậu và Phạm Xuân Nguyên lên nhà riêng thăm thầy, rồi chúng tôi nảy ra sáng kiến rủ thầy đi thăm triển lãm tranh mang tên “Nét” của họa sĩ Lưu Công Nhân, bạn học từ thời phổ thông với thầy. Mặc dù sức khỏe không được tốt lắm, nhưng thầy rất hào hứng. Cô Thoại, phu nhân của thầy đồng ý để thầy đi, do cũng như nhiều lần khác cô thường khá yên tâm khi có tôi tháp tùng thầy.

Tranh của họa sĩ Lưu Công Nhân hôm ấy chủ yếu là tranh nude, mà toàn là chân dung các thiếu nữ, rất đẹp và gợi cảm. Thầy không nhận xét gì về tranh. Lúc ngồi nghỉ giải lao giữa phòng trưng bày, thầy kể: “Tay Lưu Công Nhân ghê lắm nhé. Có lần, trong những năm còn Liên Xô, người ta mới “ưu tiên” cử tay này sang học vẽ. Khi được mời, tay ấy nói: Chúng nó muốn học vẽ thì sang đây tao dạy cho chứ tao làm gì phải sang học chúng nó... Thế mà rồi tay ấy chống không đi học đấy”. Nghe chuyện, tôi nghĩ ông họa sĩ này từ chối là phải. Bởi họa sĩ Lưu Công Nhân thuộc thế hệ lớp đầu của mỹ thuật kháng chiến, thời họa sĩ Tô Ngọc Vân làm hiệu trưởng, được học hành theo tinh thần hội họa châu Âu, một thứ hội họa khai phóng, tồn tại cùng lúc nhiều trường phái (hiện thực, ấn tượng, siêu thực, lập thể...). Trong khi hội họa (rộng ra là văn nghệ) Liên Xô lúc ấy đang đề cao phương pháp sáng tác hiện thực XHCN, chủ yếu là văn nghệ tuyên truyền. Thế thì cái tinh thần mỹ học Âu châu ở người họa sĩ này làm sao có thể dung chứa nổi thứ hội họa hiện thực XHCN cơ chứ!

Đấy, thầy Nguyễn Đăng Mạnh rất nhớ những mẩu chuyện như vậy, tưởng nhỏ thôi nhưng không hề nhỏ chút nào... Thế hệ học trò chúng tôi, do được gần gũi với thầy, được thầy kể cho vô khối chuyện đại loại như thế.

Gọi là đi “đàn đúm” (chữ hay dùng của thầy), thì cuộc xem triển lãm này là lần cuối cùng tôi được đi cùng thầy và nghe thầy trò chuyện.

Bây giờ thì thầy đã đi xa thật rồi. Mọi hình ảnh, ấn tượng, cái nghĩ về thầy trong tôi đang hết sức rối bời, lộn xộn. Tôi chỉ nghĩ, trong đời sống này, ngoài tư cách con người của đời sống thường nhật, thầy cùng lúc tồn tại với ba tư cách: nhà nghiên cứu-phê bình văn học, nhà nghệ sĩ và nhà sư phạm. Cả ba tồn tại trong nhau, hòa huyết với nhau, bổ trợ cho nhau và làm giàu có cho nhau.

Đã có nhiều người viết về thầy, đặc biệt trong dịp mừng thầy tuổi 80 (tập hợp trong cuốn *Người và Nghề*, NXB HNV, 2010). Ở đây tôi chỉ nhấn mạnh đến hai đóng góp quan trọng của thầy vào đời sống văn học của đất nước.

*Thứ nhất*, trong tư cách một nhà nghiên cứu phê bình, Nguyễn Đăng Mạnh là người đầu tiên đã minh định và xác quyết ba trường hợp quan trọng của nền văn học Việt Nam hiện đại: Hồ Chí Minh, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng.

Với Hồ Chí Minh, đang trong lúc có rất nhiều lúng túng, thậm chí sai lầm và dung tục khi tìm hiểu về thơ Hồ Chủ tịch, cuốn chuyên luận “*Mấy vấn đề về phương pháp phân tích và giảng dạy thơ Hồ Chủ tịch*” (1980) đã giúp cho giới giảng dạy và nghiên cứu có những cách hiểu, và nhất là phương pháp tiếp cận đúng đắn, chân thực hơn, nhờ vậy yêu và yên tâm hơn mỗi khi tiếp xúc với các tác phẩm văn học của Cụ Hồ. Cái chìa khóa của nhà nhà nghiên cứu phê bình Nguyễn Đăng Mạnh là ở chỗ cần phải có hai khái niệm công cụ làm chìa khóa: thơ tuyên truyền và thơ nghệ thuật.

Sau này, có những người vì động cơ thiếu thiện chí khác nhau, đã vu cho Nguyễn Đăng Mạnh có ý coi thường thơ của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh. Cũng vẫn tiếp mạch này, những năm 90 của thế kỷ XX, khi làm chủ biên chương trình Ngữ văn PTTH, ông đề nghị dịch chuyển tác

phẩm “Tuyên ngôn độc lập” từ SGK Ngữ văn sang sách Tập làm văn, lập tức có ý kiến vu cho là gạt áng văn chính luận này ra khỏi chương trình, gây nên một scandal lớn, động đến cả nghị sự Quốc hội.

Thầy cũng là người đầu tiên nghiên cứu thấu đáo hai hiện tượng phức tạp bậc nhất của nền văn học giai đoạn 1930-1945, đó là Nguyễn Tuân và Vũ Trọng Phụng. Với Nguyễn Tuân, Nguyễn Đăng Mạnh đã có một cách tiếp cận toàn diện, hệ thống, tinh tế và sâu sắc về hiện tượng văn học phức tạp này với những từ chìa khóa: *phức tạp, cái tài, chữ ngông, chủ nghĩa độc đáo, thờ nghệ thuật, duy mỹ, ngôn từ đua tranh cùng tạo hóa, cảnh sắc và hương vị đất nước...*

Với Vũ Trọng Phụng cũng vậy, các từ chìa khóa trong nghiên cứu của Nguyễn Đăng Mạnh là những “niềm căm uất khôn nguôi”, “tư tưởng bi quan định mệnh”... Có thể nói, vào những năm 80 của thế kỷ trước, với hai công trình này, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh đã xác lập được vị trí vững chắc trong giới nghiên cứu phê bình lúc bấy giờ. Từ đây, theo thời gian, ông lần lượt “húc vào” nhiều hiện tượng văn học tài năng, phức tạp và có cá tính/vấn đề như Nam Cao, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Cầm, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Đăng Khoa và nhiều người khác. Với trường hợp nào Nguyễn Đăng Mạnh cũng có những kiến giải sâu sắc, tài hoa và tinh tế trên một hướng tiếp cận nhất quán “Nhà văn tư tưởng và phong cách”, cũng gọi ra được một cách thú vị, và có khi thần tình về “bản lai diện mục” của mỗi nhà văn chỉ trong một từ/ngữ đích đáng, sắc nét.

*Thứ hai*, GS Nguyễn Đăng Mạnh là người có khả năng cấy tư tưởng và tinh thần nghiên cứu, nhiệt hứng nghiên cứu vào các thế hệ học trò, đặc biệt trong hoạt động dạy-học văn ở bậc Đại học và Phổ thông. Đối với bậc đại học, thầy viết giáo trình, giảng dạy, hướng dẫn các học viên làm cao học và tiến sĩ, tổ chức các hội thảo và các sinh hoạt khoa học. Thầy có một “quyền uy” có khả năng gây ảnh hưởng đến một số học trò cả về tư tưởng nghiên cứu và quan niệm sống, nhân cách sống, thậm chí cả tác phong trong đời sống thường ngày.

Thời tôi học cao học, dưới sự dẫn dắt của thầy, được tham gia sâu vào một Hội thảo lừng danh năm 1989 tại Khoa ngữ văn-ĐHSP Hà Nội mang tên “Chung quanh các vấn đề thời sự văn học” mà tinh thần của nó là lên tiếng cổ súy và khẳng định trào lưu đổi mới văn học. Hội thảo có sự tham gia của đông đảo giới nghiên cứu, lý luận, phê bình của các nhà văn tên tuổi, trong đó có những gương mặt sáng giá mới xuất hiện: Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dư Thị Hoàn. Tinh thần của Hội thảo đã có trọng lượng thực sự góp phần thúc đẩy vào tiến trình đổi mới văn học lúc bấy giờ.

Không dừng ở đó. Khi đảm đương Chủ biên chương trình Ngữ văn ở PTTH, với quan niệm văn chương phải được là văn chương, học sinh phải được học văn chương đích thực, cộng với một thái độ quyết liệt, GS Nguyễn Đăng Mạnh có công lần đầu tiên trong nền giáo dục cách mạng đã đưa vào chương trình hàng loạt các tác giả Thơ Mới, Tự lực văn đoàn, các nhà văn hiện thực khác.

Lần đầu tiên “dưới mái trường XNCN” các thầy/trò mới dám công khai dạy/học *Vội vàng, Thơ duyên, Tràng Giang, Tống biệt hành, Chữ người tử tù, Hai đứa trẻ, Giông tố, Tây Tiến...* Tất cả những tác giả, tác phẩm “có vấn đề” ấy đã đường hoàng bước vào học đường như những tác phẩm văn chương đích thực. Về điểm này, không thể không thừa nhận công lao to lớn của nhà giáo dục Nguyễn Đăng Mạnh.

Với hai điểm như vậy, GS Nguyễn Đăng Mạnh thực sự có đóng góp quan trọng vào công cuộc Đổi mới văn học, trong đó có văn chương học đường những năm đầu thời kỳ Đổi mới của đất nước.

Tôi cứ nghĩ, một người thực sự tài năng, có đóng góp cho văn chương và cuộc đời thường mới là người có khả năng để ra các giai thoại. Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng là vậy. Hoàng Ngọc Hiến là vậy. Và người thầy của tôi, nhà văn Nguyễn Đăng Mạnh là vậy. Ông có khá nhiều các giai thoại. Có những chuyện chúng tôi biết một phần sự thật. Có những chuyện cũng có phần đồn thổi. Nhưng cho dù thế nào, chân dung Nguyễn Đăng Mạnh vẫn hiện lên như một người mang tinh thần kẻ sĩ. Ở đời, làm kẻ sĩ không dễ, kể cả theo đuổi tinh thần kẻ sĩ cũng khó. Cái hạt nhân cốt lõi của kẻ sĩ là dám sống đúng là mình, được là mình bởi những gì mình cho là phải, và có khả năng kháng cự lại đám đông.

Ông là người “một đời va vấp” như cách nói của nhà văn Nguyễn Quang Thân. Tại sao ông lại hay va vấp? Va vấp với ai? Vì chuyện gì? Truy tìm tận cùng cho các câu trả lời cũng không phải dễ. Vụ va vấp cuối cùng của ông là cuốn Hồi ký trôi nổi trên mạng. Bây giờ cũng chưa có một văn bản phát ngôn chính thống nào về cuốn này, nhưng nó cũng đủ gây sóng gió dư luận, đủ quy kết, chụp mũ này khác. Tôi cho rằng đến thời điểm này, cuốn Hồi ký cũng đã “nhẹ vía” đi nhiều khiến cho người ta không còn phải nghi ngại nữa... Người ta vẫn thường hay nói giới nghệ sĩ lắm khi tự chuốc lấy những hệ lụy không đâu (“Phong vận kỳ oan ngã tự cư” – Nguyễn Du). Nhưng đa phần, chỉ những người biết thương tôn tinh thần kẻ sĩ mới hay phải chịu nhiều hệ lụy, thiệt thòi. Kẻ tùy thời thì dễ yên thân. Sau những lần va vấp, thầy lại càng sắc nhọn hơn, cứng cỏi hơn.

Có lần, một vị Giáo sư đồng nghiệp của thầy Mạnh nhận xét với chúng tôi: “Mạnh có cái cung bằng hữu”. Nghĩa là thầy Mạnh được ở chỗ đông bạn, đông trò. Bạn thầy là các đồng nghiệp, các nhà văn. Trò thuộc nhiều thế hệ, thầy cũng coi như bạn vong niên. Nếu ai được thầy yêu quý, sẽ có cảm giác rất dễ chịu và thú vị mỗi khi cùng thầy. Ngược lại, những ai bị thầy “khinh bỉ”, thì thầy không cả thèm bắt tay, bắt nhời, thậm chí giáp mặt cũng coi như không có. Trong giới phê bình văn học, không phải ai cũng được cánh nhà văn yêu quý, thậm chí còn “mặt giăng mặt gò”. Thế nhưng thầy Mạnh đã chiếm được lòng yêu mến của hầu hết những nhà văn. Bởi mỗi khi tiếp xúc, mỗi khi đọc Nguyễn Đăng Mạnh, họ thấy được tri âm, được trân trọng và chia sẻ.

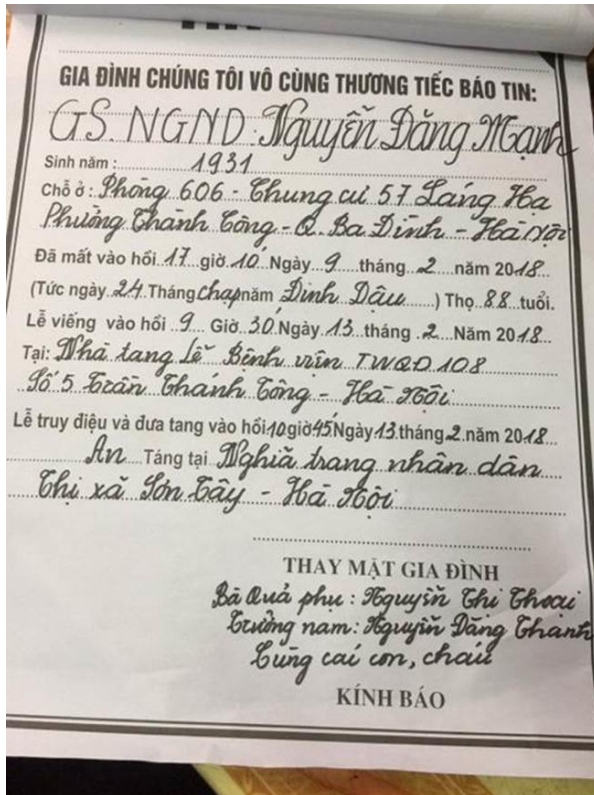
Sau 89 năm với tất cả những vui buồn, những vinh quang và cay đắng, bây giờ thầy đã trút bỏ, để về với cõi vô cùng.

Chắc thầy sẽ vui khi biết rằng anh linh cụ Nguyễn Tuân đang chờ thầy ở đó. Cụ Nguyễn đã có lần bảo khi chết cụ sẽ kéo vài thằng phê bình xuống cùng để nói chuyện văn chương cho vui. Chả biết cụ có thực muốn kéo ai không, và đã kéo được ai chưa, nhưng tôi tin rằng lần này cụ Nguyễn đã vui mừng đón thầy Nguyễn Đăng Mạnh.

*Ngày thầy về cõi vô cùng, 9-10/2/2018*

## Vĩnh biệt nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Đăng Mạnh





Nhà nghiên cứu văn học, GS Nguyễn Đăng Mạnh đã chia tay cõi trần ngày hôm qua, 9/2/2018. Văn Việt xin thành kính cầu chúc hương hồn nhà nghiên cứu văn học nghiêm cẩn, trung thực, nhà giáo tận tụy được nhiều thế hệ môn sinh kính mến, siêu thăng nơi cực lạc. Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc bài viết của các nhà nghiên cứu Văn Giá và Đỗ Ngọc Thống như một nén nhang thấp trước linh cữu GS Nguyễn Đăng Mạnh.

Văn Việt

## Ngôi sao ấy vừa lặn Đỗ Ngọc Thống

Thế là thầy Nguyễn Đăng Mạnh đã ra đi. Đi mãi mà không trở lại. Không hiểu như thế có đúng ý thầy không, bởi mấy năm gần đây, lần nào gặp tôi, thầy cũng nói: “mình sống lâu quá”. Nhất là sau khi mấy người bạn cùng tuổi thân nhất lần lượt ra đi, thầy ít nói hơn, lúc nào trông cũng buồn buồn và lặng lẽ. Thi thoảng tôi đến thăm, lần nào cũng thế, suốt buổi hầu như chẳng thấy thầy nói câu gì. Cứ ngồi im, lặng lẽ như một ngôi sao cuối trời.

Cũng như một số GS cao tuổi, GS thật, tôi cứ nghĩ họ là những ngôi sao. Mỗi ngôi tỏa sáng một vùng, theo nhiều cách, nhiều kiểu sắc màu. Rồi đều giống nhau: cứ dần lặn vào bóng đêm của thế giới bên kia. Nhưng sau khi lặn vẫn hắt lại những ánh hồi quang rực rỡ, không bị mất hút, “vô tầm tích” trong thăm thẳm cõi trời.

Trong bầu trời văn học Việt Nam hiện đại, Nguyễn Đăng Mạnh là một ngôi sao. Ngôi sao ấy vừa lặn, vừa khuất lấp sang thế giới bên kia lúc 17g10 phút ngày 9-02-2018. Một cánh hạc lớn vừa tiễn ông về nơi cuối trời. Ngôi sao ấy lặn rồi nhưng ánh hồi quang rất MẠNH, dường như nó còn rực rỡ hơn những ngày ông còn rong chơi ở chốn nhân gian. Ánh hồi quang ấy trước

hết hất lên từ những bài viết tuyệt hay, những ý tưởng độc đáo, những nhận xét, bình luận tinh tế, sắc sảo. Hậu thế còn tiếp tục đọc, tiếp tục nghĩ về Nguyễn Tuân, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Xuân Diệu, Nguyễn Hồng... thì người ta sẽ còn nhắc đến Nguyễn Đăng Mạnh. Không những thế, hồi quang ấy còn được tỏa ra từ con người, bản lĩnh và lối sống của ông, một trí thức Bắc Hà.

Trưa hôm qua còn tôi còn tới thăm ông, vẫn còn nắm bàn tay ấm nóng. Thế mà vài tiếng sau ông đã ra đi. Tiến thầy về miền cực lạc, trong lòng tự nhiên trống rỗng; bạn giục viết bài về thầy mà ngòi bút cứ ngẩn ngơ không chịu chạy trên trang giấy. đành chép lại một đôi điều đã từng nghĩ về ông.

Sinh năm 1930, tuổi ngọc; như thế chỉ ít ngày nữa thôi, ông bước vào tuổi 89. Gần 90 năm với bao cay đắng, ngọt bùi; vinh quang có, nhục nhằn cũng có. Sau những ngày “sóng gió” bởi cuốn *Hồi ký*... trên mạng; thầy trở nên trầm lắng hơn. Cuốn *Hồi ký* đã mang lại cho thầy những người bạn mới, nhưng cũng làm rơi rụng khá nhiều người quen cũ. Có người bảo ông buồn vì chuyện này. Nhưng theo tôi thì không phải thế. Trong tâm lý Á Đông, khinh trọng đối với mỗi con người là cả một vấn đề. Rất ít người vượt qua được mặc cảm khinh trọng. Có ông thầy từng mất ngủ cả đêm, trần trọc, bần khoản chỉ vì lúc chiều cậu học trò không chào. Có người rất uất vì gọi điện cho một ai đó ít tuổi hơn nhưng không được trả lời, cũng không nhắn nhe gì lại cả. Bạn tôi nổi sùng lên với một đồng nghiệp chỉ vì anh gửi tài liệu qua email, người kia nhận được nhưng không hề hồi âm cho người đã gửi... Tuổi già, về hưu lại càng dễ có cái mặc cảm bị bỏ quên, bỏ rơi, không còn tác dụng gì, vô tích sự,... rất dễ tủi thân, dễ nổi cáu và dễ quy kết hành vi người khác là thiếu lễ độ, thiếu tôn trọng mình,...

Với thầy Mạnh, tôi thấy hình như ông vượt qua được cái mặc cảm khinh trọng ấy. Ông và Hoàng Ngọc Hiến là hai người trong số ít bậc thầy không có mặc cảm này. Đây không phải là thái độ của AQ “nó khinh mình như khinh bố nó” mà là xuất phát từ một bản lĩnh tự tin; tự tin với chính giá trị vốn có của mình. Phải là người hiểu mình, hiểu chân giá trị của chính mình và thấm thía, trải nghiệm nhiều vinh nhục ở đời... thì mới có thái độ sống vượt mặc cảm khinh trọng; mới luôn bình thản, coi như không có chuyện gì xảy ra, kể cả khi đã xảy ra những chuyện tày trời....

Khi đã về già, người ta rất dễ buồn vì chuyện sự nghiệp, nhất là những người đã có chút tiếng tăm. Nhìn quanh quẩn chẳng có gì để lại; viết ra rất nhiều nhưng chẳng ai nhớ, chẳng ai đọc những gì mình viết. Nguyễn Đăng Mạnh không có nỗi buồn này. Với phê bình văn học Việt Nam hiện đại, ông sẽ là một trong số ít cây bút được bạn đọc nhớ và họ còn đọc lại ông nhiều lần nữa. Rất ít ngòi bút phê bình vừa có chất văn, vừa có ý tưởng mới; dù ngắn hay dài đều có nghĩa lý, đều là “văn sư tử”; đều tạo được ấn tượng sâu đậm, sáng sủa và thật giàu màu sắc biểu cảm... như văn phê bình của Nguyễn Đăng Mạnh. Tôi thỉnh thoảng vẫn dạy học sinh làm văn, vẫn thường chấm luận văn, luận án...mới thấy ảnh hưởng của văn Nguyễn Đăng Mạnh lớn thế nào. Không chỉ số lượng trích dẫn mà còn rất nhiều ý tưởng, chữ nghĩa của ông được các em học sinh cứ thản nhiên dùng như là văn của mình. Mà chẳng cứ gì học sinh Trung học, nhiều luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ, nhiều bài phê bình về Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng... đã và đang xuất hiện trong nhà trường, trên báo chí... vẫn phảng phất ý tứ và văn phong ông Mạnh đầy thôi. Có người viết cả cuốn sách về Nam Cao, nhưng không để lại được một mẫu ấn tượng gì trong lòng bạn đọc, ngoài cái cảm giác hình như những ý này thầy Mạnh đã nói rồi. Thế thì làm gì ông phải buồn?

Khi về già, người ta thường hay buồn về chuyện con cái, cháu chắt. Tôi thường vẫn nghĩ, hạnh phúc gia đình trước hết được đo ở sự trưởng thành của thế hệ con cháu. Ôi ông làm to mà con cái hư hỏng; rất nhiều bà mẹ lắm tiền mà con vô học, cháu hỗn láo, thậm chí vào tù... Đó là nỗi



buồn về nhân tính. Một phương diện khác, lại là nỗi đau nhân hình. Chẳng may trời bắt tội, bố mẹ phải mang nỗi đau buồn vì những đứa con tật nguyền, không lành lặn về thể xác... Mà cả hai trường hợp đều không bỏ được; con có thể bỏ cha mẹ, nhưng mẹ cha nào lại bỏ được con. Có con lớn trong nhà chưa dựng vợ, gã chồng đã là một nỗi lo; con có vợ chồng rồi, chưa có cháu cũng tiếp tục phải nghĩ... Cháu có rồi nhưng nó có hay đau ốm; đi học có thuận lợi, có giỏi giang.. lại cũng là nỗi lo không kém. Thầy Mạnh cũng không có nỗi buồn này. Ông bà có hai người con: nếp có, tẻ có. Cả hai đều đã trưởng thành, có gia đình con cái bình thường. Con cháu đều ngoan hiền, hiếu thảo; thương yêu và kính trọng bố mẹ, ông bà hết mực. Có nhà riêng, nhưng gần đây ông bà ăn ở cứ Nam Bắc chia đôi: khi vào Nam với con trai, khi ra Bắc với con gái... tình nghĩa vẹn toàn. Thế thì có gì mà phải buồn!

Những tưởng thầy Mạnh chẳng có gì phải buồn, nhưng nghĩ ra thấy ông vẫn có nỗi buồn, thậm chí nỗi buồn không nhỏ. Cũng như Xuân Diệu, ông vốn là người thích “giao cảm”, khát khao được giao cảm, thích giao du, xê dịch sông nước; thích tiếp xúc, trò chuyện “nhậu nhẹt, tán phét” như ông thường nói. Và vì thế ông ham thưởng thức, nhấm nháp cái đẹp, cái hay bằng tất cả sự tinh nhạy của các giác quan... Thế nhưng mấy năm gần đây, tai ông nặng dần, chân bước chậm hơn, răng bắt đầu rụng... Thành thử các cuộc chuyện trò, nhất là ở chốn đông người, ông nghe không được bao nhiêu. Mà phải chờ đông mới vui; mới lắm thông tin, mới nhiều chuyện lạ; nhưng khốn nỗi càng đông, càng nhiều chuyện, càng vui nhộn, ông càng ít nghe được bấy nhiêu. Ông rất thích thưởng thức ẩm thực, những món ngon, của lạ... thế nhưng bây giờ răng đã thế, làm sao ngon cho được? Say mê những danh lam thắng cảnh, thích trèo lên tận Cột cờ Lũng Cú; sục chân vào bãi bùn tận đất mũi Cà Mau, sờ tận tay viên gạch rêu phong của những tháp Chăm cổ kính... nhưng bây giờ chân đã yếu rồi, lại mấy cái đỉnh chưa rút sau lần trượt ngã phải bó bột đóng đinh khi du giảng ở vùng đất phương Nam... thế nên đi xa, đi và đến những nơi đúng nghĩa ông thích, giờ hầu như chỉ còn là mơ ước.

“Khi tuổi tác càng cao thì sức khỏe càng thấp”, cũng là lẽ thường tình. Nhưng đầu óc ông vẫn tỉnh táo, suy nghĩ vẫn mạch lạc rõ ràng, vẫn còn trẻ trung, mạnh bạo trong cách nghĩ, cách nói... chính thế mới làm ông buồn. Nỗi buồn tựa hồ như “ lực bất tòng tâm”... Có điều, ở đời thường vẫn có sự bù trừ giữa các giác quan; cái này yếu thì cái khác mạnh dần lên. Cái đang mạnh lên ở thầy Mạnh phải chăng là cuộc sống nội tâm, những suy tư, chiêm nghiệm hay dờ của cả đời người đang dồn tụ thành biển cả trong ông. Càng tách bạch với ngoại giới, cái biển cả tâm hồn trong ông lại càng nhiều dịp nổi sóng tung bờ... những lớp sóng buồn trước sự nhỏ nhẻ, đen bạc của cuộc đời.

Hai năm gần đây, tai ông nặng hẳn, chân bước chậm chạp, răng rụng gần hết, hầu như không nghe được, ăn ít biết ngon... Chắc thầy đã nghĩ, sống thế thì sống lâu làm gì? Thầy chán đời, chán mình; nhất là khi ốm đau phải cậy nhờ người khác, kể cả con cái, người thân. Những khi ấy ông càng bứt rứt, chán chường.

Trong vòng hơn nửa năm qua, ông nhập viện ba lần. Lần đầu xuất huyết dạ dày nằm tại bệnh viện Chợ Rẫy (Sài Gòn). Thoát được cửa tử thần lần ấy, ông ra lại Hà Nội. Gặp tôi và anh La Khắc Hòa đến thăm, câu đầu tiên ông nói “mình vừa mới từ cõi chết trở về”. Được ba bốn tháng yên lành, bỗng nhiên ông bị tai biến, phải vào bệnh viện Hữu Nghị (Hà Nội). Kết quả chẩn không đi đứng được, phải nằm một chỗ. Rồi ông cũng được ra viện, về nhà tập đứng lên, ngồi xuống. Tôi đến thăm, ông trầm ngâm nói: “tính mình thích lang thang, nay bị thế này như đeo cùm”. Rồi chân dần vững lên, tôi mừng và thấy đầy hy vọng. Hy vọng ông đi lại được... Thế rồi, đúng một cái ông lại được đưa vào viện. Lần này ông bị viêm phổi nặng cộng với bệnh tim (hẹp động mạch vành). Bệnh viện định nong tim đặt stent, nhưng tuổi cao, sức yếu sợ ông không chịu được, nên đành chữa theo hướng khác.

Những ngày này, Hà Nội lạnh tái tê, thầy Mạnh nằm viện với bệnh tình quá xấu. Xấu hơn cả tiết trời Hà Nội. Nằm viện với tình trạng mà khi tỉnh táo ông rất ghét. Không chỉ là chuyện phải nằm một chỗ. Đã hơn 1 tuần rồi, tôi vào và đau đớn thấy một cái ống nhựa chọc qua miệng thầy, họ nói là để thở bằng máy; ăn phải qua ống xông đường mũi, dây nhợ ngưng ngoằng cắm khắp nơi để đo các chỉ số huyết áp, nhịp tim, hơi thở... Người ta phải gây mê để đặt các ống này. Khi tỉnh dậy ông đau cổ đã đành, nhưng cái mà ông ghét nhất là lằng nhằng vướng víu... Tôi nhớ cách đây khoảng 6-7 năm, khi tai ông bắt đầu khó nghe, tôi đưa thầy đến Trung tâm trợ thính, 2 lần ông mua máy nghe chống điếc. Cái máy ấy chỉ cần gắn hoặc quắc vào tai rất gọn... thế nhưng ông đeo được vài hôm rồi quăng đi luôn. Tôi hỏi, ông bảo đeo cái ấy lằng nhằng, phức tạp lắm... Ông thích đơn giản, gọn nhẹ, mộc mạc; ghét sự diêm dúa, cầu kỳ trong sinh hoạt và trang phục, giống hệt như những trang văn ông viết, giản dị, chân tình mà sâu thẳm trí tuệ và cảm xúc, mà lay thức lòng người...

Giờ thì thầy muốn nói, nhưng miệng vướng ống thở, vướng dây nhợ thế, nói sao được. Cái máy trợ thính nhỏ xinh thế mà ông đã thấy khó chịu, huống chi bây giờ, hàng lô ống và dây. Bình thường ông thích có người đến tán chuyện cho vui, nhưng đó là lúc bình thường. Là người theo chủ nghĩa duy mỹ, ông vốn khinh bỉ sâu sắc sự nhếch nhác, cả trong đời thực lẫn văn chương; lại luôn rất tỉnh và tinh trong việc nhận ra sự nhếch nhác ấy. Vì thế tôi nghĩ và chắc một điều: ông không muốn gặp nhiều người trong tình cảnh này. Tôi đã nghe nhiều lần ông đọc câu “Mỹ nhân tự cổ như danh tướng/ Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu”.

Tôi đến thăm thầy. Thầy nằm im, bất động, mắt nhắm nghiền. Nắm bàn tay và lay gọi vài lần, thầy vẫn không tỉnh được. Có phải thầy đang mơ về một xứ xa xôi. Nơi ấy chỉ giản đơn là không còn phải đeo mấy cái thứ ống và dây ấy nữa; sao lằng nhằng quá thế này... Tôi biết thầy sẽ rất vui khi gặp lại những tri kỷ, tri âm; những người lúc còn sống đã gắn bó, thân thiết với thầy, những Nguyễn Tuấn, Xuân Diệu, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Khải, Nguyễn Hồng, Nguyễn Minh Châu và bao văn nhân khác nữa...

Ra đi sớm, thầy thì vui nhưng thầy có biết không, thầy đã để lại cho biết bao người một nỗi đau buồn khôn tả, một khoảng trống khó có thể lấp đầy. Thầy như một bức tranh trong căn phòng triển lãm mà nếu lấy đi vĩnh viễn để lại một khoảng trống trên tường như thầy từng viết. Ngôi sao ấy vừa lặn rồi. Ánh hoi quang vẫn còn đó... nhưng lòng sao vẫn thấy lạnh lẽo vô cùng, lạnh hơn nhiều cái tái tê của đất trời Hà Nội. Vĩnh biệt người thầy cao quý của biết bao thế hệ học trò. Vĩnh biệt tác giả của nhiều bài phê bình còn in đậm mãi trong tâm khảm bạn đọc. Vĩnh biệt một con người chỉ biết cúi đầu trước hoa mai.

10-02-2018.

\*\*\*



Phụ đính i

Qua “Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh”  
Khải Nguyễn

Đây không phải là một bài phê bình mà chỉ là đôi điều cảm nghĩ lụn vụn của một người “ngoại đạo”, chẳng phải là nhà phê bình văn học, nhà lí luận càng không phải.

Cuốn hồi kí có những trang đọc khá lí thú cho biết một số khía cạnh, kể cả mặt khuất, về cuộc đời và con người, về chính tác giả nữa, trước hết ở những mặt có liên quan đến học thuật, văn nghệ. Ta được biết con đường mà một giáo viên dạy cấp hai (tức cấp trung học cơ sở hay trung học đệ nhất cấp) trở thành một giáo sư đại học tiếng tăm, cùng những thành tựu của ông. Ta được biết một số chuyện “ít ai biết” trong các lĩnh vực văn nghệ, học thuật, giáo dục,..., cả chuyện riêng tư. Có những chuyện khá “bất ngờ”, tỉ như chuyện ông L. Đ. A. đi giặt lùi trước ông Lê Đức Thọ khi chào ông này ra về mà ông Nguyễn Khải và một số nhà văn khác chứng kiến (Chi tiết này bổ túc bức chân dung mà ông Trần Quang Cơ, cựu thứ trưởng ngoại giao, đã kể trong cuốn hồi kí của mình: Bất chấp việc các vị lãnh đạo tối cao, trong đó có ông ta, đã quyết định rằng tiếp viên trợ lí thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc chỉ do thứ trưởng ngoại giao mà thôi, còn cấp cao hơn thì không, ông A. đã tự tiện đến gặp sau khi viên “đặc sứ thiên triều” này tỏ ra tức tối vì các quan chức VN làm việc với y không chịu tuân theo ý của y. Chưa hết, sau đó khi sang Bắc kinh, ông A. lại hai lần đến nhà riêng y để xin lỗi!).

Nói chung, với những người được đề cập đến, ông Mạnh đều ít nhiều khắc họa được những nét riêng, cung cấp nhiều tư liệu có khi thuộc dạng “bí sử” dù họ đều là những người có tiếng tăm được huyền truyền trong giới không ít.

Thanh Tịnh là người ít nổi bật trong số đó, nhưng người ta biết nhiều đến ông qua một số truyện ngắn và bài thơ dễ thương của ông trước cách mạng, và những bài “độc tấu” của ông trong thời kháng chiến chống Pháp. Ông Mạnh cho là “tuyên truyền cao đến như độc tấu của Thanh Tịnh thì cũng vẫn là tuyên truyền” không phải là nghệ thuật, in thành sách rất dở, và “Thanh Tịnh là một trong những nạn nhân bi thảm nhất của lí luận văn nghệ Trường Chinh”.

Thật ra, đây chỉ là những tiết mục đệm trong những buổi diễn văn nghệ hay những buổi họp hành; thường chúng rất được đón nhận, nhất là những lúc khán giả hay cử tọa đã mệt mỏi hay chán những tiết mục nhạt nhẽo hoặc những bài nói khô, sáo,...; cũng có lúc là tiết mục phục vụ bộ đội tại chỗ bên đồng lửa trại hay những khi dừng nghỉ trong hành quân chẳng hạn. In làm tư liệu thì được, chắc sinh thời Thanh Tịnh cũng không coi quá cao. Về cái ý của ông Trường Chinh “tuyên truyền cao đến một mức nào đó thì trở thành nghệ thuật” mà ông Mạnh nhắc đến thì cũng hơi... lùng nhùng. “Cao đến một mức nào đó” là sao? (Và trong vé thứ hai: Nghệ thuật thiết thực đến một mức nào đó thì có tác dụng tuyên truyền.- Thiết thực như thế nào?). Tuyên truyền và nghệ thuật là hai lĩnh vực khác nhau song có thể có những trường hợp nào đó gặp nhau không? Cái này có thể dựa vào tác dụng của cái kia; cái kia có thể phát huy ảnh hưởng sang cái này chẳng! Bài La marseillaise của nước Pháp ban đầu là tác phẩm tuyên truyền cho cách mạng Pháp sau trở thành quốc ca Pháp; đó có phải là tác phẩm nghệ thuật không? Bài thơ Đợi anh về của Ximônốp làm đề cổ vũ cuộc kháng chiến chống Đức của Liên-xô xưa vẫn được đánh giá cao mãi về sau này. Không thấy nói Picasso vẽ bức tranh Ghécnică do thuần túy cảm hứng nghệ thuật hay do cuộc nội chiến Tâybannha thôi thúc, chỉ biết đây là một kiệt tác mà trong nhiều cuộc vận động (tuyên truyền) chống chiến tranh người ta vẫn nhắc đến.

Dương Thu Hương lại là người khá nổi bật. Người ta vốn đã biết đến cái “tiếng” ngổ ngáo của nhà văn nữ này. Có lần, trong một hội ngộ văn chương, Tô Hoài khoe đã in hơn trăm đầu sách, bà Hương cho ngay một câu: “thật là vô liêm sỉ!”. Trong một lần được mời nói chuyện về tác phẩm của mình, trên diễn đàn bà ta nói không úp mở: “Cuốn Bên kia bờ ảo vọng tôi viết về Nguyễn Đình Thi; mà anh ta bày phần tôi chỉ mới viết một” (Về sau, trong một trường hợp nào đó bà ta đã chối những lời này). Đọc hồi kí NDM thấy rõ một DTH đanh đá, ngang ngược trong giao tiếp cũng như trong phát ngôn chính thức, và luôn mồm chửi người này, người nọ là “đồ khốn nạn”. Điều này không phản ánh trong tác phẩm của bà: văn phong của DTH cứng cỏi, quyết liệt nhưng không “tệ hại” như ngôn phong. Ngôn phong ấy cùng tính cách ấy có thể là gia vị cho văn phong ấy đối với loại người đọc này, song có thể là cái mùi phản cảm đối với loại

người đọc khác. Ông Mạnh nhận định đúng: ở nhà văn này, văn truyện kí không sắc sảo bằng văn chính luận. Song le, do thiên hướng cực đoan (có cả phát ngôn tùy tiện nữa chẳng!), khó tránh khỏi những nhận định võ đoán hoặc phiến diện. Chỉ lấy một dẫn chứng nhỏ: như ông Mạnh kể DTH từng cho rằng “Năm điều bác Hồ dạy (thiếu nhi), không nói yêu cha mẹ nên bây giờ trẻ con hư hỏng hết”. Đó có thể cho là sơ suất trong lời dạy thứ nhất của cụ Hồ, nhưng qui cho đó là nguyên nhân của tình trạng trẻ con hư thì chỉ là nói cho “oai” thôi. Trong hoàn cảnh: xã hội thì tiêu cực, tham nhũng tràn lan mà người đời lại vô cảm; gia đình thì mãi lo kiếm sống, hoặc mãi lo kiếm chác; nhà trường thì không hoặc khó làm tròn chức năng của mình, đâu có nhấn mạnh “yêu cha mẹ” đến vạn lần cũng khó mà biến trẻ con hư thành ngoan được.

Có ba nhân vật có những điểm nổi bật vừa (có vẻ) giống nhau mà lại rất khác nhau. Đó là các ông *Hoàng Ngọc Hiến (xem tr 10)*, *Tô Hoài (xem tr 17)* và *Trần Đăng Khoa. (xem tr 25)*

Giống nhau ở chỗ đều tinh quái nhưng khác nhau ở chỗ: ông thì tinh quái kiểu “triết nhân”, ông thì tinh quái kiểu “ma xó” có nghĩa là biết hầu mọi chuyện của hầu mọi loại người trong giới, ông thì tinh quái kiểu “nông dân hãnh tiến”. Cả ba ông đều rất hay “phán”, mỗi ông phán theo “ngôn phong” riêng của mình.

Hình như ông Hiến ít khen ai. Những người, những việc nói đến thường được ông ban cho những lời thâm thúy đậm mùi triết lí cay độc, và, như lời ông Mạnh, là những “nhận xét khái quát, mệnh đề chắc nịch, cực đoan” mang tính phán truyền. Chẳng hạn, ông phán người xứ Nghệ “cái gì cũng biết, trừ hạnh phúc”. BẠN ông, ông Mạnh, khẳng định ông là dân xứ Nghệ nhưng “cái gì cũng biết, kể cả hạnh phúc”; tuy vậy người ta muốn hỏi chính ông về ông, vận vào “định đề” nói trên của ông, cả về những người thân của ông trên đất Nghệ nữa. Đọc hồi kí NDM thấy Hoàng Ngọc Hiến thích tìm “qui luật”, ví như: giảng viên đại học gồm hai loại, loại động vật và loại thực vật... Một người học trò Trương Tửu trước đây cho biết vị giáo sư quá cổ này từng rất hay đề ra qui luật trong các bài giảng của mình; những qui luật ấy chết yểu. Chẳng biết ông Hiến có hay tìm qui luật trong nội dung các bài giảng của mình không, nhưng “qui luật” ông phát ngoài đời những lúc hơi khinh suất e rằng cũng chẳng thọ; song, những câu sản ra từ chiều sâu suy nghĩ như khi ông nói về “văn nghệ phải đạo”, về “nước ta nó thế”,... có thể đọng lâu. Có vẻ như có những lúc ông theo đà nói cho sướng miệng, chẳng cần biết hậu quả. Như lần ông trả lời phỏng vấn trên Talawas mặt sặt và miệt thị nhiều đồng nghiệp, mặc dù phóng viên đã nhắc là sẽ đưa ra công khai đấy; sau đó ông có những lời đúng như người ta tán “sám hối khi tỉnh rượu”. Ông Mạnh vẽ ra một H.N.Hiến ngông nghênh, chẳng sợ ai, song đã có lần ông này khấn khoản ông kia “Đừng nói với ai nhé!” về một hành động chính trị do bị “xúi dại” của mình. Lần khác, ông “thoát hiểm” là nhờ Lê Đức Thọ cứu (Chuyện này hẳn ông khoe với ông Mạnh nên ông kia mới biết được tường tận). Có một dạo người ta thích những lời phán của H.N.Hiến, nhưng giá ông “điều chỉnh” cách tư duy một chút và tôn trọng đối tượng “mục tiêu” hơn, không nhất thiết phải điều chỉnh giọng điệu, -một giọng điệu rất riêng, có bản sắc, làm đậm những kiến giải của ông.

Ông Mạnh nói về Tô Hoài: “cái gì cũng biết, không gì qua mắt được” “mà toàn thiên về phía mặt trái của cuộc đời, mặt trái của con người”, “tỉ mỉ, thóc mách”, “sành sỏi, lọc lõi”, “tinh quái”, “khinh bạc”. Song, ông có vẻ phục nhà văn kì cựu này. Tô Hoài chỉ cần đưa ra vài từ “rất gọn và đích đáng” để phát hiện ra những khía cạnh buồn cười và làm cho đối tượng nhận xét “lập tức trở thành tầm thường”. Chẳng hạn, bảo “Nhật kí trong tù” của Hồ Chí Minh chỉ là tập thơ kêu oan. Ông Mạnh cho rằng “kể ra cũng đúng” ở một số bài như bài “Đi Nam Ninh”:

*Hôm nay xiềng sắt thay dây trói (Ông Mạnh viết “giây”)*

*Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung*

*Tuy bị tình nghi là gián điệp*

*Mà như khanh tướng vẽ ung dung*

Một bài thơ hàm ý trào lộng như vậy mà các vị đọc ra tiếng kêu oan thì “tài” thật! Tô Hoài còn biết nhiều điều mà “không phải ai cũng biết rõ”. Tỉ như (ông phán): Vụ Nhân văn-Giai phẩm thật ra là một vụ án chính trị do “hai thằng Tây” xúi giục, “một là Tổng giám mục ở nhà thờ Hà Nội... , hai là tay tùy viên văn hóa của sứ quán Pháp...” (Ông T.Hoài nhầm, hồi đó Pháp chỉ mới có phái đoàn đại diện tại Hà Nội chứ chưa có đại sứ như ở Sài Gòn) chứ chẳng phải án văn nghệ(!) (Các vụ án “ngục văn tự” nào trong lịch sử đồng tây mà không dính tới chính trị? Vấn đề là đối tượng để phê phán thuộc lĩnh vực văn nghệ), hay như: “Nguyễn Hữu Đang bị giam 15 năm /.../ khi ra tù không hề biết có chiến tranh phá hoại của Mĩ và sự kiện giải phóng miền Nam 30-4-1975”(!) (Ông Đang bị bắt giam năm 1958 thì hã ra tù năm 1973; mặt khác, ít ra thì trong tù người ta cũng cho ông Đang đọc báo và nghe đài để “giáo dục cải tạo tư tưởng” chứ!). Cái tinh quái, Tô Hoài sử dụng vào tác phẩm ở mức độ trong các tập *O chuột*, *Ba người khác*,... là vừa; đậm hơn có khi lại không hay lắm.

Trần Đăng Khoa trong hồi kí NĐM “từ bộ dạng, cách nói năng đến thói quen ăn uống đều đặc nông dân” và “đặc biệt có tật nói dối” nhưng “mồm mép ghê gớm”, “rất to mồm muốn áp đặt tư tưởng của mình” cho kẻ khác, là người “đầy tự tin, có phần kiêu ngạo nữa” lại “có ý thức mình là thần đồng”. Không thấy bóng dáng nhà thơ đâu, chưa nói “nhà thơ thần đồng”, song lại thấy những nét tinh quái. Tinh quái ở những phát ngôn hoạt khẩu, ở cách “diễn đạt tinh quái”, “chống chế rất giỏi”, dùng giọng tếu táo hoặc tưng tưng, hài hước mà “chế diễu rất ác” và “biến thành khôi hài” những gì mình ghét. Ông Mạnh bảo “nghe Khoa nói, chỉ nên tin một nửa”, nhưng căn cứ vào những gì ông mô tả về nhân vật này thì như thế cũng là hơi nhiều; còn khi ông cho rằng Khoa “có phần kiêu ngạo” thì lại (cũng) chỉ đúng một nửa, có nghĩa rằng thật ra thì “nhà thơ thần đồng” này rất kiêu ngạo song ở tầm “siêu”. Một lần, có người viết trên báo rằng “Khoa về hưu từ khi 10 tuổi”, ngụ ý chê tài thơ của ông ta còn quá sớm, ông ta dùng giọng tưng tưng sờ trường mà trả lời trong một cuộc phỏng vấn (đăng báo) rằng: người ta “xếp tôi ngang với thánh Gióng, thánh Gióng 3 tuổi đã về hưu còn tôi 10 tuổi đã xong một sự nghiệp”, nhưng “tôi còn bao thứ làm sau khi ‘hưu’ nữa”, -tức là còn vượt xa thánh Gióng(!). Không nói chuyện thực tình hoặc vờ không hiểu hình tượng Thánh Gióng: *Tuổi lên ba là tuổi ấu thơ của dân tộc trong buổi mai lịch sử; ba năm nằm yên “chẳng nói, chẳng cười trơ trơ” là ba năm nằm yên hấp thụ khí thiêng sông núi và giống nòi; nạn ngoại xâm là yếu tố kích thích tự vươn mình vùng dậy lớn bổng lên*. Chỉ nói cái ý ngạo mạn coi những bài thơ trong “góc sân nhà (em)” là “một sự nghiệp” ngang với chiến công của thánh Gióng thì Khoa đâu chỉ “có phần” kiêu ngạo?! (Cũng phải thôi! được o bế và nâng đỡ từ bé, cả ở cấp lãnh đạo văn nghệ tối cao, cùng với việc được báo chí nâng niu ngợi ca hơn bất cứ ai khác trong làng văn thơ từ trước tới nay ở VN, trừ Tố Hữu, thì có kiêu ngạo và tự mãn cũng có thể thông cảm được, nhưng chớ tự “u mê hóa” mình rồi tự đánh giá quá xa sự thực, dẫu thường được khôn khéo che đậy!)

Có thể nghĩ ông Mạnh với nhiều lời phán mà ông thuật lại một cách “khách quan”, có khi lại tiềm ẩn nét vui vui, không có ý gì phê phán dẫu là phê phán ngầm kiểu bút pháp Xuân Thu. Chẳng ai viết hồi kí chỉ để cho riêng mình và thân thích đọc (Có học giả, -như N.H.L. chẳng hạn, viết rằng chỉ để cho con cháu đọc thôi, nhưng thực ra giọng điệu cũng như ý tứ trong hồi kí của ông ta không tỏ ra như vậy). Thẳng hoặc có người chỉ muốn làm chứng nhân, nhưng nói chung thì ai cũng chủ yếu là nói về mình, về những gì liên quan đến mình. Điều này chẳng lẽ là không chính đáng? Hồi kí của NĐM cũng vậy. Điều đáng ghi nhận là ông Mạnh viết ra tâm trạng thực của mình, ý nghĩ thực của mình không gây quá bất ngờ như trường hợp N.K. Ông nhà văn này “biết điều” quá lâu cho tận đến ngày gần già từ cõi đời mới tung ra một “tuyên ngôn phản tỉnh” muộn màng. Ông Mạnh hứng khởi nói về những thành tựu của mình và cảm uất về những “tai nạn” do tổ chức hay cá nhân gây ra cho ông. Trong cuốn hồi kí, có người ông ưa, có người ông đối xử phải chăng, có người ông ghét -kể cả ghét thậm tệ. Đặc biệt, ông có vẻ hãnh diện được một số người quý: Dương Thu Hương, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Tuấn,

Xuân Diệu,... -cả Tố Hữu nữa, dẫu khó xếp ông này vào diện “ưa” của ông. Cũng đặc biệt, những người ông ghét hầu hết là những người ít nhiều đã phê phán ông trong những bài viết, bài nói. Thường thì với những người khác, nếu có đụng đến khuyết điểm, nhược điểm, ông không nặng lời; với những người ông không ưa, ông chẳng “hà tiện” lời phỉ báng: “thiếu văn hóa”, “thô bỉ”, “nhiều thằng ngu hoặc cố tình không hiểu”, “chỉ nghĩ đến đã đủ chán đời lắm rồi”, “một lũ bù nhìn vô tích sự”, ... Một số nhân vật bị ông điểm tận mặt: H.T. “ngang nhiên bợ đỡ”; T.V.T. “thằng cha lão lếu, mắt dạy”; P.C.Đ. “thằng đều”; M.Q.L. và T.M.H. “những kẻ hung hăng và to mồm” (hai người này chỉ “đồng ngôn” trong cuộc “đấu” với các ông Mạnh, Sừ,... một lúc nào đó, còn thì không thể coi là “cùng chung trận tuyến”);...

Có những lời và cách ứng xử không nên có hoặc không cần thiết. Chẳng hạn, Trần Thanh Đạm viết bài phê phán ông nhưng gặp ông vẫn “tỏ cảm tình”, ông cho là “lạ”, “khó hiểu”, “vì anh là người Huế -sơn bắt cao, thủy bắt thâm...?”. Người viết bài này không mấy thích những bài viết của ông Đạm, nhưng cho rằng cách xử sự của ông ta như vậy là bình thường, là có văn hóa. Có bút chiến với nhau nẩy lửa cũng không nên và không thể biến nhau thành kẻ thù, hướng chỉ chỉ là mấy ý chê trong một số bài phê bình. Với Trần Mạnh Hào, người nổi tiếng luận chiến hồi nào với những ý kiến sắc và bạo cùng tài cất xén và nhào nặn câu chữ của phía đối thoại, nhưng là người “sớm đầu, tối đánh” và đã ba lần trở cờ, ông từng nói trong một bài trả lời phỏng vấn trên báo rằng không thể hạ mình đối đáp vì không muốn biến mình cũng hàng tôm hàng cá như ông ta, vậy sao lại phải chửi bới và “tặng” những từ như “lưu manh”, “đầu gấu”, “vừa ngu, vừa đều”, “tên vô lại”, “một tệ nạn nguy hại hơn ma túy, mại dâm” thay vì những nhận xét và phê phán bình tĩnh, điềm đạm, đích đáng.

Dường như ông Mạnh cho rằng viết hồi kí có thể dùng thoải mái ngôn từ, cách nói những lúc tếu táo hay đốp chát nhau ngoài đời tuy chẳng phải với dụng ý tu từ. Ông không ngại dùng những từ “xách mé” vào những chỗ, những lúc mà văn cảnh không đòi hỏi. Riêng từ “tay” có thể dẫn ra hai trường hợp. “Hai tay nông dân hợp nhau”, nói về Lê Lợi và Trần Đăng Khoa. “Ba tay trực tiếp chỉ đạo /.../ Mà ba tay này đâu có dốt nát gì!”, nói về Stalin, Rudoven và Sôcsin (lãnh đạo tối cao của Liên Xô, Mĩ và Anh trong chiến tranh thế giới thứ hai). Trường hợp thứ nhất tạm coi như một lối suồng sã vụn vặt chứ không phải khinh khi. Trường hợp thứ hai có thể coi là một sự khinh nhờn ngạo mạn vô thức. Dẫu vậy, cả hai trường hợp, cũng như các “sự cố” đáng tiếc khác, không làm trang hồi kí đẹp lên.

Hải Phòng, đầu năm 2010

(\*) Tản bút : “tản” không mang nghĩa như trong “tản văn” mà có vai trò như “tùy” trong “tùy bút”]

## Hoàng Ngọc Hiến

---

Hoàng Ngọc Hiến là một trong hai người bạn đồng tuế thân nhất của tôi (người thứ hai là Phạm Luận, cán bộ giảng dạy ở Đại học Việt Bắc). Có thể gọi là tri âm tri kỉ, hiểu nhau từ cái hay đến cái dở, chỗ mạnh và chỗ yếu, hoàn toàn tin cậy nhau, luôn quan tâm bảo vệ nhau.

Tôi với Hoàng Ngọc Hiến như có duyên trời xe kết vậy.

Anh ở tận Nghệ Tĩnh, tôi ở Việt Bắc. Thế mà tình cờ gặp nhau. Tôi cùng gia đình tản cư từ Bắc Ninh lên Thái Nguyên hồi kháng chiến chống Pháp, anh thì chạy cải cách ruộng đất cũng vọt lên đấy. Anh có một người học trò tên là Lói, trong đoàn uỷ cải cách ruộng đất, báo cho biết phải chạy ngay lên Việt Bắc vì lý lịch xấu, có thể nguy. Và anh ta lấy quyền đoàn uỷ viên giải quyết ngay cho Hiến (Trong cải cách, bố Hoàng Ngọc Hiến bị quy địa chủ và bị tù). Lên Thái Nguyên, anh dạy văn ở trường Lương Ngọc Quyến. Còn tôi lúc đó là cán bộ Sở giáo dục Việt Bắc thường đến Lương Ngọc Quyến là trường trọng điểm của Sở, để kiểm tra, theo dõi về chuyên môn.

Dạy ở Lương Ngọc Quyến ít lâu, anh được gọi về trường Đại học Hà Nội. Thầy Nguyễn Lương Ngọc cho Hiến có hiểu biết về triết học, bổ trí làm trợ lý cho Trần Đức Thảo. TRẦN ĐỨC THẢO thấy Hiến là đảng viên, không nhận. Vì thế Hiến phải chuyển sang làm trợ lý cho Hoàng Xuân Nhị dạy văn học Nga Xô viết.

Từ Đại học Sư phạm Hà Nội, Hiến được cử sang Liên Xô làm nghiên cứu sinh. Tôi thì chả đi đâu cả, chỉ quanh quẩn ở trong nước. Nhưng rồi tình cờ tôi và Hiến lại gặp nhau ở Đại học Sư phạm Vinh. Tôi thì bị điều từ Hà Nội vào. Hiến lẽ ra được ở Hà Nội, vì Đại học Hà Nội cử đi học, nay đổ phó Tiến sĩ trở về, phải được ở Hà Nội. Nhưng Đỗ Đức Uyển bí thư đảng uỷ và Hoàng Dung bí thư liên chi cho Hiến mắc chủ nghĩa xét lại Khrútxốp, không nhận lại nữa, tổng anh vào Vinh.

Từ Vinh, tôi được chuyển ra Hà Nội trước. Hiến ra sau. Nhưng rồi lại gặp nhau ở trường Viết văn Nguyễn Du. Anh phụ trách trường này, còn tôi được mời đến dạy.

Rồi nhờ có Phan Ngọc Thu, một học trò cũ của tôi, lúc đầu ở Đại học Sư phạm Huế, sau ở Đại học Đà Nẵng, tổ chức đào tạo giáo viên cấp II lên trình độ đại học và bồi dưỡng giáo viên chuyên văn, thường mời tôi và Hiến vào giúp. Thế là lại gặp nhau luôn, khi ở Huế, khi ở Đà Nẵng, khi ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tôi thích đi, Hiến cũng thế. Tôi là thằng ham chơi, vui đâu đâu, Hiến cũng vậy, cứ ới là đi, để tán chuyện, để đánh chén. Ngoài ra tôi hay mời anh đến làm phản biện cho nghiên cứu sinh của mình. Mời là anh đến ngay...

Tuy nhiên tôi và Hiến có những chỗ không giống nhau. Anh dạy văn học nước ngoài, thích lý luận, thiên về tư duy trừu tượng, say mê triết học Đông Tây. Tôi chỉ dạy văn học Việt Nam và thiên về nghiên cứu văn học sử và phê bình văn học.

Hiến rất thích nhận xét khái quát, đúc thành những mệnh đề chắc nịch, tuy có phần cực đoan, chẳng hạn:

– Đặc điểm người Nghệ Tĩnh: *“Cái gì cũng biết, trừ hạnh phúc.”*

– Phân loại cán bộ giảng dạy đại

học: *“Có hai loại động vật và thực vật. Loại động vật, suốt ngày lằng xằng, chạy từ đề tài này sang đề tài khác, không nghiên cứu được cái gì nên hồn, dù thông minh, cũng chỉ có những ý kiến loe loe thế thôi, chẳng làm nên sự nghiệp gì. Loại thực vật, ngồi yên kiên trì suy nghĩ, như cái cây cắm rễ xuống đất thật sâu, có thể mới làm khoa học được.”*

– Ý kiến sinh viên nhận xét thầy: *“Nói chung chê thì đúng, khen thì thường sai...”*

Hiến cái gì cũng muốn giải thích, cũng tìm quy luật. Thí dụ: Anh nói:

*“Lê Hoài Nam nếu cao hơn 5 phân, số phận khác hẳn”*. Lê Hoài Nam là chủ nhiệm khoa Văn Đại học Sư phạm Vinh, sau là bí thư đảng uỷ trường và Hiệu trưởng Đại học Sư phạm Quy Nhơn. Anh người thấp lùn, hơi dị dạng. Hiến cho rằng vì đặc điểm cơ thể như vậy nên Lê Hoài Nam rất ngại xuất hiện ở chỗ đông người, nơi thành phố lớn, nên cứ lùi dần, lùi dần vào nơi hẻo lánh: Vinh, rồi Quy Nhơn.

Có lần tôi nhận xét, các danh nhân thế giới thường là người ở các tỉnh nhỏ, nhưng về Thủ đô thì thành danh nhân. Danh nhân người gốc ở Thủ đô rất ít. Như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Hồ Chí Minh, như Marx, Tolstoi, Lomonosov, Napoléon... Hiến giải thích

luôn: *“Vi ở Thủ đô lắm cái hấp dẫn làm cho con người ở đây phung phí hết tinh lực, Người các địa phương tinh lực không mất, về Thủ đô được phát huy lên”*.

Vì sao Hồ Chí Minh chết đúng vào ngày *Tuyên ngôn độc lập 2.9*? Hiến giải

thích: *“Vi ông cố tình chết vào ngày ấy. Ông Hồ là đáo để lắm. Chỉ cần dứt đứt các giây dợ ở ống thở ôxy là chết chứ gì”*.

Hiến thường có những nhận xét rất gọn và rất ác về người này người khác trong giới đại học.

Hồi ở Đại học Sư phạm Vinh, tôi với Hiến thường đạp xe đi về cùng đường với nhau (Hà Nội – Vinh hay Hà Nội – Thanh Hoá) dọc đường, thường “luận anh hùng” trong thiên hạ. Thường tôi hỏi, Hiến trả lời. Thí dụ:

- NĐN (một giáo sư tiến sĩ được đánh giá rất cao ở Đại học Sư phạm Hà Nội) chỉ là một giáo viên cấp III giỏi.
  - Không nên đánh giá ĐVK (giáo sư tiến sĩ của Đại học tổng hợp Hà Nội) là giỏi hay dốt. Anh ta là người không có trí khôn.
  - HL (cán bộ dạy sử của Đại học Sư phạm Vinh) kết tinh mọi cặn bã của dân Nghệ Tĩnh.
  - Có một giáo sư văn học, trước khi dự lớp, anh đánh giá là một con sư tử (về chuyên môn, khoa học), khi dự lớp về, anh nói: chỉ là một giáo viên phổ thông.
  - Một vị giáo sư văn học khác, anh cho chẳng hiểu văn là gì cả.
  - Anh nhận xét ĐT, một cây bút phê bình khá tài hoa ở hải ngoại, chỉ là một ông chánh tổng Annam ở Paris.
  - PTL (giáo sư trường Đại học Sư phạm Hà Nội). Hiến nói: “Một điều nhục nhã của mình là đồng hương với PTL. Thậm chí chỉ quen biết PTL thôi cũng đã làm một sai lầm, một sai lầm không thể sửa chữa được”.
- Hiến có những nhận xét rất cảm tính, nghĩa là chưa có căn cứ đầy đủ. Nhưng anh rất tin ở trực cảm của mình.

Trường Đại học Sư phạm Vinh có chủ trương cán bộ giảng dạy phải theo sát thực tế phổ thông. Ai đã đi hướng dẫn thực tập sư phạm thì không nói làm gì, nhưng những người không hướng dẫn thực tập cũng phải về ở một đoàn thực tập nào đấy khoảng một tuần lễ, gọi là tham quan thực tập. Hiến cũng phải về một đoàn, anh chọn một đoàn ở gần chỗ khoa Văn sơ tán, do LBH phụ trách. Đêm ấy, LBH và Hiến cùng ngủ trong một căn phòng kê hai cái giường song song. LBH hỏi Hiến một cách trịnh trọng:

“Anh là người sâu sắc, từ ngày anh về trường này, anh nhận xét tôi là người thế nào?”. Hiến trả lời luôn: “Cậu là người thiếu nhân cách”. LBH ửng đi một lúc vì nhận xét quá bất ngờ của Hiến. Nhưng rồi gặng hỏi Hiến: “Anh cho dẫn chứng?”. Hiến bí không tìm ra dẫn chứng. Mãi sau cũng cố đưa ra một ví dụ: “Chẳng hạn, cậu không biết tiếng Pháp mà cứ làm như biết”.

Trong quan hệ hàng ngày với tập thể cán bộ, sinh viên, Hiến rất hồn nhiên, chân thật, dễ tính, nên được anh em mến. Nhưng hình như anh có máu phiến loạn, thích gây sự với lãnh đạo. Hồi những năm 60 của thế kỷ trước, tôi nhớ Phạm Văn Đồng có viết một bài về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bài ấy, người khác có thể coi là thường, không hay hoặc chưa đúng chỗ này chỗ khác. Nhưng Hoàng ngọc Hiến thì phải nói: “Phạm Văn Đồng viết bài ấy là thiếu văn hoá”.

Ở Đại học Sư phạm Vinh, Hiến bị lãnh đạo quy tội thiếu quan điểm giáo dục, vì không chịu đi thực tế, luôn luôn bỏ ra Hà Nội, lẩn tránh việc hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm. Hôm ấy, chi bộ họp kiểm thảo Hiến về khuyết điểm này, có Lê Hoài Nam là đảng uỷ viên của trường xuống dự. Hiến

nói: “Tôi cho rằng không đi thực tế mà nắm được thực tế mới giỏi. Tôi kém, nên còn phải đi thực tế một lần. Anh Lê Hoài Nam không đi lần nào mà nắm được thực tế mới giỏi chứ!”

Những câu nói như thế, tôi chắc Hiến đều có nghiền ngẫm cẩn thận. Phóng ra những đòn như thế, Hiến bao giờ cũng chuẩn bị rất chu đáo. Tôi biết rõ điều này. Vì cùng được mời đi nói chuyện với anh nhiều lần, tôi thấy anh bao giờ cũng chuẩn bị bài bản rất cẩn thận. Trở lại tính thích gây sự của Hiến đối với lãnh đạo. Như đã nói, Hiến ít ở khoa (Đại học sư phạm Vinh), hay ra Hà Nội. Có lần anh vắng mặt đúng vào dịp công đoàn khoa văn xếp loại cán bộ theo ba mức A, B, C. Tiêu chuẩn cũng nhẹ nhàng thôi. Loại A chỉ là không có khuyết điểm gì đáng kể thôi. Hầu như cả khoa không có trường hợp nào phải xếp loại B cả. Tổ công đoàn, được sự chỉ đạo của chi bộ Đảng, lập kế hoạch: khi Hiến ở Hà Nội vào thì họp xếp loại. Chủ trương của Chi bộ là phải, nhân cuộc xếp loại này, nghiêm khắc kiểm điểm Hiến về tư tưởng. Trình tự cuộc xếp loại được dự kiến như sau: người được xếp loại tự xếp loại trước. Anh em trong tổ có ý kiến sau. Người ta đoán chắc Hiến sẽ tự nhận loại A. Lúc đó anh tổ trưởng sẽ điều khiển tổ viên phân tích thiếu sót của Hiến, đại khái như sau: Anh Hiến chỉ đáng xếp loại B thôi,



vì khuyết điểm này, khuyết điểm khác... Nhưng gần đây anh đã tỏ ra có tiến bộ, thí dụ như gánh nước uống cho anh em tập tụt vệ, vậy ta chiếu cố xếp lên loại A... Nhưng, bất ngờ, Hiến chỉ tụt xếp loại B. Bài bản đã dự kiến thế là bị phá sản. Tuy thế, tổ trưởng là tay khá thông minh, anh ta vẫn tìm được cách thực hiện phương án cũ: *“Đúng, anh Hiến tụt xếp mình loại B là đúng (Phân tích khuyết điểm của Hiến một chập). Nhưng vì gần đây có một vài tiến bộ nên ta chiếu cố xếp lên loại A”*. Hiến nhất định không nghe, chỉ nhận loại B thôi. Anh

nói: *“Đối với tôi A hay B cũng thế thôi. Và tôi chẳng tiến bộ gì cả. Còn nếu các anh muốn tìm chỗ tiến bộ thật sự của tôi thì tôi xin mách: tôi rất tiến bộ về chuyên môn, soạn bài rất kỹ”*. Mà đúng như vậy thật. Tôi đã dự giờ Hiến dạy một lần. Anh soạn bài rất nghiêm túc. Anh muốn ý tưởng của mình phải được trình bày thật sáng rõ, rành mạch, gây ấn tượng và có sức thuyết phục. Hoàng Ngọc Hiến có một phản ứng khá dữ dội, chung quanh vụ *“hiện thực phải đạo”* (Hoàng Ngọc Hiến viết bài *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* đăng Văn nghệ số 23 (9.6.1979) có luận điểm nổi tiếng *“hiện thực phải đạo”*). Hồi ấy anh còn ở Triệu Việt Vương. Tôi đến anh một buổi chiều. Anh kể một câu chuyện vừa xảy ra với anh: sau bài *“hiện thực phải đạo”*, anh bị đánh rất mạnh. Trên tạp chí cộng sản, Hà Xuân Trường có bài đá Hiến. Hiến viết bài tranh luận lại. Tạp chí cộng sản không đăng, cho người đến mời anh lại toà soạn để nói chuyện. Tay phái viên đến mời anh, nói xong, lấy cái điều cày định làm một hơi. Hiến quát ngay: *“Thôi, không hút. Đi ngay, không hút sách gì cả!”*. Đến toà soạn tạp chí, mấy biên tập viên đã chờ sẵn: *“Nào mời anh lên gác. Chuyện văn chương phải nói nơi kín đáo”*. Hiến lại bác lại ngay: *“Chuyện văn chương không việc gì phải kín đáo!”*.

Hiến giải thích với

tôi: *“Áy đối với bọn này cứ phải tấn công như thế, tấn công ngay từ thẳng đến mời”*.

Ban biên tập tạp chí Cộng sản giải thích với

Hiến: *“Hiện nay bọn Tàu đang gây sự ở biên giới. Tạp chí phải dành giấy để đăng bài phê phán chủ nghĩa bá quyền Bắc Kinh, không đăng bài của anh được”*. Hiến phản ứng ngay: *“Tại sao ta thừa giấy để đánh bọn cường bạo nước ngoài, lại thiếu giấy để đánh bọn cường bạo trong nước!”*.

Năm 1980, người ta tổ chức một cuộc hội nghị khoa học đặt ở Viện bảo tàng cách mạng xé xé Nhà hát lớn Hà Nội. Hội nghị toàn quốc, rất đông. Tôi có gặp một số bạn quen ở Vinh, Huế ra họp. Hoàng Ngọc Hiến hôm ấy nói buông mà rất rành mạch, hấp dẫn. anh nhắc lại cái câu đã nói ở trụ sở tạp chí cộng sản: *“Tại sao ta thừa giấy để đánh bọn cường bạo nước ngoài, mà lại thiếu giấy để đánh bọn cường bạo trong nước!”*.

Đến giờ nghỉ. Mọi người, hoặc tản ra dạo chơi ngoài vườn hoa, hoặc ngồi trò chuyện với nhau trong hội trường. Tôi cũng ngồi lại trong hội trường nói chuyện với mấy anh bạn cũ ở Vinh, ở Huế. Hiến cũng ở lại hội trường, nhưng ngồi một mình cách vài hàng ghế, trước mặt chúng tôi. Hà Xuân Trường lững thững từ hàng ghế đầu đi xuống chỗ Hiến, vỗ vai anh thân mật. Hiến gạt phắt tay Trường ra: *“Tôi không phải hạ người cho anh vỗ vai nhé!”*. Trông Hiến lúc ấy rất dữ. Hà Xuân Trường sững người và hơi ngượng. Anh phân bua với chúng tôi: *“Đấy, các anh xem, anh Hiến anh ấy như thế đấy!”*.

Buổi trưa hôm ấy, Hiến rủ tôi về nhà ăn cơm. Trong bữa cơm, Hiến hỏi

tôi: *“Sao, cậu thấy mình nói có được không?”*. Tôi khen: *“Khá lắm!”*. Chị Tố Nga, vợ Hiến, mách luôn: *“Lắm bẻm suốt đêm làm gì mà không khá!”*.

Thì ra Hiến không phải chỉ chuẩn bị ý, mà còn luyện nói nữa. Hiến thế mà cũng là một tay đấu khẩu khá nhanh trí và đáo để.

Cũng vào khoảng trước sau năm 1980, khoa Văn Đại học Sư phạm Hà Nội có tổ chức một cuộc hội thảo khoa học, đề tài: giáo dục tư tưởng qua giảng dạy văn học. Hiến lúc đó vẫn còn ở

Đại học Sư phạm Vinh. Anh ra dự hội nghị. Không biết bản báo cáo viết của anh gửi ra như thế nào, nhưng anh trình bày miệng thì khá gai góc, và hình như anh lại cố tình diễn đạt cho thật ấn tượng về cái ý rất gai góc của mình. Anh cứ thủng thủng nói đi nói lại: *“Những gì chi bộ Đảng, đoàn thanh niên, đài phát thanh, báo Đảng đã nói hay viết, thì trong lớp takhông nói. Ta chỉ nói những điều chi bộ Đảng, đoàn thanh niên, đài phát thanh, báo Đảng không nói, không viết”*.

Ý kiến của Hoàng Ngọc Hiến đã gây chấn động hội nghị. Những người lãnh đạo hội nghị rất lo ngại (lãnh đạo hội nghị là Nguyễn Văn Hạnh quyền chủ nhiệm khoa và Trần Thanh Đạm phó chủ nhiệm khoa). Đạm thấy nhất thiết phải uốn nắn lại. Anh động viên Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thị Hoàng lúc đó là đảng viên dự bị hay cảm tình đảng gì đó lên phê phán Hiến. Tôi không nhớ ý kiến của cô Hoàng thế nào, chỉ nhớ một câu mỉa mai của

Châu: *“Đứa trẻ con ngồi trên vaibố, cứ tưởng mình cao hơn bố”*.

Hoàng Ngọc Hiến giơ tay xin phát biểu. Anh cố tình tự

khoe: *“Tôi đã góp phần làm cho hội nghị thành công. Vì một hội nghị khoa học có tranh luận học thuật thì mới là một hội nghị có kết quả. Tôi đã gây được cuộc tranh luận cho hội nghị. Ngoài ra tôi rất sướng vì đã được ngồi trên vai anh Đỗ Hữu Châu”*.

Sau hội nghị này, Trần Thanh Đạm gửi giấy cho chi bộ Đảng của khoa Văn Đại học Sư phạm Vinh phản ánh về sự “lệch lạc tư tưởng” của Hiến.

Ít ngày sau, tôi đến chơi Hiến – Anh vẫn ở Triệu Việt Vương. Một căn phòng rất hẹp, chỉ độ 16 mét vuông. Kê được hai cái ghế salon và một cái bàn nước nhỏ. Tôi và Hiến ngồi ở salon. Chị Tố Nga, vợ Hiến giải chiếu ngồi trên nền nhà. Chị cứ chỉ tay vào mặt Hiến mà nói đi nói lại xa xả: *“Tôi không thấy có ai ngu như anh Hiến!”*. Nói mãi chán, chị bỏ ra đi. Hiến thủng thủng nói với tôi: *“Hắn nói thế mà đúng. Như ta vẫn nói đế quốc Mỹ là ngu ấy mà!”*. Té ra, anh lại ngẫm nghĩ về lời nói của vợ, như một đối tượng nghiên cứu.

Chị Tố Nga, vợ Hiến, là một người cũng khá đặc biệt: chuyên môn mạt sát chồng trước mặt khách khứa bạn bè, thậm chí trước cả học trò của chồng. Nhưng đám học trò của anh đã có kinh nghiệm: bà ấy nói thầy Hiến thì được, chứ người khác tưởng bỏ, cũng phụ họa theo, nói theo, là chết với bà ấy. Còn Hoàng Ngọc Hiến thì coi thường, bỏ ngoài tai, xem như nói ai đó, chẳng dính dáng gì đến mình.

Hoàng Ngọc Hiến, tư duy khoa học thì tỏ ra sâu sắc, nhưng trong đời sống thực tế, nhiều khi rất nhẹ dạ, cả tin.

Vào khoảng 1987, Hội văn nghệ Quảng Nam- Đà Nẵng có mời tôi và Hiến vào nói chuyện với giới văn nghệ trong ấy. Chúng tôi ở với nhau độ một tuần lễ, sau đó, Hiến vào Sài Gòn, tôi ra Hà Nội. Ít ngày sau, tôi đang ngồi ở nhà (tại Đồng Xa) thì thấy Hiến đạp xe tới. Lúc đó mới độ 8 giờ sáng. Tôi hỏi ra bao giờ. Anh nói ra sáng nay, tàu 7 giờ sáng tới Hà Nội. Tôi ngạc nhiên: vừa về Hà Nội đã vội đến tôi làm gì! Hoá ra anh vừa tham gia một đảng gọi là đảng “Nhân dân hành động” và ra Hà Nội để phát triển đảng. Người đầu tiên anh định kết nạp là tôi. Anh nói, không sợ gì cả. Tay thủ lĩnh là một tay tiến sỹ ở Mỹ về. Rất trí thức. Đảng này đã thống nhất với cộng sản chuẩn bị ra đa đảng. Trong đảng này có một uỷ viên bộ chính trị và một thiếu tá công an cộng sản. Đảng phát triển chủ yếu vào trí thức.

Anh lại hỏi, thằng Thanh nhà ông vào Sài Gòn đã có việc làm và nhà cửa gì chưa, để anh lo giải quyết cho.

Tôi không tin, từ chối: *“Cậu định làm chính trị à? Không sợ công an à?”*

Hiến có vẻ xem thường, cho tôi là thẳng nhất.

Ít lâu sau tôi được biết đảng này phát triển mạnh ở vùng Vĩnh Long, vừa bị bắt một loạt. Tôi vào Cần Thơ, Dạ Ngân bảo thế.

Một thời gian sau, tôi gặp lại Hiến ở trụ sở văn nghệ.

Tôi hỏi Hiến: *“Biết gì chưa?”*

Hiền: “*Biết rồi! Biết rồi!*”

Tôi lại hỏi: “*Có sao không?*”

Hiền: “*Không sao, không sao – Nhưng này, đừng nói với ai nhé!*”

Dương Thu Hương khi biết chuyện này, nói với tôi: “*Ông Hiền mà là đàn bà thích ừa hoang hàng tỉ lần*”.

Tôi cho rằng Hoàng Ngọc Hiến có số “quý nhân phù trợ”. Nghĩa là luôn gặp may. Tôi ví anh với nhân vật Pie Bêdukhop trong *Chiến tranh và hoà bình* của L.Tolstoi. Người to lớn, ra trận cứ trương ngực ra mà đi giữa chiến trường, nhưng tên đạn cứ tránh không dính. Đấu súng tuy không biết bắn súng, mà lại thắng một tay thiện xạ... Hiến cũng thế. Ăn nói táo tợn với người có chức có quyền, hành động nhiều khi đại dột. Nhưng chẳng sao cả. Vẫn đi Pháp, đi Mỹ đều đều. Anh kể tôi nghe cái vụ “phải đạo” của anh hồi 1980, anh có một cú thoát hiểm rất ngoạn mục. Người ta tổ chức hẳn một cuộc hội nghị để đánh anh. Lê Đức Thọ trực tiếp chỉ đạo. Loại có vấn đề như tôi, không được mời. Hơn 50 người được mời có chọn lọc để nhằm phê phán Hiến. Hiến là người thứ 50 (avant dernier) được phép phát biểu. Người cuối cùng là Chế Lan Viên (thứ 51). Người ta bố trí một tay sắc sảo như thế để có thể đập tan ý kiến của Hiến và hội nghị kết thúc luôn.

Giờ nghỉ, Lê Đức Thọ trò chuyện với Hiến mới biết Hiến là người đồng hương với mình. Cùng quê Đức Thọ, Hà Tĩnh (Lê Đức Thọ ở Nam Định, nhưng quê gốc ở Đức Thọ, Hà Tĩnh, anh em Lê Đức Thọ đều lấy biệt danh có chữ *Đứ* choặc chữ *Thọ*: Đinh Đức Thiện, Mai Chí Thọ, Lê Đức Thọ) Thế là Hiến gặp may. Vì tình đồng hương, Lê Đức Thọ đã cứu anh. Ai đó trong hội nghị nói Hiến chịu ảnh hưởng tư tưởng mỹ học của Kant. Thọ đồng dục khẳng định trước hội nghị: “*Hoàng Ngọc Hiến chẳng kăng kiếc gì hết, Hoàng Ngọc Hiến là Mác Lênin*”.

Tình thế thành ra đảo ngược. Chế Lan Viên chót đánh Hiến, thấy thế, đâm hoảng, bèn lảng qua chỗ Hiến đang ngồi với Lê Đức Thọ, nói khẽ với

anh: “*Lúc này tôi có nói điều gì quá, anh bỏ qua đi cho nhé!*”.

Sau này, Chế Lan Viên còn nhờ tôi nhắc lại với Hiến hai lần như thế. Lại còn nói phách “*Tôi có trọng anh Hiến thì tôi mới tranh luận với anh ấy chứ!*”.

Có lẽ vì hay gặp may mà Hiến luôn luôn lạc quan.

Lại vẫn cái vụ “*hiện thực phải đạo*”. Tôi nhớ giáp Tết âm lịch năm ấy, Khải Vinh có mời tôi, Hiến và Xuân Diệu ăn thịt chó ở Hàng Lược. Lúc đó, dân Nhật Tân đã lục tục đem đào tới bán. Khải Vinh nói, anh Hiến là người có tài mà khổ, bị đánh dữ quá!. Xuân Diệu nói: “*Con người ta có trải qua đau khổ thì mới nên người*”. Nhưng Hiến lại phát biểu một cách đặc ý: “*Những điều tôi được nhiều hơn những điều tôi mất*”. Và anh dẫn chứng: “*Đưa con gái tôi vào Sài Gòn, giáp Tết bị mắc kẹt ở đấy không ra được vì giao thông khó khăn. Có một anh phi công cho lên ngồi ghế phụ bay ra không mất tiền, vì biết là con ông “hiện thực phải đạo”. Cũng con bé ấy học đến lớp cuối cấp, sắp thi đại học, rất cần có người luyện cho môn toán. Rất may, có một cô giáo tự nguyện đến luyện giúp miễn phí vì biết là con ông “hiện thực phải đạo*”. Đó là chưa kể nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát đến tận nhà Hiến tặng hoa. Và bài “*hiện thực phải đạo*” đã làm cho anh nổi tiếng một thời và được nể trọng trong giới trí thức cấp tiến.

Đúng là Hoàng Ngọc Hiến có quý nhân phù trợ thật.

Hồi Hiến sang Mỹ, có một bọn Việt kiều chống cộng quá khích định hành hung anh. May sao lại có một thượng nghị sĩ Mỹ phái một vệ sĩ của ông ta tới bảo vệ – Mới đây Hiến kể với tôi như vậy.

\*\*\*

Tôi rất tin cậy Hoàng Ngọc Hiến. Nên chịu ảnh hưởng Hiến về nhiều mặt, đặc biệt là trong việc dùng thuốc. Thuốc huyết áp, thuốc bổ, thuốc loãng xương... Tất nhiên tôi có chịu ảnh hưởng anh cả về tư duy khoa học. Hiến có tài liệu nào anh cho là hay hoặc nghĩ ra điều gì có vẻ tâm

đắc, đều trao đổi với tôi. Trò chuyện với Hiền bao giờ cũng có ích, dù ít dù nhiều, đối với cái nghĩ của mình. “*Dữ quân nhất dạ thoại, thắng độc thập niên thư*”. Người xưa nói thế, vận dụng vào trường hợp Hoàng Ngọc Hiến e có hơi quá. Nhưng quả là trò chuyện với Hiền bao giờ cũng thu lượm được một cái gì đó có ích. Hiền rất ghét giáo điều và nghĩ cái gì thì nghĩ đến nơi đến chốn. Tôi cho rằng, mấy phát biểu sau đây của Hiền là những ý kiến nghe được:

*Nghiên cứu khoa học, quan trọng nhất là nghĩ bằng cái đầu của mình và viết bằng lời văn của mình. Đọc người khác rất cần, song phải thấm thía nào đó để trở thành của mình, để khi nghĩ là nghĩ bằng cái đầu của mình và viết bằng lời văn của mình.*

*Quán tính của con người là thường quy những điều chưa biết vào cái sơ đồ có sẵn, sơ đồ biết rõ rồi. Do lười nghĩ. Quán tính rất mạnh, lay chuyển được quán tính, được cách nghĩ là khoa học. Khoa học trước hết là đặt vấn đề đích đáng. Tìm ra cái mới hoàn toàn rất khó. Thường chỉ chỉnh lại một tý. Vấn đề đặt ra đúng, nhưng chưa đúng hẳn. Chỉnh lại một tý như chỉnh ti vi cho hình nét hơn, âm rõ hơn.*

*Thí dụ, nói Đam Săn anh hùng dũng cảm là đúng. Nhưng thực ra tính cách Đam Săn phong phú hơn: hồn nhiên, trung thực, lãng mạn, ngộ nghĩnh... đặc biệt là một cá tính tự do.*

*Nói Số đỏ đã kích những ông chủ bà chủ của xã hội cũ là đúng, nhưng đâu chỉ có thế. Số đỏ là cả một xã hội hài hước gồm đủ hạng người, ai cũng buồn cười, một xã hội ngớ ngẩn, nhí nhố, lỗ bịch... , kể cả bình dân.*

*Hiền khẳng định vai trò quan trọng của cảm hứng và trực giác. Tôi cho rất đúng. Anh nói, cảm hứng lay động toàn bộ năng lực tinh thần của người nghiên cứu. Trong giây phút ấy, con người, cùng một lúc, có vô số liên tưởng, kể cả liên tưởng vô thức. Do đó rất sáng suốt. Nhưng phải bắt khoảnh nhúc nhối về nhân sinh, về văn học mới có cảm hứng dẫn tới tìm tòi phát hiện. Cảm hứng làm chocâu, chữ có hồn. Cảm hứng phát huy trực giác, khiến cảm nhận được cái mới. Mọi tìm tòi đều bắt đầu bằng trực giác. Sau đó mới dùng suy lý lôgic chỉnh lại (vì thế Hiền rất phục những phán đoán trực giác của ai đó, chỉ ra chính xác bản chất một đối tượng nào đấy, không cần lý lẽ chứng minh gì hết).*

*Phân tích tác phẩm gay nhất là đọc hết cuốn sách mà chẳng thấy có ý gì cả. Ý là một ý nghĩa mới đích đáng trả lời một câu hỏi ta đang tìm tòi, đang suy nghĩ để giải đáp. Tác phẩm chẳng giải đáp được một câu hỏi nào cần thiết, là vô nghĩa.*

*Phân tích tác phẩm là phân tích chi tiết. Phải chọn chi tiết có vấn đề. Phân tích một chi tiết mà mở ra cả một vấn đề về đạo lý, về triết lý. Phân tích một chi tiết như thế có sức thuyết phục và sang trọng hơn là phân tích tràn lan.*

*Cuối cùng phải tìm từ, tìm chữ đích đáng để diễn đạt. Một bài viết hay là có được một hai từ đích đáng kết tinh được cái hiểu, cái ý của mình. Đó là cái thần của bài viết.*

Hiền nghĩ thế nên rất chăm chỉ học chữ, học từ.

Có khi học ở dân gian. Thí dụ, anh rất khoái vì học được chữ “*bổ hờn*” của một ông người Mường tên là Cò Lửa, chủ nhà chúng tôi ở nhờ hồi kháng chiến chống Mỹ tại Thạch Thành, Thanh Hoá. Phần nhiều học ở sách vở. Thí dụ chữ “*hương nguyệt*”, “*phường hương nguyệt*” anh học được của Mạnh Tử khi nghiên cứu triết học cổ phương Đông. Có lẽ tương đương với chữ *philistin* chẳng? Có những chữ thông thường nhưng anh đem đến cho nó một nghĩa mới nào đấy. Như “*kể lại nội dung*” và “*viết nội dung*”.

(Bài “*Kể lại nội dung và viết nội dung*” (*Văn học gần ... và xa*. NXB giáo dục 2003). Hay như chữ “*trí thức bình dân*” trong bài anh giới thiệu *Tuyển tập Nguyễn đăng Mạnh* (NXB Giáo dục 2006)... Có thể gọi trường hợp này là sáng tạo từ mới.

Gần đây Hoàng Ngọc Hiến say mê đọc Nho, Phật, Đạo qua sách của Francois Fulien. Anh lấy làm khoái chí học được ở F. Julien, sự phân biệt giữa tư duy Đông và Tây. Tây là *chân lý* (Vérité). Đông là *dịch lý* (transformation). Một đằng cứ cãi nhau về chân lý, về đúng hay sai. Một đằng chủ trương “*cùng*” hay “*thông*”. Đúng sai không quan trọng, quan trọng là không bế tắc, là thông, là được việc, là có hiệu quả thực tế...

\*\*\*

Như đã nói, Hoàng Ngọc Hiến sống rất hồn nhiên, tự nhiên.

Hồi chống Mỹ, sơ tán ở Thạch Thành, Thanh Hoá, không mấy khi có được miếng thịt mà ăn.

Hôm ấy, anh em kiếm được một đĩa thịt. Hiến vừa ăn, vừa xụi xụi mũi, vừa gật

gù: *"Ăn thịt ngon thật!"*.

Tối tối, anh rất chịu khó cùng với tôi xách đèn đi bắt ốc sên về cải thiện, tin rằng ba con ốc sên bằng một quả trứng vịt (Hồi ấy có kẻ phao lên như vậy).

Hiến hay nghĩ ra những chuyện kỳ cục và buồn cười để đùa vui. Thí dụ như chuyện phân loại cán bộ khoa văn trường Đại học Sư phạm Vinh thành ăn cướp và ăn cắp. Hình như tư duy khoa học mãi, nghĩ mãi những điều có nghĩa lý, người ta phải thư giãn đầu óc bằng những chuyện vô nghĩa lý.

Hiến đúng là vui đâu đâu đấy.

Có một lần Ngô Thảo nhân quen một Việt kiều về nước, mời tôi, Hiến và Hoàng Cầm đến đánh chén ở một nhà hàng. Xe đón tôi trước, đón Hiến sau. Trên xe, tôi gọi điện cho Hiến chuẩn bị ra ngõ để đón xe. Chị Tố Nga, vợ Hiến, cầm máy trả

lời: *"Lão ấy mời đi họp thì đến chậm, nhưng mời đi ăn thì đúng giờ lắm!"*.

Một lần khác, mới năm ngoái đấy thôi, anh Vũ Văn Viêt ở Việt Trì mời chúng tôi lên dự lễ khai trương ngôi trường phổ thông dân lập do anh vừa xây dựng. Anh cần nhiều người ở Hà Nội lên dự cho thật long trọng. Nhưng hôm ấy nhiều người trong danh sách mời không đi được vì bận việc hay đang đi công tác xa. Ngồi trên xe thấy vắng vẻ quá, tôi nảy ra ý mời Hiến, tuy Hiến chẳng quen biết gì Vũ Văn Viêt cả. Và Viêt cũng không mời Hiến. Tôi gọi điện. Hiến nhận lời ngay, và lập tức đáp xe ôm đến chỗ hẹn.

Cái giống nghệ sĩ thật sự bao giờ cũng rất tự nhiên – nói như Lưu Công

Nhân, *"tự nhiên như ruồi"*. Họ rất khó tính trong sáng tạo, nhưng rất dễ tính trong sinh hoạt đời thường. Khoa học cũng là một hoạt động sáng tạo, nhà khoa học cũng là một loại nghệ sĩ, nhất là khoa học về văn chương.

Vì thế Hoàng Ngọc Hiến cũng rất hồn nhiên, tự nhiên, *"tự nhiên như ruồi"*.

Hiến là dân Nghệ Tĩnh nhưng lại chê dân Nghệ *"cái gì cũng biết, trừ hạnh phúc"*. Nhưng chính Hiến cũng rất Nghệ. Một tay đầy nghị lực. Tập thể dục rất kiên trì. Nghiện cả thuốc lá, thuốc Lào mà bỏ hẳn (Bỏ mà vẫn cho hút thuốc lá là thích nhất. Anh

nói *"Khi nào sắp chết sẽ hút lại"*). Gần 80 tuổi vẫn cả ngày ôm cái máy vi tính để lấy thông tin và luyện ngoại ngữ. Rồi đọc sách, dịch sách, viết sách... Tôi là dân Bắc Kỳ, kém xa Hiến về mặt này.

Hiến đích thực là dân Nghệ, đúng thế, nhưng là một tay

Nghệ *"cái gì cũng biết, kể cả hạnh phúc"*. Vì tôi biết chưa bao giờ anh từ chối một lạc thú trần thế, trần tục nào.

Láng Hạ, 20.5.2007

## Tô Hoài

---

Tôi tiếp xúc với Tô Hoài rất sớm. Từ những năm 60 của thế kỉ trước. Nhưng mãi đến năm 2000, tôi mới viết được một bài về ông.

Tôi trước sau vẫn thế, khi viết về một nhà văn nào đó mà chưa hiểu tư tưởng chi phối một cách có hệ thống sự nghiệp sáng tác của ông ta, thì tôi không thể viết được. Về Tô Hoài, tôi cứ nghĩ mãi không biết tư tưởng của ông là gì. Nhiều tác phẩm của ông tôi thích, nhưng không tìm ra một tư tưởng chung. Tư tưởng Nguyễn Tuân là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc gắn với những

giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc; Nam Cao là nỗi đau đớn trước tình trạng con người không giữ nổi nhân tính, nhân phẩm vì miếng cơm manh áo và cái chết hèn, chết nô lệ đã thấm vào trong máu không biết từ kiếp nào. Xuân Diệu là niềm khát khao giao cảm hết mình với cuộc đời trần thế này... Còn tư tưởng Tô Hoài là gì? Tôi lúng túng quá! Trong khi đó, Xuân Diệu có lần nói với

tôi: “*Tô Hoàinó chẳng có có tư tưởng gì cả. Nguyễn Đình Thi còn có tư tưởng, chứ Tô Hoàichẳng có tư tưởng gì*”. Tôi lại càng hoang mang. Một nhà văn cỡ như Tô Hoài mà không có tư tưởng! Vô lý quá!

Hồi tôi biên soạn cuốn *Tổng tập văn học Việt Nam tập 30A, 30B* (1979, 1980), tôi có đến Tô Hoài mấy lần (ở Đoàn Nhữ Hài). Tôi có một anh bạn tên là Phan Ngọc Thu, phụ trách trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của Đại học Đà Nẵng. Anh đứng ra tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên PTTH chuyên văn ở miền Trung, miền Nam. Anh thường mời tôi và Tô Hoài vào giúp. Vì thế, tôi có dịp gặp Tô Hoài nhiều lần, khi ở Đà Nẵng, khi ở Bến Tre hay Long Xuyên...

Tôi để ý thấy Tô Hoài, ở đâu cũng thế, mua hết các báo chí hàng ngày để đọc. Cả báo trung ương và báo địa phương. Đọc cả những tin vặt vãnh linh tinh. Ông rất chăm đọc báo, nhưng không thích xem ti vi và phim ảnh, dù là phim *Vợ chồng Aphủ* do ông soạn kịch bản.

Ở khách sạn Long Xuyên có một cái núi non bộ lớn, người ta nuôi cá, nuôi khỉ, nuôi bò nông, cò, vạc... Cứ xích chân, xích cổ vào hòn giả sơn. Tôi thấy Tô Hoài cứ đứng hàng giờ quan sát các con vật và thỉnh thoảng lại phát hiện ra một điều gì lạ ở chúng, như chân con vạc nó thế nào đấy, hay con khỉ lại biết chơi trò thủ dâm...

Thì ra Tô Hoài thích quan sát tỉ mỉ, phát hiện những cái lạ ở người hay những con vật tầm thường quen thuộc quanh ta. Cho nên ông viết nhiều về phong tục của người dân Nghĩa Đô, quê ông. Và trong thời kháng chiến chống Pháp, công tác ở Việt Bắc, ông thích viết về phong tục độc đáo của những dân tộc H’ Mông, Mán... Phong tục, theo tôi, chính là những chuyện lạ đời thường của các dân tộc. Ông phát hiện người H’ mông sinh hoạt có nhiều cái rất Tây: Váy áo như đầm. Gọt khoai, gọt củ, quay ngược lưỡi dao vào trong. Ăn bánh bột ngô để nguội hàng tuần như người Tây ăn bánh mì, dùng thìa gỗ hoặc bốc, không dùng đũa. Theo đạo tin lành. Ông đọc sách của Sabina nói người H’ mông đi từ phương Tây, qua Đông Âu, Bắc á rồi bị dồn xuống phương Nam. Thuyết của Tàu thì cho người H’ mông vốn ở vùng sông Dương Tử di cư xuống. Tô Hoài cho thuyết của Tây đúng hơn. Người Mèo rất kháu tẻ, bị xúc phạm là tự tử (bằng lá ngón). Nhà có con gái đẹp, thanh niên kéo đến quấy nhiễu đông quá, có khi ông bố đem súng ra bắn để giải tán. Thời Tây, công sứ Châtel thi hoa hậu chỉ thi con gái dân tộc thiểu số như gái Hmông, gái Mường, gái Mán... Tô Hoài, ở Hà Giang, đã gặp hai người đàn bà từng thi hoa hậu ở Hà Nội thời Pháp thuộc. Người Mán khi ăn xong, cả nhà tắm nước nóng rồi lại mặc quần áo cũ và đi đất. Về chuyện chợ tình Sa Pa, Tô Hoài cho biết, sự thực, đối với người Mèo, người Mán, chợ là nơi ăn chơi, nơi gặp gỡ người quen, trong đó có chuyện trai gái. Nay ta biến thành chợ tình. Rất nhảm!

Tô Hoài hay tả kỹ loài vật và cũng thấy ở chúng có lắm “phong tục” lạ như người vậy thôi. Sở trường tả loài vật, ở Tô Hoài, xét ra cũng nằm trong cảm hứng phong tục. Mà hình như về phương diện này, ông cũng chẳng phân biệt người hay vật. Trong tập truyện *O chuột*, ông viết về toàn loài vật quanh ta, nhưng lại xen vào đó một truyện về người (*Cu Lặc*). Truyện này Nguyễn Minh Châu rất thích. Ông kể chuyện Cu Lặc không khác gì con vật. Vợ chồng gặp nhau, lấy nhau do bản năng tình dục. Và họ bỏ nhau vì cả hai đều ăn khoẻ quá, không sống nổi với nhau được.

Tô Hoài khác với phần lớn văn nghệ sĩ, không ngại làm những công việc sự vụ hành chính, những công việc vặt vãnh chẳng “văn chương” chút nào. Ông nhận đủ việc, từ đại biểu quốc hội, chấp hành Hội nhà văn trung ương, chủ tịch Hội văn nghệ Hà Nội, đến tổ trưởng khu phố. Việc gì cũng làm. Cũng đi tuần tra ban đêm, cũng đôn đốc “triet để chó”, cũng đến từng gia đình

kiểm tra hồ xí hai ngăn... Về hưu, ông không sinh hoạt chi bộ ở cơ quan Hội nhà văn như hầu hết các nhà văn cao tuổi khác, mà sinh hoạt với chi bộ địa phương. Và ông không muốn người ta biết mình là nhà văn. Vì ông thích nói chuyện với mọi người như một người thường nói chuyện với người thường về những chuyện thường.

Tôi để ý đến cặp mắt của ông: nhỏ, dài và hẹp. Gọi là mắt ti hí. Mắt như thế là tinh quái lắm. Cái gì cũng biết, không gì qua mắt được. Mà toàn phát hiện những điều ngộ nghĩnh, buồn cười ở người ta và diễn đạt bằng một vài từ rất gọn và đích đáng. Người nào bị phát hiện ở khía cạnh ấy lập tức trở thành tâm thường. Ngay – danh nhân, vĩ nhân cũng vậy. Thí dụ, ông cho *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh chỉ là một tập thơ kêu oan. Kể ra cũng đúng:

*Ta người ngay thẳng lòng trong trắng*

*Lại bị tình nghi là Hán gian*

*(Đường đời hiểm trở)*

*Hôm nay xiềng sắt thay giày trói*

*Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung*

*Tuy bị tình nghi là gián điệp*

*Mà như khanh tướng vẽ ung dung*

*(Đi Nam Ninh)*

Những bài thơ như thế thì đúng là thơ kêu oan. Nhưng coi *Nhật kí trong tù* chỉ là tập thơ kêu oan thì quả là đã tầm thường hoá tập thơ của cụ Hồ.

Phạm Tiến Duật khi nói thì đúng là khua môi múa mép, ông gọi là thẳng lái trâu. Còn Chế Lan Viên thì ông gọi là thẳng “nặc nô” của Đảng. Ông phát hiện Huy Cận ngày nào cũng ra trụ sở Hội Liên hiệp văn nghệ (51 Trần Hưng Đạo), tuy chả có việc gì cả, chỉ cốt được ăn một bát phở miễn phí. Huy Cận rất tham, đi đâu cũng vợ vét, cảm cấp. Tô Hoài kể chuyện, một lần ông và Nguyễn Ngọc tình cờ gặp Huy Cận ở sân bay quốc tế Mạc Tư Khoa. Tự nhiên Cận lân la đến vỗ vai nói chuyện thân mật với Nguyễn Ngọc. Tô Hoài vội bấm Nguyễn Ngọc lảng đi: “*Này nó sắp gạ ông xách đồ cho nó đấy!*”. Quả nhiên, sau đấy Huy Cận hai tay xách hai cái cặp nặng, lại buộc giầy kéo một cái thùng giấy lệt xệt đằng sau. Buồn cười nhất là ông phát hiện Nguyễn Xuân Sanh sờ dĩa bị Tố Hữu ghét, vì chỉnh huân, chuyển biến nhanh quá, không đúng quy luật -đấu tranh tư tưởng thì phải lâu dài gian khổ chứ! Còn Hoàng Cầm thì hỏi bị tù, hết hạn người ta cho ra, lại xin ở lại thêm để viết nốt bản kiểm thảo. Ông cho biết Thọ Rèn sờ dĩa nổi tiếng là vì lúc đầu người ta tưởng là Cụ Hồ, là bút danh của Cụ Hồ. Thanh Tịnh thì ai đến chơi cũng đem đồ cỗ ra khoe. Nhưng theo Tô Hoài, ông ta cứ tán ra thế thôi, chứ nhiều cái ông ta bê ở Bát Tràng về. Bùi Giáng thì rất mê Kim Cương, chỉ ước khi chết, được Kim Cương đái lên mồ... Trương Tửu là tay huênh hoang thế thôi, thực chất chỉ là trôtkit mồm... Mấy ông Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Đồ Phồn, Huyền Kiều thì tự thấy trước cách mạng có tội nên ra sức nịnh đảng...

Có những chuyện có lẽ chỉ có Tô Hoài mới đi kể với người khác. Vì là chuyện rất nhếch nhác, rất bần. Mà là chuyện của bản thân ông. Tôi nhớ hồi ở khách sạn Traphaco, Đà Nẵng, tự nhiên ông kể với tôi chuyện ấy. Chứ tôi có hỏi đâu, có biết đâu mà

*hỏi: “Hồi hoạt động Văn hoá cứu quốc ở Hà Nội, bị lộ, nó bắt bốn người: Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hữu Đang, Như Phong và đưa về Nam Định xử. Vì Vũ Quốc Uy bị bắt ở Nam Định khai ra. Nguyễn Đình Thi, Như Phong, gia đình có tiền chạy án nên được tha. Tôi và Nguyễn Hữu Đang nhờ thế cũng được tha. Trước khi thả ra, nó giam chúng tôi ở nhà lao Nam Định, bốn thằng ng giam chung một phòng. Ngồi buồn tình, bốn thằng tụi quần rathi cái ấy xem cái của thằng nào to. Của Thi dài đuồn ra như quả chuối tiêu, được nhất, Nguyễn Hữu Đang nhì, nhưng Đang kh ông chịu vì Đang cho củamình ngắn hơn nhưng to hơn. Tô Hoài và Như Phong bét.*

Đấy, gặp Tô Hoài một hai buổi là biết đủ mọi thứ chuyện linh tinh như thế. Và nghe ông nói một chập, thấy con người ta, nói chung đều tầm thường cả thôi, đều là người thường vậy thôi. Mà

cuộc đời không có ai là thần thánh thì cũng vui, thì càng vui chứ sao! Tôi chắc Tô Hoài nghĩ như thế. Vì khi kể những chuyện ấy, ông có vẻ lấy làm thú vị. Nhận xét văn của người khác, Tô Hoài cũng thường phát hiện rất tinh những nhược điểm. Thí dụ, văn Anh Đức là thứ văn cải lương, có lúc viết anh hùng là “hùng anh”. Nguyễn Khải xây dựng nhân vật theo lối ghi chép rất sáng tạo, nhưng văn Nguyễn Khải vậy mà chưa thoát được lối biền ngẫu. Nguyễn Đình Thi là anh sinh viên, rất xa đời sống, nên mắt không chọc thủng được tờ giấy để nhìn vào hiện thực. Thi tả cảnh chùa có cây bạch đàn. Xưa làm gì có bạch đàn ở chùa! Thơ Bùi Giáng, theo ông cũng là một thứ thơ Bút Tre. Thơ Hoàng Cầm thì là thứ vàng mã trang kim. Một thứ thơ trang sức hoa lá cành, sơn son, giát vàng, thực chất không có gì. Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức viết văn học sử, tuy có tài liệu đầy, nhưng không có hồn. Lưu Trọng Lư giờ hết thời rồi. Tài năng cũng chỉ có một thời thôi. Thơ Huy Cận và thơ Tố Hữu giờ chỉ còn là thơ thù tạc. Vậy mà Huy Cận cứ tuyên bố: *“Chưa bao giờ tôi sáng tác dồi dào như bây giờ”*... Tô Hoài biết rõ cả lai lịch Bút Tre. Bút Tre tên thật là Đặng Văn Đăng, sáng tác trước cả Tô Hoài, ký tên *Lục Y Lang, Chàng áo xanh*, có bằng tú tài Tây. Bút Tre định lăng xê một kiểu thơ sử dụng rộng rãi enjambement, chứ không phải anh vô học làm thơ... Tô Hoài đọc cả những cây bút trẻ. Ông cho bọn này có học. Viết được. Nhưng thiếu một cái gì đó. Thiếu chữ của riêng mình, thiếu phong cách. Hồ Anh Thái, viết mới đấy. Nhưng rắc rối, khó hiểu. Chưa thấy hay. Bọn trẻ nói chung rất kiêu ngạo. Nguyễn Huy Thiệp giỏi viết cái ác. Phạm Thị Hoài rất trí thức, đồng thời lại muốn dân dã... Một điều lạ là Tô Hoài biết cả những chuyện đời tư, rất riêng tư, thậm chí cả những chuyện thầm kín của người ta một cách rất cụ thể. Biết có đầu có đuôi, có ngành có ngọn, nói ra vanh vách. Ông nói, do phụ trách đảng uỷ văn nghệ nên biết nhiều chuyện, nhất là qua những đợt kiểm tra đảng.

Một vài ví dụ: Ngân Giang từng lấy nhiều chồng, có nhiều con. Hồi kháng chiến ở vùng tự do dinh tề vào thành. Giải phóng Hà Nội là viên chức lưu dụng. Vì thế có mặc cảm, nên hay khoe mình đã tham gia kháng chiến.

Anh Thơ lấy một bác sĩ tên là Vịnh, người miền Nam tập kết, công tác ở bệnh viện Việt Xô. Bà Trường và Nguyễn Đình Thi làm mối. Anh Thơ có thời gian vào Nam, làm tập thơ *Quê chồng*. Sau lại bỏ ra Hà Nội. Chồng theo ra và chết ở Hà Nội. Hồi kháng chiến Anh Thơ định lấy Tây địch vận. Hồi ấy có phong trào phụ nữ xung phong lấy hàng binh làm địch vận cho ta. Sau có người theo chồng sang Pháp, tự hào là đã tham gia công tác cách mạng, như diễn viên múa Thuý Cẩm... Lấy Tây cũng là hy sinh vì nước, như Chiêu quân cống Hồ trong truyện cổ... Anh Thơ viết hồi ký bịa ra nhiều chuyện cụ thể như thật. Vì có mặc cảm mình xấu nên cứ bịa ra là mình ngày xưa rất đẹp, lắm người mê, như Nguyễn Bính chẳng hạn. Tô Hoài nói: *“Bà ấy mà mê Nguyễn Bính, chưa chắc Bính đã xúc động gì. Bính nó có hàng trăm gái theo ấy chứ. Anh Thơ lúc trẻ cũng xấu, lợi hơn như miếng thịt trâu. Tính thì đồng bóng. Sang Liên Xô với Nguyễn Văn Bổng, Thanh Tịnh, lại hỏi thăm Goocki, tưởng ông ấy còn sống. Anh Thơ mà đẹp thì chết với tôi rồi!”*

Nguyễn Bính xấu giai thế mà lắm vợ. Bính là con một ông có Hán học, phụ trách trạm ngựa. Nhà khá nhưng sa sút. Giống gia đình Nam Cao. Vì thế Trúc Đường là anh thì được học hành tử tế (như Nam Cao), còn Bính thì không được học mấy.

Bính vào Nam, từ trước 1945. Năm 1954, không có tiêu chuẩn tập kết vẫn cứ ra Bắc. Trước khi ra Bắc có lấy một người vợ để ra cô con gái nay phụ trách Sở Giáo dục Bến Tre. ở Hà Nội, Tố Hữu bày ra tờ báo tư nhân *Trăm hoa* giao cho Bính. Bính làm trái ý Tố Hữu, bị phê phán, Bính bực mình bỏ đi Nam Định. Bính có hai vợ chính thức. Hiện cả hai đều làm bảo tàng lưu niệm Nguyễn Bính.

NTNT trước dạy học ở Sơn Tây, có mối tình đầu với Nguyễn Quang Sáng, Sáng giúp T viết văn. T có lần tặng Sáng một bó hoa bảo là vừa tự tay hái ở vườn về. Sáng xem hoa thấy không có cuống, cảm tâm, tức lắm, tìm T, tát cho một cái. T hay viết nhật ký, Chánh là chồng, bắt



được, lộ hết chuyện bồ bịch. NTHH lảm lúc chắt vấn mẹ: “Con là con ai? Con Nguyễn Quang Sáng, Thu Bồn, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Văn Bồn, Xuân Trinh... hay ông Chánh?”

H cũng đã có hai đời chồng.

PTTN cũng có hai đời chồng. Sau yêu một bồ nhí, có cưới hẳn hoi, nhưng sau nó bỏ. Không có con. (Tôi hỏi Tô

Hoài: “*Dương Thu Hương bảo tôi, YN thì mê Nguyễn Đình Thi, còn PTTN thì mê Tô Hoài, có đúng thế không?*” Tô Hoài nói: “*Cô ấy xấu, tôi không thích*”.

Bạch Diệp lấy Xuân Diệu. Vì cao tuổi mới lấy chồng nên thiết thực và cảnh giác. Đám cưới tổ chức to nhưng không đăng kí kết hôn. Xuân Diệu chắc do thủ dâm nhiều nên bất lực. Như gà nhảy lên là tuột ngay. Bạch Diệp bỏ luôn, sau có lấy chồng khác nhưng không có con.

Nguyễn Đình Thi lấy vợ sớm, có ba con, hai trai, một gái: Lễ, Chính, Như. Thi ở gửi rể. Vợ chết, gia đình vợ định gả cô em tên là Nghĩa cho. Nhưng cô này bị sốt ác tính chết. Hoà bình lập lại, Thi cần có vợ, định nhằm con gái cụ Ngô Tất Tố hay cô Hồng con Nam Cao. Sau người ta làm mối lấy bà Trường, nhưng không có con. Thi nam tính mạnh, người đen, nói chuyện có duyên, đàn bà thích. Nhưng Thi là tay bạc tình, ngủ với cô này đã nghĩ đến cô khác. Gia đình Nguyễn Đình Thi như cái địa ngục. Thi hay bồ bịch, còn bà Trường thì ghen ghê gớm. Gia đình cụ Ngô Tất Tố cũng thế, cụ sống với hai bà vợ suốt ngày xung đột...

Chế Lan Viên trước cách mạng, có thời gian dạy học ở Đà Nẵng. Có một nữ sinh tên là Giáo rất mê. Giáo nhà giàu, gia đình không cho lấy Chế Lan Viên. Cô cứ đến ở với Chế Lan Viên, mãi đến cách mạng tháng Tám mới cưới.

Hoà bình lập lại ở miền Bắc, hai vợ chồng sống ở Hà Nội. Chế Lan Viên ốm, phải sang chữa ở Trung Quốc. Giáo ngoại tình với một tay làm mi báo tên là Quang. Chế Lan Viên chữa bệnh về, biết chuyện nhưng định bỏ qua. Hai vợ chồng đêm nằm đắp chung chăn, nói chuyện. Giáo nói, cái đầu của em thì thuộc về anh, nhưng thân mình em thì thuộc về Quang. Vậy là họ không trở lại với nhau được. Sau Chế Lan Viên lấy Vũ Thị Thường, cán bộ phụ nữ, quê Thái Bình, đã quá lứa lỡ thì. Thường xui Chế vào Sài Gòn ở, một là Thường có bà con di cư ở trong ấy, hai là vì vợ cũ của Chế hay đến bám quấy nhiều, xin tiền...

Đúng là chẳng có chuyện gì dẫu ông được. Ông biết cả chuyện Lưu Trọng Lư túng tiền, ăn cắp xe đạp của Chế Lan Viên bán; Học Phi thi hủ hoá nhiều quá, biết tội nên xin đi B. Còn Trần Huyền Trân thì sờ dĩ bị khai trừ, vì lấy vợ nghệ sĩ, hai vợ chồng cứ dắt nhau đi lang thang biểu diễn, không sinh hoạt đảng. Lê Văn Trương thuộc thế hệ đàn anh của ông, nhưng ông có đến nhà. Ông rất sợ, vì trên bàn Lê Văn Trương có bày hai cái đầu lâu. Lê Văn Trương, Đình Hùng thích chơi đầu lâu. Lê Văn Trương tiêu sài rất hoang vì viết khoẻ, có tiền. Ông quen cả hai tay nhà văn tên là Hiến và Hồng viết thuê cho Lê Văn Trương vì túng tiền. Tô Hoài không thích văn Lê Văn Trương nhưng thích nhân vật người hùng của Lê Văn Trương. Triết lý sức mạnh của Lê Văn Trương là do Trương đọc bản dịch Nietzsche của Phạm Ngọc Khuê. Khuê và Trương Tửu là trótkit...

Về vụ Nhân văn – Giai phẩm, thế mà không phải ai cũng biết rõ. Tô Hoài thì nắm được từ gốc đến ngọn. Theo Tô Hoài, đó thực chất là một vụ án chính trị, nhưng vì quàng vào một số nhà văn nên người ta cứ tưởng là một vụ án văn chương. Nhân sai lầm của cải cách ruộng đất và ta chuẩn bị cải tạo tư sản ở Hà Nội, hai thằng Tây, một là Tổng giám mục ở nhà thờ Hà Nội tên là Dudley, hai là tay tuỳ viên văn hoá của Sứ quán Pháp tên là Durand Fischer, bèn xúi giục mấy ông đảng xã hội: Hoàng Văn Đức, Đỗ Đức Dục, Vũ Đình Hoè đòi ngang quyền với đảng Lao động. Fischer có liên hệ với Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Minh Đức (Trần Thiếu Bảo). Lúc này tư nhân ra báo không phải xin phép (hồi ấy ta vẫn còn theo chế độ của Pháp). Ta bắt ba người có dính đến Pháp là Đang, An và Bảo. Còn hai thằng Tây thì ra lệnh trục xuất khỏi Việt Nam sau một tuần lễ. Còn Hoàng Văn Đức, Đỗ Đức Dục, Vũ Đình Hoè thì lạng lẽ cho thôi thứ

trường. Chuyện có thể thôi, có thể tổng kết rõ ràng, nhưng chẳng có ai làm cả. Bây giờ sửa sai thì cứ lặng lẽ kết nạp lại vào Hội nhà văn và tặng giải thưởng Nhà nước cho mấy ông Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm... Cho nên vụ án văn mù mờ chưa mấy người hiểu rõ. Tổng chỉ huy chống nhân văn là Hoàng Văn Hoan. Tố Hữu chỉ là người thừa hành. Ta có một trại giam tù chính trị ở Quảng Bạ (Hà Giang). Có người bị giam suốt đời ở đó như Chu Bá Phượng. Còn Nguyễn Hữu Đang thì bị giam 15 năm. Khi ra tù, phụ cấp cho 40 đồng một tháng. Đang khi ra tù không hề biết có cuộc chiến tranh chống Mỹ và sự kiện giải phóng miền Nam 30.4.1975.

Đúng là Tô Hoài cái gì cũng biết. Mà toàn thiên về phía mặt trái của cuộc đời, mặt trái của người đời.

Những hiểu biết tỉ mỉ, thóc mách như thế, ông cứ nhẩn nha, đều đều kể lại với tôi. Có lẽ vì ông thấy tôi khoái những chuyện ấy và ông cũng thích kể những chuyện ấy.

Vậy là đã rõ. Tôi bèn viết bài *Tô Hoài với quan niệm con người là con người*. Tôi cho rằng tư tưởng chi phối mọi tác phẩm của Tô Hoài là thế. Nghĩa là trên đời này chẳng có ai là thần thánh gì hết. Cho nên Tô Hoài có cảm hứng đặc biệt viết về đời thường, người thường, chuyện thường. Cứ đều đều một giọng sành sỏi lọc lõi, cố che dấu một nụ cười tinh quái, có phần khinh bạc. Tô Hoài có lúc còn chủ trương viết những chuyện chẳng cần có chuyện, càng nhạt càng hay – có lần ông nói với tôi như vậy và tự thấy là một thuyết kì quặc của mình. Nhưng ông từng nghĩ như thế. Mỹ học của Tô Hoài là như vậy chăng?

Tất nhiên trong thời chiến tranh, ông không thể không phải khuôn theo xu hướng chung của nền văn học cả nước, nghĩa là phục vụ chính trị, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng. Nhưng ngay thời ấy, đôi khi ông cũng cho xen vào ít nhiều khía cạnh “người thường” ở những nhân vật anh hùng. Như nữ cán bộ cách mạng Hai Tâm đa dâm, lẳng lơ trong tiểu thuyết *Mười năm* chẳng hạn. Tác phẩm này vì thế đã từng bị phê phán kịch liệt. Thậm chí dân Hà Đông còn kéo đến phản đối tác giả, cho là ông đã bôi nhọ người quê mình.

Còn những tác phẩm

như *Truyện Tây Bắc*, *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ*, *Kim Đồng*, *Vũ A Dính*, *Miền Tây* thì đúng là chuyện anh hùng. Nhưng ông tự đánh giá chỉ có những trang tả cảnh miền núi là đáng kể, ngoài ra không có gì đặc sắc. Cảnh chiến đấu viết không bằng cảnh phong tục.

Nhưng truyện Tô Hoài viết sau 1975, nhất là sau 1986, mới thực sự là Tô

Hoài: *Chiều chiều*, *Cát bụi chân ai*, *Ba người khác*, *Giấc mơ ông thợ dìu*... Chuyện đời thường, người thường nổi trội hẳn lên. Nhưng thường mà vẫn lạ mới là văn Tô Hoài. Phát hiện những cái lạ trong những chuyện vặt vãnh đời thường chính là chỗ sắc sảo, lọc lõi, tinh quái của ông. Vì thế tôi gọi Tô Hoài là “*Nhà văn của chuyện lạ đời thường*”.

Nhớ hồi ông làm nhóm trường nhóm nghiên cứu một đề tài khoa học (đề tài

“*Văn hoá và phát triển*”), có Hoàng Ngọc Hiến, Vương Trí Nhàn, Ngọc Trai tham gia. Hoàng Ngọc Hiến kể rằng, ông đưa Ngọc Trai vào chẳng qua là để tổ chức những bữa liên hoan cho tốt, vì Ngọc Trai người Huế, nấu ăn rất giỏi. Mỗi lần họp nhóm, Hiến để ý thấy ông tỏ ra khó chịu khi anh đến đúng giờ. Rút kinh nghiệm, lần sau anh đến muộn, quả nhiên thấy ông tươi vui hẳn lên. Đúng ông rất ghét quan trọng hoá. Đến đúng giờ tức là quan trọng hoá. Chắc hẳn, ông nghĩ, làm khoa học ở cái nước này là chỉ làm chơi, cốt tiêu tiền nhà nước cho vui thôi mà. Có gì quan trọng đâu!

Đối với chuyện viết văn, Tô Hoài cũng không hề quan trọng hoá: Viết văn khó, nói thế thì đúng, nhưng nói là một nghề đặc biệt khác thường thì không phải. Cũng như các nghề khác thôi, như làm ruộng, làm mộc, làm rèn hay chài lưới vậy thôi. Ông không tán thành tác phong tài tử, viết phải đợi có cảm hứng. Tại sao không làm như các nghề bình thường khác vẫn làm! Không hứng cũng cứ viết. Còn viết hỏng, bỏ đi, lại là chuyện khác.

Mà nghề văn đâu phải là nghề khổ nhất. Nguyễn Vỹ làm thơ: *“Nhà văn Annam khổ như chó”*. Nguyễn Vỹ có bằng tú tài, hẳn có khổ gì lắm đâu! Nhiều nghề khác khổ hơn chứ!

Nhưng đã là nghề thì phải học nghề. Nhiều anh viết chưa có nghề. Phải chuyên môn hoá, thành nghề hẳn hoi. Đừng viết nhiều thể văn khác nhau. Làm chơi thì được, như thỉnh thoảng ông có làm thơ. Nhưng làm thật thì không nên.

Về mặt học thì Tô Hoài rất chịu khó. Cái học nhà trường của ông không nhiều, nên ông phải gắng tự học. Ông học tiếng Pháp Nam Cao. Ông có bà dì tên là Phượng dạy trường Tiểu học tư thực Công Thành ở dốc Tam Đa. Nam Cao cũng dạy ở đấy. Bà Phượng (nguyên mẫu của nhân vật Oanh trong *Sống mòn*) giới thiệu Nam Cao dạy tiếng Pháp cho Tô Hoài. Lúc ấy trò đã có tên tuổi rồi, mà thầy thì chưa.

Hồi Pháp thuộc, đọc thư viện lớn ở Tràng Thi, phải có bằng thành chung (diplôme). Tô Hoài chỉ mới học hết cấp tiểu học. Ông đến Vũ Ngọc Phan nhờ giới thiệu với thư viện Hà Nội để đọc sách. Vũ Ngọc Phan có một biệt thự ở Thái Hà áp. Phan nói cứ đến đọc sách ở thư viện riêng của ông, ông hướng dẫn cho. Tô Hoài thành ra rất thân với gia đình Vũ Ngọc Phan, nhiều khi cùng ăn cơm với gia đình. Nhà Vũ Ngọc Phan cũng gần nhà cụ Lê Dư - Sở Cường là bố vợ của Phan. Mấy chị em Hằng Phượng, Hằng Huân, Hằng Phấn... con cụ Lê Dư đều rất đẹp. Các cô ngồi xe nhà đi học, bao nhiêu thằng bám theo. Bọn Đình Hùng ghen với Tô Hoài về cái số may mắn của ông. Nhưng lúc bấy giờ Tô Hoài chỉ là một chàng trai nhà quê, mặc áo dài thâm, đi guốc, ăn thua gì! ở nhà Vũ Ngọc Phan, Tô Hoài đọc được nhiều tiểu thuyết Pháp.

Ông cũng chịu khó đọc tác phẩm của các nhà văn khác, đọc cả sách lý luận phê bình, sách văn học sử, đọc từ Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức, Nguyễn Đăng Mạnh đến Phong Lê, Trần Hữu Tá, đọc cả Văn Giá... Đọc và có nhận xét hẳn hoi.

Đến thời kháng chiến, lên Tây Bắc, để hiểu người Hmông, ông học tiếng H'mông. Một lần đi cùng vợ chồng A Phủ từ Phù Yên lên Điện Biên, ông vừa đi vừa học tiếng H'mông. Ông còn đọc nhiều sách nghiên cứu về các dân tộc Hmông, Mán, sách về tục ngữ Mường... Nguyễn Tuân cũng đi Tây Bắc, nhưng theo Tô Hoài, chủ yếu là đi xem vườn hoa cây cảnh, còn ông mới đi sâu nghiên cứu các dân tộc, tuy bên cạnh đó cũng có thú giang hồ, xê dịch, thú exotique chẳng kém gì Nguyễn Tuân.

Ông đặc biệt rất chú ý học chữ. Ông chê nhiều người viết văn bây giờ thiếu chữ và dùng chữ rất ẩu. Nhiều chữ họ không hiểu. Làm văn thì phải học chữ. Có cách học và chịu khó thì lúc nào cũng học được. Ngôn ngữ Việt Nam rất phong phú về những từ tế nhị như những từ chung quanh chuyện ăn, uống, chết... Ông cho nên biên soạn một cuốn từ điển về từ ngữ các nghề nghiệp. Ông thấy tiếng Việt ta có chữ “ăn nằm” rất hay, tránh nói thô. Ông phân biệt “mồm” với “miệng”. Nói “miệng” sang hơn nói “mồm”. Cờ nhà chùa thì phải gọi là cờ “điều” chứ không phải là cờ đồ, sơn đen thì phải gọi là sơn “then”, quần đen thì phải gọi quần “thâm”... Ông khoe học được một từ nghề nghiệp mới: “thầy diu”. Thầy diu là thầy dạy khiêu vũ, diu dặt (entrainer) người tập khiêu vũ. Theo ông “tai vách mạch rừng” vốn là “tai vách mạch dưng”. Còn “run như cày sậy”, Xuân Diệu cho đúng ra phải là “run như cây sậy”. Nhưng Tô Hoài cho thế là Tây nói chữ không phải ta nói1...

Tô Hoài chủ trương chỉ viết về cái gì đích thân mình có sống, có quan sát được, viết bằng thực tế và tình cảm của mình, không thích viết những cái chỉ nghe người khác kể lại. Một đầu óc rất tỉnh táo, chỉ tin ở sự thể nghiệm của bản thân mình. Ông đi cải cách ruộng đất bốn lượt, từng làm đội phó phụ trách toà án. Vậy mà ông kết luận trái hẳn với đường lối giai cấp của Đảng ở nông

thôn: *“Cơ sở cách mạng trước 1945 phải là trung nông trở lên, chứ dựa vào bản cổ nông, nó đói, nó “bán” cách mạng ngay”*.

Viết văn, Tô Hoài không băn khoăn về chuyện thể loại, chỉ cốt nói được rõ ràng ý định của mình. Nhưng tôi thấy dù viết tiểu thuyết, truyện ngắn hay ký, dù viết về đề tài gì, tác phẩm của ông cũng có tính chất hồi ký, tự truyện – Hình như ông có một thói quen có thể gọi là *tư duy – hồi cố* hay *cảm hứng hồi tưởng*.

Tô Hoài nói, ông tán thành quan niệm của A. Maurois rằng sự thật của quá khứ khi hồi tưởng lại không tách biệt với cái hiện tại – quá khứ, hiện tại lẫn vào nhau như là đồng hiện vậy. Tôi đọc bài ký *Ông già ở Agra*, thấy đúng như thế. Tôi rất thích tác phẩm này của ông. (André Maurois đề tựa cuốn *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust, có câu: “*Sự cập đôi cảm giác hiện tại với kỉ niệm sống lại đối với thời gian, cùng chính là kính hội tụ đối với không gian*”).

Tô Hoài cho viết truyện thì phải lấy nhân vật làm gốc. Chữa văn là chữa nhân vật. Thừa hay thiếu cũng là từ nhân vật. Ông tán thành kinh nghiệm của Fadéev: “*Viết một câu, rồi câu thứ hai, câu thứ ba cùng đều đều như câu đầu tiên tức là tuột dần vào một thứ tê nhạt khó chịu. Phải tránh đặt câu giống nhau, phải làm sao cho câu văn nổi bật, nổi gân lên*”. *Phải viết sao cho người ta đọc văn mình, đọc đi đọc lại, vẫn thấy hay. Có truyện đọc c lần đầu thấy hay. Đọc lại không thấy hay nữa. Văn phải đọc đi đọc lại, phải thử đi thử lại mới đáng tin.*”

Tô Hoài đi nhiều, xê dịch còn hơn cả Nguyễn Tuân. Trước cách mạng tháng Tám, ông đã đi khắp Bắc Trung Nam. Vừa đi vừa viết. Bài gửi về cho nhà Tân Dân, và nhận nhuận bút qua bưu điện. Ông cho biết, truyện *Trăng thề* viết ở Dầu Tiếng...

Nhưng ông cho rằng, mỗi người có một quê hương. Đi khắp nơi để lại càng hiểu sâu hơn quê hương mình. Vậy là thực tế tự nhiên và những vui buồn của quê hương ông vẫn là nguồn chất liệu chính đã bồi đắp nên tâm hồn các nhân vật của ông và những trang viết của ông. Ông vẫn là nhà văn của Nghĩa Đô, của sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức – Ông là Tô Hoài.

Tô Hoài còn có một trí nhớ tuyệt vời. Ông lên Đà Lạt viết *Chiều chiều*, không đem theo một tài liệu nào hết. Viết xong về nhà mới kiểm tra lại tư liệu.

Ông không thích trực tiếp nói tình cảm của mình, muốn nói tình cảm qua những cái mình mô tả. Có người xui ông viết tiếp *Đế mèn phiêu lưu ký*. Ông nói, tôi không viết. Tôi không dại như Lưu Trọng Lư, viết *Tiếng thu II*, *Tiếng thu III*, chẳng ra gì cả. Đúng là Tô Hoài rất tình. Nhìn người khác hay nhìn mình đều rất tình. Tình đối với mình, không dễ đâu!

\*\*\*

Tô Hoài quê ở làng Cát Động, huyện Thanh Oai. Nhưng sinh ở Nghĩa Đô. Mãi đến năm 20 tuổi mới về quê nội. Mà cũng chỉ thỉnh thoảng thôi. Ông thân sinh bỏ đi Sài Gòn biệt lập từ khi ông còn nhỏ. Nhà có khung cửa. Ông cũng biết dệt. Nghĩa Đô có nghề dệt lĩnh, dệt lụa và làm giấy. Ông lớn lên trong cảnh tàn tạ của làng quê. Nghề dệt, nghề giấy đều lụi dần. Năm đói (1945) người chết la liệt. Nội thành được phát bông gạo. Nghĩa Đô thuộc ngoại thành nên tuy chỉ cách có một con đường mà cả làng chết đói – người ta chỉ phát bông gạo tới Thụy Khuê thôi.

Đây, quê hương, nơi đi về của kí ức ông là như thế. Cho nên truyện của Tô Hoài nói chung là buồn. Chuyện nhà, chuyện cửa, chuyện làng xóm đều buồn. Toàn kí ức buồn. Mà kí ức tuổi thơ bao giờ cũng sâu đậm và lâu bền nhất. Bản thân ít được học. Lang thang lêu lổng, bắt chim, đúc đế... Lớn lên, có thời gian làm anh bán hàng cho hiệu giày Ba ta, mỗi tháng đầu được dăm, sáu đồng. May mà có nghề làm văn, làm báo là cái nghề không cần vốn liếng gì, cũng chẳng cần bằng cấp để bám vào. Nhưng cũng như Nguyễn Hồng, Nguyễn Bính, Trần Huyền Trân..., Tô Hoài thuộc loại nhà văn lẫn lộn với đời. Có thể nói là “rất bụi”, khác hẳn với cánh viết văn, làm báo sang trọng như Nhất Linh, Khái Hưng, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Lương Ngọc hay có trí thức như Nguyễn Tuân, Đoàn Phú Tứ, Thạch Lam, Hoài Thanh... hoặc ăn lương viên chức, lương giáo học như Nguyễn Công Hoan, Bùi Hiền... Thời trước, loại làm văn làm báo như thế, xã hội viên chức nền nếp, sạch sẽ rất khinh bỉ, cho là loại vô học, vô nghề nghiệp... Nhưng cuộc sống như thế lại là cái vốn liếng đọc đáo của họ mà các cây bút kia không có.

Tô Hoài là nhà văn của đời thường, người thường, chuyện thường, và ông cũng thích sống như một người thường. Mình là gì mà cao đạo! Mà cần gì phải cao đạo! Cho nên đời cho hưởng cái gì, hưởng cái đó, không chê – chắc ông nghĩ thế!

Về mặt này, ông cũng chẳng dẫu tôi điều gì. Và tôi cũng tranh thủ hỏi ông một cách thoải mái:

– *Gái H'mông thế nào?*

– *Anh đã biết mùi đằm bao giờ chưa?*

– *Hỏi cái cách ruộng đất, cán bộ hủ hoá thoải mái. Anh thì sao?*

– *Nguyễn Khải cho tôi biết, anh có chuyện với L.M. Có đúng không?*

Tô Hoài trả lời cũng rất thoải mái:

-

*Gái H'mông nguy hiểm lắm! Nó ngủ với cán bộ, hôm sau đi khoe cả làng, cả bản. Nhiều anh bị kỷ luật, có anh bị xử bắn vì chuyện ấy.*

-

*Tây đằm nó quăn nhau, đùa nhau rất mệt. Ta không chịu nổi. Lính tập, bồi bếp ở bên Tây, dính với đằm, sợ lắm!*

*Tôi có lần sang Rumani, có một cô phục vụ đòi hỏi ghê quá. Mình phải xin giấy chứng nhận huyết áp cao mới thoát được.*

– *Hỏi cái cách ruộng đất ấy à: có! có!*

-

*Chuyện ấy sao Nguyễn Khải nó biết được nhỉ? Tay N.D chồng L. M có lần mắng vợ: “Đi mà ở với thằng Tô Hoài!”*

Tô Hoài rất thích bia rượu. Thỉnh thoảng tôi tìm đến ông, ông hay rủ uống bia. Ông yếu bụng nên cũng hay uống rượu mạnh. Ly rượu mạnh ông chỉ làm một hơi.

Tô Hoài nay đã cao tuổi. Sức khoẻ xem chừng ngày càng xuống. Tiểu đường thời kì thứ hai. Huyết áp không ổn định. Lại bị gút.

Ông là một pho từ điển sống về giới nhà văn, về đời sống muôn mặt, về kinh nghiệm viết văn.

Ông là một kho chữ nghĩa... Người như thế bây giờ là của hiếm lắm đấy!

Một trong những may mắn của đời tôi là được tra cứu vào cuốn từ điển Tô Hoài. Không biết đến bao giờ mới khai thác hết được. Mà ông thì tuổi đã cao, tôi cũng tuổi đã cao.

*Láng Hạ. 9. 6. 2007*

Có một chuyện rất vui là, vào những năm 60 của thế kỉ trước, Phạm Văn Đồng có đề xướng một cuộc vận động gọi là “Gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt”. Ông triệu tập một số nhà văn, nhà ngôn ngữ đến trao đổi về vấn đề này. Tô Hoài không được mời vì bị coi là viết sai tiếng Việt, sai ngữ pháp, nghĩa là vi phạm vào sự trong sáng của tiếng Việt (!). Chính Tô Hoài nói cho tôi biết chuyện này).

## Trần Đăng Khoa

---

Trần Đăng Khoa từ bộ dạng, cách nói năng (lẫn lộn n với l), đến thói quen ăn uống đều đặc nông dân: chỉ thích món thịt lợn kho, cá kho, rau muống luộc, lòng lợn chấm mắm tôm, không thích thịt bò, gà vịt, hải sản, không thích bia...

Vào khoảng năm 1975, báo Phụ nữ Việt nam có đặt tôi viết một bài về trường ca *Tiếng hát người anh hùng* của Trần Đăng Khoa. Bài ấy, tôi ký tên con gái tôi: Nguyễn Thị Thanh Thủy. Nội dung cơ bản của bài viết là khẳng định Trần Đăng Khoa là nhà thơ nông dân. Tất cả tài năng của anh đều do nông thôn bồi dưỡng nên. Thành công hay thất bại của tác

phẩm đều là do Khoa hoặc nói bằng tâm hồn và ngôn ngữ nông dân của mình, hoặc mượn ý tưởng, cách nói của tầng lớp xã hội khác.

Tôi tiếp xúc với Khoa lần đầu tại nhà Khoa ở Nam Sách. Lúc ấy Khoa học lớp Tám ở trường cấp III Nam Sách (Hội ấy cấp III gồm 3 lớp 8, 9, 10). Một đoàn sinh viên sư phạm Hà Nội về đây thực tập. Tôi về thăm đoàn thực tập này và nhân tiện tạt về nhà Khoa một lát. Tôi thấy Khoa ứng xử, tiếp đón, nói năng với khách rất đàng hoàng, chững chạc, không có vẻ một cậu học trò lớp Tám. Về sau này chính Khoa nói với

tôi: *“Người ta cứ bảo em hồi nhỏ rất hồn nhiên, nay không còn hồn nhiên nữa. Không đúng. Hồi nhỏ em chẳng hồn nhiên gì cả. Nói dối như ranh. Và Khoa kể chuyện*

*này: “Một lần có một cuộc hội nghị y tế toàn miền Bắc họp ở tỉnh Hải Hưng. Các ông phụ trách hội nghị đưa Khoa đến để khoe “thần đồng” của tỉnh. Thường họ đề ra cho em làm thơ để thử tài. Ông Phạm Ngọc Thạch, bộ trưởng Bộ Y tế, tặng em một cái bật lửa. Không hiểu sao lại tặng mình bật lửa? Tặng trẻ con, lại tặng bật lửa để làm gì! Đúng là dớ dẩn. Em nghĩ bụng thế. Nhưng em lại phát biểu trước hội nghị: “Bác tặng em cái bật lửa là rất có ý nghĩa. Đây là ngọn lửa tượng trưng cho lý tưởng cách mạng. Em nguyện sẽ mang ngọn lửa này trong suốt cuộc đời mình...”* C à hội trường vỗ tay ầm ĩ, khen thẳng bé giời quá!

Từ ngày Khoa học trường viết văn Nguyễn Du, tôi tiếp xúc với Khoa luôn. Có năm Khoa đến ăn Tết với gia đình tôi, quan hệ rất thân mật.

Khoa đúng là có tài, rất thông minh. Có lẽ Khoa có ý thức mình là thần đồng nên chịu khó đọc sách, đọc sáng tác, đọc phê bình, để có một vốn tri thức đàng hoàng, có thể ăn nói với đời.

Khoa tỏ ra rất hoạt bát. Mồm mép ghê gớm, phát biểu rất có chủ kiến, đầy tự tin, có phần kiêu ngạo nữa. Những năm gần đây, tôi với Khoa thường được mời tham gia hội đồng chung khảo của những cuộc thi sáng tác văn học do Nhà xuất bản Giáo dục, Hội nhà văn hay tổ chức Văn hoá doanh nhân của Lê Lợi tổ chức. Tôi thấy Khoa rất to mồm, nhiều khi tỏ ra muốn áp đặt tư tưởng của mình đối với hội đồng.

Khoa thường nói giọng khẳng định dứt khoát, nhiều ý kiến sắc sảo, nhưng cũng lắm nhận định không chính xác do vốn kiến thức còn lấm lổ hồng. Tuy thế tôi vẫn thích nghe Khoa nói. Tôi thích người nói thẳng thắn, có chủ kiến riêng, dù không đúng cũng gọi cho mình suy nghĩ.

Dưới đây, tôi tường thuật vài đoạn Khoa nói chuyện với tôi (tôi muốn ghi lại đúng giọng điệu, khẩu khí của Khoa):

*“Văn học đang đổi mới. Không thể viết như cũ được nữa. Tất cả cũ rồi, Các nhà thơ thời chống Mỹ vẫn khá hơn cả, song cũng tắc rồi. Nguyễn Duy triển lãm thơ bằng cách vắt thơ vào rổ rá, cối xay... là vỡ vụn lắm rồi! Nguyễn Huy Thiệp cũng tắc. Vàng Anh cũng hết – một hồi ta đề cao hơi quá. Phạm Thị Hoài có khá hơn.*

*Nhưng cái mới chưa có, chưa xuất hiện. Văn xuôi có khá hơn. Thơ thì có lẽ thời buổi này không phải là thời của thơ. Đây là thời của truyện, của kịch, của phim, của tivi...”*

*“Hồ Xuân Hương không có. Không có Hồ Xuân Hương! Đàn bà không tả cái của đàn bà hấp dẫn như thế “Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng”, đàn ông mới nói thế: “Cô gái ngủ ngày” là đàn ông viết”.*

*“Em đã ghép mười câu thơ của mười nhà thơ lại thành một bài hoàn chỉnh. Chúng tỏ thơ ta một thời rất giống nhau, cùng một gương mặt. Em cũng ghép lại những câu thơ của Huy Cận lại thành một bài thơ về vũ trụ. Lại ghép bốn nhà thơ, mỗi ông bốn câu, thành một bài hoàn chỉnh.*

*“Ngoài sân rơi cái lá đa, Lá rơi rất mỏng như là rơi nghiêng”. Nhiều người khen, Thực ra không hay lắm, câu thơ trung bình thôi. Chỉ tả cảm giác. Thơ hay là nói cái nội tâm, cái tình, cái hồn. Như câu “Mái tranh ơi hồi mái tranh, Trãi bao mưa nắng mà thành quê hương”.*

*“Phê bình văn học chỉ có ba người: Hoài Thanh, Nguyễn Đăng Mạnh, Lê Ngọc Trà. Trà thực ra là nhà lý luận. Cụ Mạnh lý luận không phải chỗ mạnh. Chỗ mạnh là phê bình tác phẩm. Cụ rất tin h”.*

Em không thích bài Lá đổ của Nguyễn Đình Thi, cả bài Lá Diêu Bông của Hoàng Cầm. Chẳng có gì hay. Cụ phản biện đi, hay ở chỗ nào?”. Tôi nói: “Thơ hay không phân tích, không giảng được”.

Khoa: “Không phải thế. Nếu hay là cụ phân tích được hết”.

Khoa khen bài Tiếng thu của Lưu Trọng Lư, không có gì mà hay. Tôi

nói: “Đấy cậu nói không có gì mà hay đấy thôi!” Khoa: “Không phải, hai chuyện khác nhau, cụ đã nháo khái niệm”. Nhật có bài thơ tên là Tiếng thu. Có bốn câu khác hẳn. Nguyễn Vỹ dịch ra giống thơ Lưu Trọng Lư, rồi người ta tưởng là Lưu Trọng Lư ăn cắp. Một vụ án văn học, oan cho Lưu Trọng Lư”.

“Nhà cổ Hà Nội không gọi là nhà cổ được. Một trăm năm, cổ gì! Tốt nhất là phá hết khu phố cổ Hà Nội đi. Hội An mới thực là nhà cổ”.

Khoa khi nói hay để chữ “đấy!” như là một thứ dấu chấm câu vậy:

“Thầy hình dung không? Em nói thật với thầy, đấy!

Nguyễn Khải, Chế Lan Viên thông minh, là đầu bảng – đấy!

Cụ Mạnh viết ra tám ra món. Thảm văn rất tinh. Có văn. Nhiều người có ý mà không có văn. Có ý mà không tải được ra văn, cứ tải ra chữ lại hỏng -

đấy! Cụ Hiến phát hiện thì đúng, nhưng triển khai ra thì như hột hơi, như ngắn lười -

đấy! TĐX tiếp xúc tay bo thì rất khá. Nhưng viết ra thì không ra sao cả -

đấy! Phải có mắt xanh, ông Xuân Diệu gọi là đầu mày cuối mắt”.

Phạm Xuân Nguyên thông minh, nhưng thảm văn kém.

Mai Quốc Liên cũng vậy – đấy

Sử có học, nhưng thảm văn xoàng...”

Nói chung Khoa không thích văn trí thức như văn Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi. Khoa nói dứt khoát với tôi: “Đấy rồi thầy xem, mười năm nữa người ta không đọc Nguyễn Tuân nữa đâu!”.

Trong Chân dung và đối thoại, Khoa chê Nguyễn Tuân không biết uống nước trà. Bà Ân con gái cả của Nguyễn Tuân tức lắm. Bà

nói: “Cái thằng ấy chỉ biết ăn của ăn cáy chứ nó biết uống trà là cái gì mà dám chê ông cụ tôi. Tôi ôi đã phục vụ ông cụ uống trà, tôi biết chứ. Pha trà phải kén nước giếng ở một ngôi chùa là chuyện có thật (trong truyện Nguyễn Tuân gọi là chùa Đồi Mai). Rồi hầm củi ủ than để đun nước pha trà như thế nào... Nó biết cái gì mà dám nói láo!”. Hôm ấy, dự lễ trao giải thưởng Nguyễn Tuân cho sinh viên Đại học Sư phạm Hà Nội, bà nói sôi sục. Anh Nguyễn Xuân Đào, con trai út Nguyễn Tuân, phải can mãi.

Nhưng Khoa là tay chống chế rất giỏi. Trong Chân dung và đối thoại, Khoa chê cụ Ngô Tất Tố, trong Tất đên cho chị Dậu bán con, so sánh với Fantine của V. Hugo bán tóc, là vô nhân đạo.

Khoa bị phê phán là không hiểu ngày xưa người nông dân phải bán vợ đợ con là chuyện phổ biến. Khoa chắc thấy mình đuối lý nên tìm cách chống chế. Hôm ấy tôi và Khoa được trường chuyên Hùng Vương (Việt Trì) mời lên giao lưu với học sinh. Khoa

nói: “Tôi không phải không biết chuyện bán vợ đợ con của nông dân nghèo ngày xưa. Chính tôi có một bà cô phải bán con. Nhưng cụ Ngô Tất Tố cho chị Dậu đem con đến nhà Nghị Quế, khi nó bắt cái Tý ăn cơm của chó, lẽ ra phải thôi, đem con về, chắt dút luôn truyện ở đấy. Ai lại mẹ t háy con phải ăn cơm của chó mà chịu được!”.

Tôi biết đấy là mồm mép chống chế của Khoa, chứ trong Chân dung và đối thoại, Khoa có viết thế đâu!

Khoa có một thói được mời đi nói chuyện khắp. Người nghe rất thích. Khoa biết cách nói rất hấp dẫn. Một trong thuật hấp dẫn của Khoa là giải hài hước.

Khoa ghét cái gì là chế giễu rất ác.

Thí dụ, Khoa định nghĩa thơ Lê Đạt: Người ta nói “Tôi đi ăn cơm”, thì Lê Đạt viết “Cơm đi ăn tôi”.

Trong một cuộc nói chuyện, Khoa dẫn thơ của Hoàng Hưng, Dương Tường để giễu cợt:

Anh lang thang em...  
Anh mini em...  
Anh xanh xao em...  
Anh tiết canh em...

Khoa cố tình tách những cụm từ ấy ra khỏi văn cảnh, biến chúng thành khô hài.

Khoa có cách diễn đạt rất tinh quái khi nhận xét lối phê bình của Nguyễn

Hoà: “Nguyễn Hoà là tay phê bình nghiệp dư, nhưng là nhà bóp dái chuyên nghiệp. Hoà thực hi  
ện được hai “cú” rất ngoạn mục: bóp vú Hà Minh Đức và bóp dái Đoàn Thị Đặng Hương”.

Khoa kể câu chuyện này cũng vui: có một cô gái ở Sài Gòn kém Khoa hàng chục tuổi, nhưng  
vẫn tưởng Khoa là một em thiếu nhi làm thơ. Cô gửi thư cho Khoa gọi Khoa là em, muốn kết  
nghĩa chị em và khuyên Khoa chăm học, nghe lời cha mẹ, tập thể dục buổi sáng...

Nghe Khoa nói, chỉ nên tin một nửa. Rất có thể chỉ là bịa cho vui. Khoa đặc biệt có tật nói dối.  
Nói dối chẳng để làm gì cả. Một thói quen thể thôi. Thí dụ Khoa khoe, tập

II *Chân dung và đối thoại* đã viết xong. Có một bài viết về Nguyễn Đăng Mạnh. Có những bài  
trả lời những người phê phán *Chân dung và đối thoại* tập I... Sách in như thế nào, bìa ra sao,  
nhuận bút bao nhiêu. Khoa còn nói cho biết cả nội dung các bài viết nữa. Khoa nói với tôi  
chuyện này dễ đã sáu, bảy năm rồi mà tới nay vẫn chẳng thấy mặt mũi tăm hơi gì. Mà khi nói,  
Khoa toàn báo cho biết sắp in đến nơi.

Tôi nhớ cách đây dăm năm, mùng một Tết, Khoa có đến tôi (ở Quan Hoa, Cầu Giấy). Khoa có  
kể cho vợ chồng tôi nghe anh sắp viết một vở kịch vui: “*Thị Nở cưới trâu ra tỉnh*”. Cho đến nay  
vẫn chưa thấy viết.

\*\*\*

Người ta thường xì xào về chuyện sinh lý của Khoa, giống như Xuân Diệu. Đã có người làm và  
chế giễu.

Nhưng Khoa đã lấy vợ. Tôi có được mời tới dự. Ngay hôm cưới, Lê Lựu, bạn chí cốt của Khoa,  
vẫn không tin Khoa có thể làm ăn được gì. Anh nói với tôi ngay ở tiệc cưới như thế. Nhưng vợ  
Khoa có mang và sinh con gái. Khoa được thể nói

phét: “*Mình từng rắc con nhiều nơi, con rơi con vãi của mình nay đã lớn, có thể bỏ bịch với Trần  
Đăng Xuyên được*”. Khoa nói với tôi hôm ấy ở Cần Thơ, có mặt Trần Đăng Xuyên.

Khoa bây giờ là tay khôn ngoan có tiếng, đối đáp rất sắc sảo. Tô Hoài nói, Khoa là quân sư  
quạt mo của Hữu Thịnh. Trong ban chấp hành Hội nhà văn khoá 7, Vàng Anh hay gây sự với  
Hữu Thịnh. Khoa là người đứng ra gỡ bí cho Hữu Thịnh.

Theo chỗ tôi biết, Khoa còn là quân sư quạt mo cho Lê Lựu nữa trong việc điều hành tổ  
chức *Văn hoá doanh nhân*.

Hai tay nông dân này hợp nhau trên mọi phương diện.

Láng Hạ 15.6.2007

\*\*\*

**Phụ đính II**





## Thầy Mạnh đã đi gặp cụ Nguyễn Tuân ở miền âm giới Văn Giá

Lần gần đây nhất tôi được ngồi “đánh chén” cùng thầy Nguyễn Đăng Mạnh (và mấy người bạn) vào dịp đầu tháng 12/2017. Hôm đó cũng chẳng phải tôi mời thầy, mà do Đỗ Ngọc Thống nghĩ thầy ở nhà mãi cũng buồn nên thấy thầy khỏe khỏe, rước thầy đến cùng. Vui quá có thầy. Thầy nhâm nhi đôi giọt rượu, ăn rất ít, chỉ ăn được thức ăn mềm. Thầy vẫn hút thuốc lá. Lúc này thầy hầu như không còn khả năng nghe nữa. Lại thêm ngồi quán đông người ồn ào nên thầy hầu như không nói gì. Chẳng biết an ủi thầy thế nào cho phải, tôi chỉ đành thỉnh thoảng gấp thức ăn cho thầy, hỏi thầy có ăn được món này món nọ không...

Nhưng trước đó khoảng 2 tuần, vào dịp 20/11, Ngày Nhà giáo Việt Nam, tôi cùng với Nguyễn Đức Mậu và Phạm Xuân Nguyên lên nhà riêng thăm thầy, rồi chúng tôi nẩy ra sáng kiến rước thầy đi thăm Triển lãm tranh mang tên “Nét” của họa sĩ Lưu Công Nhân, bạn học từ thời phổ thông với thầy. Mặc dù sức khỏe không được tốt lắm, nhưng thầy rất hào hứng. Cô Thoại, phu nhân của thầy đồng ý để thầy đi, do cũng như nhiều lần khác cô thường khá yên tâm khi có tôi tháp tùng thầy.

Tranh của họa sĩ Lưu Công Nhân hôm ấy chủ yếu là tranh nude, mà toàn là chân dung các thiếu nữ, rất đẹp và gợi cảm. Thầy không nhận xét gì về tranh. Lúc ngồi nghỉ giải lao giữa phòng trưng bày, thầy kể: “Tay Lưu Công Nhân ghê lắm nhé. Có lần, trong những năm còn Liên Xô, người ta mới “ưu tiên” cử tay này sang học vẽ. Khi được mời, tay ấy nói: Chúng nó muốn học vẽ thì sang đây tao dạy cho chứ tao làm gì phải sang học chúng nó... Thế mà rồi tay ấy chống không đi học đấy”. Nghe chuyện, tôi nghĩ ông họa sĩ này từ chối là phải. Bởi họa sĩ Lưu Công Nhân thuộc thế hệ lớp đầu của mỹ thuật thời họa sĩ Tô Ngọc Vân làm hiệu trưởng, được học hành theo tinh thần hội họa châu Âu, một thứ hội họa khai phóng, tồn tại cùng lúc nhiều trường phái (hiện thực, ấn tượng, siêu thực, lập thể...). Trong khi hội họa (rộng ra là văn nghệ) Liên Xô lúc ấy đang đề cao phương pháp sáng tác hiện thực XHCN, chủ yếu là văn nghệ tuyên truyền. Thế thì cái tinh thần mỹ học Âu châu ở người họa sĩ này làm sao có thể dung chứa nổi thứ hội họa hiện thực XHCN cơ chứ!”.

Đấy, thầy Nguyễn Đăng Mạnh rất nhớ những mẩu chuyện như vậy, tưởng nhỏ thôi nhưng không hề nhỏ chút nào... Thế hệ học trò chúng tôi, do được gần gũi với thầy, được thầy kể cho vô khối chuyện đại loại như thế.

Gọi là đi “đàn đúm” (chữ hay dùng của thầy), thì cuộc xem triển lãm này là lần cuối cùng tôi được đi cùng thầy và nghe thầy trò chuyện.

Bây giờ thì thầy đã đi xa thật rồi. Mọi hình ảnh, ấn tượng, cái nghĩ về thầy trong tôi đang hết sức rối bời, lộn xộn. Tôi chỉ nghĩ, trong đời sống này, ngoài tư cách con người của đời sống thường nhật, thầy cùng lúc tồn tại với ba tư cách: nhà nghiên cứu-phê bình văn học, nhà nghệ sĩ và nhà sư phạm. Cả ba tồn tại trong nhau, hòa huyết với nhau, bổ trợ cho nhau và làm giàu có cho nhau.

Đã có nhiều người viết về thầy, đặc biệt trong dịp mừng thầy tuổi 80 (tập hợp trong cuốn *Người và Nghề*, NXB HN, 2010). Ở đây tôi chỉ nhấn mạnh đến hai đóng góp quan trọng của thầy vào đời sống văn học của đất nước.

*Thứ nhất*, trong tư cách một nhà nghiên cứu phê bình, Nguyễn Đăng Mạnh là người đầu tiên đã minh định và xác quyết ba trường hợp quan trọng của nền văn học Việt Nam hiện đại: Hồ Chí Minh, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng.

Với Hồ Chí Minh, đang trong lúc có rất nhiều lúng túng, thậm chí sai lầm và dung tục khi tìm hiểu về thơ Hồ Chủ tịch, cuốn chuyên luận *"Mấy vấn đề về phương pháp phân tích và giảng dạy thơ Hồ Chủ tịch"* (1980) đã giúp cho giới giảng dạy và nghiên cứu có những cách hiểu, và nhất là phương pháp tiếp cận đúng đắn, chân thực hơn, nhờ vậy yêu và yên tâm hơn mỗi khi tiếp xúc với các tác phẩm văn học của ông Hồ. Cái chìa khóa của nhà NCPB Nguyễn Đăng Mạnh là ở chỗ cần phải có hai khái niệm công cụ làm chìa khóa: thơ tuyên truyền và thơ nghệ thuật. Sau này, có những người vì động cơ thiếu thiện chí khác nhau, đã vu cho Nguyễn Đăng Mạnh có ý coi thường thơ của Hồ Chí Minh. Cũng vẫn tiếp mạch này, những năm 90 của thế kỷ XX, khi làm chủ biên chương trình Ngữ văn PTTH, ông đề nghị dịch chuyển tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập" từ SGK Ngữ văn sang sách Tập làm văn, lập tức có ý kiến vu cho là gạt áng văn chính luận này ra khỏi chương trình, gây nên một scandal lớn, động đến cả nghị sự Quốc hội.

Thầy cũng là người đầu tiên nghiên cứu thấu đáo hai hiện tượng phức tạp bậc nhất của nền văn học giai đoạn 1930-1945, đó là Nguyễn Tuân và Vũ Trọng Phụng. Với Nguyễn Tuân, Nguyễn Đăng Mạnh đã có một cách tiếp cận toàn diện, hệ thống, tinh tế và sâu sắc về hiện tượng văn học phức tạp này với những từ chìa khóa: *phức tạp, cái tài, chữ ngông, chủ nghĩa độc đáo, thờ nghệ thuật, duy mỹ, ngôn từ đua tranh cùng tạo hóa, cảnh sắc và hương vị đất nước...* Với Vũ Trọng Phụng cũng vậy, các từ chìa khóa trong nghiên cứu của Nguyễn Đăng Mạnh là những "niềm căm uất khôn nguôi", "tư tưởng bi quan định mệnh"... Có thể nói, vào những năm 80 của thế kỷ trước, với hai công trình này, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh đã xác lập được vị trí vững chắc trong giới NCPB lúc bấy giờ. Từ đây, theo thời gian, ông lần lượt "húc vào" nhiều hiện tượng văn học tài năng, phức tạp và có cá tính/vấn đề như Nam Cao, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Cầm, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Đăng Khoa và nhiều người khác. Với trường hợp nào Nguyễn Đăng Mạnh cũng có những kiến giải sâu sắc, tài hoa và tinh tế trên một hướng tiếp cận nhất quán "Nhà văn tư tưởng và phong cách", cũng gọi ra được một cách thú vị, và có khi thần tình về "bản lai diện mục" của mỗi nhà văn chỉ trong một từ/ngữ đích đáng, sắc nét.

*Thứ hai*, GS Nguyễn Đăng Mạnh là người có khả năng cấy tư tưởng và tinh thần nghiên cứu, nhiệt hứng nghiên cứu vào các thể hệ học trò, đặc biệt trong hoạt động dạy-học văn ở bậc Đại học và Phổ thông. Đối với bậc đại học, thầy viết giáo trình, giảng dạy, hướng dẫn các học viên làm cao học và tiến sĩ, tổ chức các hội thảo và các sinh hoạt khoa học. Thầy có một "quyền uy" có khả năng gây ảnh hưởng đến một số học trò cả về tư tưởng nghiên cứu và quan niệm sống, nhân cách sống, thậm chí cả tác phong trong đời sống thường ngày. Thời tôi học cao học, dưới sự dẫn dắt của thầy, được tham gia sâu vào một Hội thảo lừng danh năm 1989 tại Khoa ngữ văn-ĐHSP Hà Nội mang tên "Chung quanh các vấn đề thời sự văn học" mà tinh thần của nó là lên tiếng cổ súy và khẳng định trào lưu đổi mới văn học. Hội thảo có sự tham gia của đông đảo giới NC, LLPB, của các nhà văn tên tuổi, trong đó có những gương mặt sáng giá mới xuất hiện: Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dư Thị Hoàn. Tinh thần của Hội thảo đã có trọng lượng thực sự góp phần thúc đẩy vào tiến trình đổi mới văn học lúc bấy giờ.

Không dừng ở đó. Khi đảm đương Chủ biên chương trình Ngữ văn ở PTTH, với quan niệm văn chương phải được là văn chương, học sinh phải được học văn chương đích thực, cộng với một thái độ quyết liệt, GS Nguyễn Đăng Mạnh có công lần đầu tiên trong nền giáo dục cách mạng đã đưa vào chương trình hàng loạt các tác giả thơ Mới, Tự lực văn đoàn, các nhà văn hiện thực khác. Lần đầu tiên “dưới mái trường XNCN” các thầy/trò mới dám công khai dạy/học *Vội vàng, Thơ duyên, Tràng Giang, Tống biệt hành, Chữ người tử tù, Hai đứa trẻ, Giông tố, Tây Tiến...* Tất cả những tác giả, tác phẩm “có vấn đề” ấy đã đường hoàng bước vào học đường như những tác phẩm văn chương đích thực. Về điểm này, không thể không thừa nhận công lao to lớn của nhà giáo dục Nguyễn Đăng Mạnh.

Với hai điểm như vậy, GS Nguyễn Đăng Mạnh thực sự có đóng góp quan trọng vào công cuộc Đổi mới văn học, trong đó có văn chương học đường những năm đầu thời kỳ Đổi mới của đất nước.

Tôi cứ nghĩ, một người thực sự tài năng, có đóng góp cho văn chương và cuộc đời thường mới là người có khả năng để ra các giai thoại. Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng là vậy. Hoàng Ngọc Hiến là vậy. Và người thầy của tôi, nhà văn Nguyễn Đăng Mạnh là vậy. Ông có khá nhiều các giai thoại. Có những chuyện chúng tôi biết một phần sự thật. Có những chuyện cũng có phần đồn thổi. Nhưng cho dù thế nào, chân dung Nguyễn Đăng Mạnh vẫn hiện lên như một người mang tinh thần KỂ SĨ. Ở đời, làm kẻ sĩ không dễ, kể cả theo đuổi tinh thần kẻ sĩ cũng khó. Cái hạt nhân cốt lõi của kẻ sĩ là dám sống đúng là mình, được là mình bởi những gì mình cho là phải, và có khả năng kháng cự lại đám đông. Ông là người “một đời va vấp” như cách nói của nhà văn Nguyễn Quang Thân. Tại sao ông lại hay va vấp? Va vấp với ai? Vì chuyện gì? Truy tìm tận cùng cho các câu trả lời cũng không phải dễ. Vụ va vấp cuối cùng của ông là cuốn Hồi ký trôi nổi trên mạng. Bây giờ cũng chưa có một văn bản phát ngôn chính thống nào về cuốn này, nhưng nó cũng đủ gây sóng gió dư luận, đủ quy kết, chụp mũ này khác. Tôi cho rằng đến thời điểm này, cuốn Hồi ký cũng đã “nhẹ vía” đi nhiều khiến cho người ta không còn phải nghi ngại nữa... Người ta vẫn thường hay nói giới nghệ sĩ lắm khi tự chuốc lấy những hệ lụy không đâu (“Phong vận kỳ oan ngã tự cư” – Nguyễn Du). Nhưng đa phần, chỉ những người biết thượng tôn tinh thần kẻ sĩ mới hay phải chịu nhiều hệ lụy, thiệt thòi. Kể từ thời thì dễ yên thân. Sau những lần va vấp, thầy lại càng sắc nhọn hơn, cứng cỏi hơn.

Có lần, một vị Giáo sư đồng nghiệp của thầy Mạnh nhận xét với chúng tôi: “Mạnh có cái cung bằng hữu”. Nghĩa là thầy Mạnh được ở chỗ đông bạn, đông trò. Bạn thầy là các đồng nghiệp, các nhà văn. Trò thuộc nhiều thế hệ, thầy cũng coi như bạn vong niên. Nếu ai được thầy yêu quý, sẽ có cảm giác rất dễ chịu và thú vị mỗi khi cùng thầy. Ngược lại, những ai bị thầy “khinh bỉ”, thì thầy không cả thèm bắt tay, bắt nời, thậm chí giáp mặt cũng coi như không có. Trong giới phê bình văn học, không phải ai cũng được cánh nhà văn yêu quý, thậm chí còn “mặt giăng mặt gò”. Thế nhưng thầy Mạnh đã chiếm được lòng yêu mến của hầu hết những nhà văn. Bởi mỗi khi tiếp xúc, mỗi khi đọc Nguyễn Đăng Mạnh, họ thấy được tri âm, được trân trọng và chia sẻ.

Sau 89 năm với tất cả những vui buồn, những vinh quang và cay đắng, bây giờ thầy đã trút bỏ, để về với cõi Vô Cùng.

Chắc thầy sẽ vui khi biết rằng anh linh cụ Nguyễn Tuân đang chờ thầy ở đó. Cụ Nguyễn đã có lần bảo khi chết cụ sẽ kéo vài thằng phê bình xuống cùng để nói chuyện văn chương cho vui. Chẳng biết cụ có thực muốn kéo ai không, và đã kéo được ai chưa, nhưng tôi tin rằng lần này cụ Nguyễn đã vui mừng đón thầy Nguyễn Đăng Mạnh.

*Ngày thầy về cõi Vô Cùng, 9-10/2/2018*

VG

(Bài viết dành cho Vanviet)

## GS Nguyễn Đăng Mạnh, từng viết về mặt trái của Hồ Chí Minh, qua đời Thụy Khuê

Giáo Sư Nguyễn Đăng Mạnh, người từng gây xôn xao dư luận với những chi tiết “tiêu cực” về ông Hồ Chí Minh trong “Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh” mười năm trước, đã qua đời ngày 9 Tháng Hai sau một thời gian lâm bệnh, thọ 89 tuổi.

Ông Nguyễn Đăng Mạnh là một giáo sư văn chương, một nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Cuốn hồi ký của ông, trong đó có kể đến cái chết của bà Nông Thị Xuân, người phục vụ tình dục cho Hồ Chí Minh, và còn nhắc đến thói quen hút thuốc ngoại quốc của ông ta, không được xuất bản và bị công kích nặng nề từ năm 2008.

Theo báo VietNamNet, từ những năm 1987-1990, ông Mạnh “đã đưa ra những biện pháp giáo dục và nghiên cứu mới, tách rời chính trị ra khỏi văn học” và “chú trọng việc cần phải nhận định lại các giai đoạn văn học sử, định vị lại giá trị tác phẩm theo tiêu chuẩn văn học.”

“Những công trình nghiên cứu của ông Mạnh về các nhà văn *Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Hồng*... nói lên phong cách phê bình độc đáo của ông. Trong hơn nửa thế kỷ, ông không ngừng hoạt động trên hai lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu văn học,” bài báo cho hay. Tuy vậy, VietNamNet hoàn toàn không đề cập gì đến “Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh” gây ồn ào hồi Tháng Chín, 2008, tuy tác phẩm này không được xuất bản trong nước hay hải ngoại mà chỉ được phát tán qua mạng Internet.

Thời điểm đó, hồi ký này được nhìn nhận là “có giá trị về mặt văn học cũng như lịch sử” vì nội dung “hé lộ những chi tiết rất táo bạo, chưa từng nghe trên mặt báo chính thống” về những nhân vật chính trị, được xem là thần tượng của CSVN như *Hồ Chí Minh (xem tr 32), Tố Hữu; (xem tr )* cũng viết về những nhà văn, nhà thơ Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, vân vân.

Dù sách không được in, báo chí của đảng cộng sản lập tức chỉ trích cuốn hồi ký là “có nội dung xấu, độc hại.” Tác giả Nguyễn Đăng Mạnh bị phê bình là “sai trái, phản động” vì viết ra những chuyện nhạy cảm mà không theo đường lối tuyên truyền của đảng.

Chương 7 của “Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh” được cho là “có những nhận định tinh táo về Hồ Chí Minh, đề cập về cái chết thê thảm của người vợ không cưới của ông Hồ là bà Nông Thị Xuân và hai cô em họ, kể cả những chuyện dâm ô, xấu xa của nhà lãnh tụ đảng CSVN.” Trong cuốn sách này, ông Mạnh còn kể chuyện ông Hồ “hút thuốc ngoại và uống sữa tươi” là những chi tiết đi ngược lại với hình ảnh tuyên truyền của Hà Nội là vị chủ tịch nước “cả đời ăn uống kham khổ, sống giản dị.”

Trong thời gian đó ông Nguyễn Đăng Mạnh, trả lời đài RFI Việt Ngữ, đã nói: “Hiện tượng hồi ký của tôi được tung lên mạng là ngoài ý muốn của tôi. Tôi không có ý định công bố đâu. Tôi quan niệm viết hồi ký để giải tỏa cho bản thân mình thôi, như một hình thức giải trí cho bản thân mình và cũng có thể là cho một số người thân, thế thôi.”

Thụy Khuê

\*\*\*

Hồ Chí Minh

---

Tôi được tận mắt thấy Hồ Chí Minh hai lần.

Lần thứ nhất ngay sau Cách mạng tháng Tám. Sau cuộc khởi nghĩa tháng tám 1945, bố tôi đưa cả gia đình từ Thái Bình về Thị xã Bắc Ninh. Tôi tiếp tục học cấp II ở trường Hàn Thuyên.

Một hôm được tin Hồ Chủ Tịch về Bắc Ninh. Tôi và mấy bạn học được nhà trường cử đi đón.

Mỗi đứa được phát một lá cờ nhỏ bằng giấy, hễ Hồ Chủ Tịch đến thì vẫy cờ và hô khẩu hiệu chào mừng.

Chúng tôi đứng xếp hàng trước cửa phòng thông tin thị xã, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh tới.

Đợi một lúc thì có một chiếc xe ô tô con đỗ ngay mép đường, trước cửa phòng thông tin. Tôi thấy có hai anh cảnh vệ vọt ra trước, cầm lăm lăm tiểu liên, nhảy lên đứng trên hai cái trụ của bức tường hoa thấp trước phòng thông tin. Hai anh lia mũi súng sang trái, sang phải, về mặt căng thẳng.

Hồ Chí Minh bước ra sau. Quần áo kaki. Giày vải. Cầm batoong. Người gầy, đen. Râu tóc cũng đen. Ông đứng lại ngay sát chúng tôi, nhưng không để ý gì đến bọn trẻ con này cả, tuy chúng tôi ra sức phát cờ và hô "*Hồ chủ tịch muôn năm!*"

Đứng lại một lát, liếc nhìn chung quanh một chút, mặt đầy cảnh giác, rồi ông đi rất nhanh vào phòng thông tin. Lưng rất thẳng, gầy nhưng cứng cáp, cử chỉ lanh lẹ – ấn tượng của tôi về Hồ Chí Minh là như thế.

Hồi đó, ở Bắc Ninh, Việt Nam Quốc dân đảng hoạt động khá mạnh. Đã có những cuộc đụng độ vũ trang giữa lính quốc dân đảng và Vệ quốc đoàn ở Thị Cầu. Chắc vì thế nên Ông Hồ và các vệ sĩ của ông rất cảnh giác.

Lần thứ hai tôi được thấy Hồ Chủ Tịch là vào khoảng 1961, 1962 gì đó, hồi tôi công tác ở trường Đại học Sư phạm Vinh.

Ông Hồ vào Vinh. Người ta tổ chức cho Ông gặp đồng bào ở một cái sân vận động của thị xã. Họ dựng một cái kỳ đài bằng tre – có vẻ thô sơ thôi. Ông Hồ đứng trên đó với một số cán bộ Tỉnh. Lúc hô khẩu hiệu, ông cùng vung tay hô như mọi người:

– *Đảng lao động Việt Nam Muôn năm!*

– *Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!* Ông Hồ vung tay rất cao.

Nhưng đến khẩu hiệu thứ ba:

– *Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!*

Ông Hồ cũng vung tay lên, nhưng chợt nhận ra họ hoan hô mình, vội rụt tay xuống.

Tôi theo dõi không bỏ sót một cử chỉ nào của ông cụ hôm ấy. Ông Hồ bắt đầu nói chuyện với đồng bào.

Hồ Chí Minh không hề tỏ ra là người hùng biện. Nói chậm, ngắn, không lưu loát. Có chỗ lỡ miệng nói hớ, vội lảng sang ý khác. Tôi nhớ ông đang nói dở một câu tục ngữ:

"*Thanh cậy thế, Nghệ cậy...*" thì vội ngừng lại và lảng sang ý khác. Có lẽ ông không muốn làm mất lòng người Nghệ Tĩnh chăng, và lại "*cậy thần*" là thần nào, thần Hồ Chí Minh à? Tôi chắc ông nghĩ thế nên không nói tiếp câu ấy nữa.

Năm 1969, tôi chuyển ra công tác tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Các anh Huỳnh Lý, Nguyễn Trác, Hoàng Dung thay nhau làm tổ trưởng tổ Văn học Việt Nam hiện đại. Các anh đều rất quan tâm đến việc nghiên cứu thơ văn Hồ Chí Minh nên thường tổ chức cho chúng tôi gặp những người hiểu biết về Hồ Chí Minh như Hoàng Văn Hoan, Lê Quảng Ba, họa sĩ Diệp Minh Châu, Vũ Kỳ. Nhờ gặp các vị này, tôi được biết nhiều chuyện cụ thể về Ông Hồ, trước hết là chung quanh sự kiện Ông Hồ bị bắt ở Quảng Tây, Trung Quốc và viết *Nhật kí trong tù*.

Ông Hồ về PácBó đầu năm 1941 ngày 28 – 01, tháng 8 – 1942 ông trở lại Trung Quốc để vận động các cơ sở cách mạng bên ấy ủng hộ Việt Minh và mua vũ khí về cho Việt Minh.

Ông Lê Quảng Ba cùng đi với Ông Hồ. Đến một địa điểm nào đó thuộc Quảng Tây thì gặp núi lở, một tảng đá văng vào chân Lê Quảng Ba. Ba bị đau, cố đi một cách khó khăn. Để động viên người đồng hành với mình, Ông Hồ vừa đi vừa kể *Chính phụ ngâm*. Vừa kể vừa giảng. Té ra xa nước ba mươi năm, Hồ Chí Minh vẫn thuộc lòng *Chính phụ ngâm*.

Nhưng Lê Quảng Ba càng đi càng đau. Đến Tĩnh Tây thì phải nghỉ lại tại một cơ sở cách mạng. Hôm sau, Ông Hồ tiếp tục lên đường. Cùng đi với ông có một thanh niên Trung Quốc tên là Dương Đào – tất nhiên cũng là một cơ sở cách mạng. Đến xã Túc Vinh, huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây thì bị bọn Hương cảnh Trung Quốc bắt (ngày 27 – 8 – 1942).

Không phải Ông Hồ không có giấy tờ hợp lệ. Hồ Chí Minh không thể sơ xuất như thế được. Hồ Chí Minh bị bắt vì khám trong người, cảnh sát Tàu phát hiện có rất nhiều đôla. Nghe nói hồi ở PắcBó, có người đã thấy ông phơi đôla cho khỏi ẩm mốc. Bây giờ qua Trung Quốc, ông đem đôla đi để mua vũ khí cho Việt Minh.

Nhưng cảnh sát Tàu cho là Hán gian, là gián điệp của Nhật lúc bấy giờ đang đánh Trung Quốc. Chỉ có gián điệp mới có đôla thôi chứ, người dân Trung Quốc bình thường làm gì có lắm ngoại tệ thế! Điều này tác giả *Nhật kí trong tù* cũng đã nói rõ trong thơ của mình:

*Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng*

*Lại bị tình nghi là Hán gian*

(Đường đời hiểm trở)

*Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,*

*Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;*

*Tuy bị tình nghi là gián điệp,*

*Mà như khanh tướng vẽ ung dung.*

(Đi Nam Ninh)

Các vị lãnh đạo Đảng lúc bấy giờ ở Cao Bằng như Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt... nghe tin cụ Hồ bị bắt, hoảng quá, cho người sang Tàu dò hỏi xem nó giam ở đâu, nhưng không tìm được. Qua mấy tháng bặt tin tức, các vị bèn quyết định lật bài ngửa: điện cho Mạc Tư Khoa và cho Tưởng Giới Thạch nói rõ đó là Nguyễn ái Quốc, thủ lĩnh Việt Minh, đề nghị thả ra.

Biết không phải là Hán gian, các nhà chức trách Trung Hoa bèn chuyển Hồ Chí Minh sang chế độ nhà tù khác. Trong *Nhật kí trong tù*, bài *Bốn tháng rồi* có thể coi là bản tổng kết giai đoạn đầu của thời gian 14 tháng ở tù vô cùng cực khổ của Ông Hồ –

*“Sống khác loài người vừa bốn tháng, Tiểu tuy còn hơn mười năm trời”*

Chuyển sang chế độ nhà tù mới, Ông Hồ được tắm rửa, ăn uống khá hơn, thỉnh thoảng được đi dạo quanh nhà lao, đặc biệt được cung cấp rất nhiều sách báo. Tưởng Giới Thạch còn tặng ông một cuốn sách của mình. Điều này ông Trần Dân Tiên đã có nói nhưng không giải thích lý do vì sao. Điều đáng chú ý là, *Nhật kí trong tù* có tất cả 133 bài tuyệt cú thì bài *Bốn tháng rồi* là bài thứ 103. Nghĩa là 10 tháng sau, tác giả chỉ làm thêm ba chục bài nữa thôi. Vì sao vậy? Vì Hồ Chí Minh chỉ làm văn chương khi tuyệt đối không có điều kiện làm chính trị, làm cách mạng. Mười tháng sau này, có điều kiện chuẩn bị cho cách mạng, lập tức ông dồn sức vào đấy: đọc sách báo, dịch tác phẩm “*Tam dân chủ nghĩa*” của Tôn Trung Sơn, đọc sách của Tưởng Giới Thạch tặng (Cuốn “*Trung Quốc đích mệnh vận*”)...

Nguyên bản *Nhật kí trong tù* đâu chỉ có thơ. ở cuối tập *Nhật kí* còn có tới 20 trang ghi kín tin tức thời sự lấy từ các báo chí được cung cấp gọi là *Độc báo lan*, và những thu hoạch từ các sách đã đọc gọi là *Độc thư lan*

Mới biết, viết bài *Mở đầu (Khai quyển) Nhật kí trong tù*, Hồ Chí Minh đã nói thật lòng mình:

*Ngâm thơ ta vốn không ham,*

*Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;*

*Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,  
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.*

Hồ Chí Minh được bọn Tàu Tưởng thả về nước không phải ngẫu nhiên, chắc ông phải khôn khéo thương lượng với chúng và với cánh Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam như thế nào đó, nó mới thả cho về nước.

Hôm tiễn cụ Hồ về nước, Hữu Chí Minh (Trong *Nhật kí trong tù* ông Hồ gọi là Hữu chủ nhiệm (Chủ nhiệm cục chính trị đệ tứ chiến khu)) cùng với Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam có tổ chức một cuộc liên hoan hân hoan (tháng 12 – 1943). Trong liên hoan, họ có thử tài nhau bằng thách đối.

Nguyễn Hải Thần đưa ra một vế đối khá hóc hiểm:

*“Hữu Chí Minh, Hồ Chí Minh, lưỡng vị đồng chí, chí giai minh”*

Ông Hồ xin đối:

*“Nhĩ cách mệnh, ngã cách mệnh, đại gia cách mệnh, mệnh tất cách”*

Mọi người tán thưởng. Hữu Chí Minh ca ngợi: *“Đối hay lắm!”*. Còn Nguyễn Hải Thần thì cung kính nói: *“Hồ Tiên Sinh tài trí mẫn tiệp, bội phục, bội phục!”*

Trong cuộc liên hoan, ông Hồ còn góp vui một tiết mục rất đặc biệt: nhảy điệu Nga – la – tư. Một điệu vũ dân gian rất khoẻ của Nga.

Trong *Nhật kí trong tù* và hồi kí *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, ông Hồ có nói, khi mới ra tù *“chân mềm như bún”*, đi không được, phải tập leo núi rất khó nhọc, phải bò, phải lết mãi mới đi được. Vậy sao lại có thể nhảy điệu Nga – la – tư?

Suy ra ta có thể hiểu như thế này: từ khi biết ông Hồ là ông Hồ, không phải Hán gian, nhà chức trách Trung Quốc cho ông được hưởng chế độ quản thúc. Nghĩa là chỉ không được ra khỏi vùng quản thúc thôi, còn thì có thể ra ngoài nhà tù để leo núi, tập đi, tập luyện mắt (Cho nên mới có chuyện, ở Liễu Châu, ông Hồ đi tắm sông, gặp tướng Tàu Trương Phát Khuê). Khoảng giữa tháng 9 – 1943, sau một thời gian tập luyện, cuối cùng ông Hồ chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đỉnh núi, Ông cao hứng làm một bài thơ chữ Hán:

*Vân ủng trùng sơn sơn ủng vân  
Giang tâm như kính tịnh vô trần  
Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,  
Nam vọng trùng dương ức cố nhân  
(Vừa đi đường vừa kể chuyện)*

Bài thơ này cụ Hồ đã bí mật gửi về cho các đồng chí của mình ở Cao Bằng (Viết lên mép trắng của một tờ *Quảng Tây nhật báo*). Võ Nguyên Giáp, trong tập hồi

kí *Những chặng đường lịch sử* cho

biết: *“Bữa ấy, tôi về cơ quan hội báo tình hình thì thấy anh Đông, anh Vũ Anh và anh Lã đang xem xét quanh một tờ báo. Các anh chuyển tờ báo và hỏi tíu tíu:*

*– Anh xem có đúng là chữ của Bác không?*

*Đó là một tờ báo ở Trung Quốc mới gửi về, trên mép trắng có mấy hàng chữ Hán viết tay. Tôi nhận ra ngay đúng là chữ Bác, Bác viết: “Chúc chú huy nh ở nhà mạnh khoẻ và cố gắng công tác. ở bên này bình yên”*

*Phía dưới lại có một bài thơ”.*

Như thế bài thơ này đã được làm từ khá lâu (9 – 1943) trước cuộc liên hoan tiễn chân nói trên 3 tháng (12 – 1943)

Sau này, Tô Hoài còn cho biết, trong buổi liên hoan tiễn cụ Hồ về nước hôm ấy còn có mặt nhà thơ Quang Dũng nữa. Lúc này Quang Dũng đang đi theo Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Hải Thần.

Về tập *Nhật kí trong tù*, có người nói, ông Hồ đánh mất ngay sau khi ra khỏi tù. Thực ra không phải.

Ngày 16 – 9 -1943, ông Hồ được trả lại tự do, cuốn *Nhật kí trong tù* vẫn được ông giữ cẩn thận. Ngày 14 – 9 – 1955, ông đưa tác phẩm này cho ông Nguyễn Việt, trưởng ban tổ chức triển lãm cải cách ruộng đất tại phố Bích Câu:

*“Tôi có quyển sổ tay cách đây mười mấy năm còn giữ được đến bây giờ, các cô, các chú xem có triển lãm được thì dùng”*. Nguyễn Việt đưa vào triển lãm, bày ở phòng

*“Ngọn đuốc soi đường của Đảng Cộng sản Đông Dương”*

*Nhật kí trong tù* hiện được lưu giữ ở Bảo tàng cách mạng Việt Nam. Vào năm 1970, 1971 gì đó, anh Huỳnh Lý được biết họa sĩ Diệp Minh Châu từng sống với Hồ Chủ Tịch sáu tháng ở Việt Bắc thời kháng chiến chống Pháp, nên tổ chức cho chúng tôi gặp họa sĩ ở nhà riêng.

Hai vợ chồng cùng là họa sĩ và điêu khắc. Nhà cửa hết sức bề bộn, có thể nói là tanh bành. Đất sét, thạch cao vung vãi. Nước đổ lênh láng trên nền nhà. Khắp nơi lăn lóc những đầu người: đầu Nguyên Hồng, đầu Nguyễn Tuân... bằng đất sét.

Cách trò chuyện của Diệp Minh Châu cũng vậy. Chuyện nọ sợ chuyện kia, có lúc lại tạt ngang giới thiệu tranh của vợ.

Ở đây tôi chỉ lọc ra những gì anh nói về Hồ Chí Minh.

Diệp Minh Châu ở với Hồ Chủ Tịch sáu tháng ở chiến khu Việt Bắc trước khi ra nước ngoài học tiếp về hội họa, điêu khắc. Hằng ngày, anh cùng ăn với Hồ Chủ Tịch.

Có một bữa, đến giờ ăn rồi mà mãi không thấy ông Hồ ra. Diệp Minh Châu ngồi đợi. Cuối cùng ông cũng ra, nhưng lại châm điếu thuốc hút, nghĩa là chưa ăn ngay. Thấy Châu ngồi đợi, ông bảo: *“Chú cứ ăn trước đi”*. Tất nhiên Châu không dám, vẫn đợi. Một lát, ông Hồ nói thủng thẳng với họa sĩ: *“Về sau chú làm nghề gì thì làm nhé, đừng làm chủ tịch nước, khổ lắm!”*

Diệp Minh Châu không bình luận gì. Tôi cho rằng, Hồ Chí Minh vừa qua một cuộc họp trung ương, chắc có điều gì không thuyết phục nổi các đồng chí của mình: Người ta đang sùng bái Staline, Mao Trạch Đông, không chịu nghe Hồ Chí Minh, chắc thế. (Staline vốn không coi Hồ Chí Minh là cộng sản chân chính. Ông Phạm Văn Đồng có lần nói với anh Hoàng Tuệ (khi hai người cùng công tác ở Liên Xô): Năm 1950, Staline triệu Hồ Chí Minh sang gặp. Ông ta không gọi Hồ Chí Minh là đồng chí (tavarich).

Ở rừng Việt Bắc vào những đêm trăng đẹp, ông Hồ thường rủ Diệp Minh Châu ra suối câu cá. Vừa câu vừa trò chuyện. Có lần ông nói về *Nhật kí trong tù*:

*“Hồi ấy bị giam trong tù buồn quá, phải nghĩ ra cách gì để giải trí. Có ba cách: một là nằm ngửa đếm ngón trên mái nhà, đếm hết lại phân loại ngón lành, ngón vỡ. Hai là săn rệp ở những khe ván sàn xà lim. Ba là làm thơ”*. Thì ra đối với ông Hồ, làm thơ cũng chỉ là một trò giải trí như đếm ngón và săn rệp vậy thôi. Thảo nào có ai hỏi ông về *Nhật kí trong tù* như một tập thơ, ông đều từ chối không trả lời, vì coi đó chẳng phải thơ phú gì và bản thân ông cũng không phải nhà thơ. Chẳng qua ở tù buồn quá, không biết làm gì, thì ghép vần chơi, thế thôi.

(Trong *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, ông đã nói như thế).

Năm 1965, Mỹ cho không quân ra đánh phá miền Bắc. Cầu Hàm Rồng, Thanh Hoá, là một trọng điểm oanh tạc của chúng. Anh chị em dân quân Nam Ngạn, Hàm Rồng phối hợp cùng với pháo binh tải đạn và bắn máy bay giặc. Nổi lên có hai nữ dân quân được tuyên dương công trạng xuất sắc: Ngô Thị Tuyền và Nguyễn Thị Hằng.

Năm ấy, tôi phụ trách một đoàn sinh viên Đại học Sư phạm Vinh ra thực tập ở trường Lam Sơn, Thanh Hoá, sơ tán ở ngoại ô thị xã. Tôi đưa mấy sinh viên văn ra gặp Nguyễn Thị Hằng ở nhà riêng. Hằng là một cô gái quê mà rất trắng trẻo, cao ráo. Cô cho xem bức hình chụp mặc quân phục trông rất đẹp đẽ, oai phong. Cô khoe vừa được ra Hà Nội gặp Bác Hồ. Lần đầu tiên ra Hà Nội, đi đâu cũng có một anh cảnh vệ hay công an đưa đi. Hành trình qua rất nhiều chặng.



Đến mỗi chặng, anh dẫn đường lại bảo, cô chờ ở đây, người khác sẽ đưa đi tiếp. Chặng cuối cùng, anh dẫn đường nói, cô ngồi đây, Bác xuống bây giờ.

Một lát ông Hồ tới. Ông không vội hỏi han gì về thành tích chiến đấu của Hằng. Câu hỏi đầu tiên của vị Chủ tịch nước là: “Cháu có buồn đi tiêu, Bác chỉ chỗ cho mà đi”  
Câu chuyện của Nguyễn Thị Hằng về chủ tịch Hồ Chí Minh hôm đó, tôi nhớ nhất chi tiết này. Chi tiết rất nhỏ nhưng nói rất nhiều về con người Hồ Chí Minh.

Tôi nghĩ đến câu nói của một nhân vật của Dostoievsky trong *Anh em nhà Karamadôp*: “Tôi càng yêu nhân loại nói chung thì lại càng ít yêu con người n ói riêng, tức tách bạch ra từng người riêng rẽ. Những lúc mơ ước, nhiều khi tôi đã có dự định say mê phụng sự nhân loại (...) thế những tôi lại không thể sống chung với bất kì ai trong một căn p hòng”. Đó là loại người mà Dostoievsky gọi là chỉ có “*tình yêu mơ mộng*” chứ không có tình yêu thực sự.

Ông Hồ một mặt yêu nhân loại rộng lớn, mặt khác, quan tâm rất cụ thể thiết thực đến những con người cụ thể quanh mình.

Anh Trần Việt Phương có kể một câu chuyện khác cũng tương tự về ông Hồ. Trước căn nhà sàn của chủ tịch luôn có một anh bộ đội đứng gác. Thương anh lính trẻ đứng gác lâu chắc đói bụng, ông cụ đem một quả chuối xuống cho anh ta ăn. Anh lính không dám ăn vì như thế là vi phạm luật nhà binh. Ông Hồ nói: Vậy để bác gác cho cháu ăn, không sợ.

Hồ Chí Minh có điều này cũng rất quý: trong cách ứng xử với mọi người, tỏ ra rất lịch sự, nghĩa là rất tôn trọng con người: Hồi kháng chiến chống Pháp, họa sĩ Dương Bích Liên được cử đến ở với ông Hồ để vẽ. Sau một thời gian, Tố Hữu đến xem tranh, cho là không đạt (Chắc là Dương Bích Liên thích vẽ Hồ Chí Minh trong sinh hoạt đời thường, không thể hiện được tư thế lãnh tụ chăng?). Tố Hữu quyết định cho Dương Bích Liên thôi việc và mời đi luôn. Khi ông Hồ biết chuyện này thì Dương Bích Liên đã đi rồi. Hồ Chí Minh không bằng lòng với cách đối xử như thế. Ông cho người đuổi theo mời họa sĩ trở lại để có lời với anh và đưa tiền đảng hoàng.

Tôi nghĩ Hồ Chí Minh thực bụng, không hề coi mình là ông thánh, nghĩa là chỉ muốn được là người với những nhu cầu như của mọi người bình thường. Cũng có thể trong tư cách nhà chính trị lại khác. Vì nhu cầu chính trị, có khi Hồ Chí Minh cũng phải “diễn” những điều trái với bản chất của mình. Vì thế tôi nói, thực bụng ông Hồ không thích làm thánh nhân chút nào. Thí dụ, mệt cũng muốn nghỉ. Tố Hữu có lần đi với ông, thấy một khẩu hiệu trên tường: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!*”, ông nói: “*Hồ Chí Minh chỉ muốn nằm!*”

Ông Hồ cũng thích hút thuốc lá. Và chỉ quen hút thuốc lá ngoại, thuốc lá Mỹ. Ông đã bị chi bộ phê bình và bắt hút thuốc nội. Sau thấy ông ho quá, lại cho hút thuốc ngoại như cũ. Anh Hoàng Tuệ kể với tôi chuyện này: hồi kháng chiến chống Pháp, đi công tác ban đêm, tình cờ anh đi cùng với một đoàn người chở thuốc lá ngoại từ vùng tề ra cho cụ Hồ, có bộ đội đi kèm để bảo vệ.

Họa sĩ Dương Bích Liên, hồi cùng ở với ông Hồ ở Việt Bắc, thấy ông thường hút thuốc lá ngoại, uống rượu Tây và uống sữa tươi (*Người ta nuôi một con bò để lấy sữa cho ông*).

Theo Trần Đăng Ninh (Tô Hoài kể lại), ông Hồ ở phủ chủ tịch, thỉnh thoảng lại đóng bộ complet, cravate, chống ba toong đi dạo một lúc trong khuôn viên cho đỡ nhớ – hẳn là nhớ sinh hoạt hồi ở Paris.

Hà Huy Giáp cho biết: Một hôm linh mục Phạm Bá Trực gặp ông Hồ, bảo ông là surnature – ông Hồ nói: “Chúng mình là contrenature”.

Hà Huy Giáp có một thời gian ở gần Hồ Chủ tịch. Ông kể chuyện hồi năm 1950, ông mới lấy vợ được một năm thì bị điều ra công tác tại Việt Bắc và ở với Cụ Hồ. Ông hỏi ông Hồ: “Sao Bác không lấy vợ mà chịu được”. Ông Hồ nói: “Minh cũng như các chú thôi, từ rón trở xuống là 18 tuổi. Từ rón đến cổ là 40 tuổi. Từ cổ đến đầu là 60 tuổi. Kinh nghiệm của dân ta là lao động suốt ngày, mệt thì ngủ luôn. Không có việc gì thì đổ trấu ra xay. Buồn ngủ hãy ngủ. Tỉnh ngủ, dậy liền, đừng có nằm mãi trong chăn. Đừng mặc đồ lằng, mềm, mỏng. Nên mặc quần áo vải. Có cán bộ lên công tác ở Việt Bắc, rồi việc, ngồi tán gẫu. Bác bảo cởi lạt sàn nhà ra, sau đó lại bảo buộc lại. Để khỏi “nhàn cư vi bất thiện”.

Các anh Huỳnh Lý, Nguyễn Trác và Hoàng Dung còn tổ chức cho chúng tôi gặp ông Vũ Kỳ, thư kí riêng của cụ Hồ.

Cuộc gặp Vũ Kỳ không giúp tôi biết thêm gì về Hồ Chí Minh. Ấn tượng để lại chỉ là hình ảnh của chính Vũ Kỳ. Ông bắt chước tác phong của cụ Hồ từ cách ăn mặc, cách nói năng. Có cái áo Tôn Trung Sơn khoác ngoài không mặc lại vắt lên vai. Đi guốc. Câu đầu tiên ông hỏi chúng tôi: “Các đồng chí có bao nhiêu nữ?”

Anh Nguyễn Khải có lần gặp Vũ Kỳ cũng có nhận xét y như thế: Để râu dài. áo cánh lụa. Đi guốc. Cầm quạt phe phẩy...

Tôi nghĩ bụng, đã là gia nhân thì bao giờ cũng là gia nhân. Gia nhân của người thường hay gia nhân của vua chúa thì cũng thế.

Về chuyện làm thơ của Hồ Chí Minh, tôi vẫn cho rằng, ông Hồ có ý thức sáng tác hai loại: một là loại thơ tuyên truyền thường dùng lối ca vè, cốt minh họa đường lối chính trị. Những bài thơ chúc Tết, mừng xuân cũng thuộc loại này. Thơ này không sáng tác theo quy luật nghệ thuật. Hai là loại thơ nghệ thuật điển đạt tinh cảm, cảm xúc thẩm mỹ. Loại này ông cốt làm để giải trí sau những giờ làm việc căng thẳng, hoặc ở trong nhà tù, khi hoàn toàn không có cách gì để làm việc cho cách mạng.

Nhiều thằng ngu hoặc cố tình không hiểu đã phê phán tôi về sự phân biệt này: Thơ Bác Hồ, thơ nào chả là thơ nghệ thuật và thơ Bác là thơ cách mạng sao lại bảo là để giải trí.

Tôi cho rằng chính cụ Hồ có ý thức phân biệt như vậy.

Người ta thường kể chuyện này để ca ngợi đức tính giản dị, khiêm tốn của cụ Hồ: khi làm những bài thơ tuyên truyền, cụ Hồ thường chuyển cho nhiều người xem, kể cả chú liên lạc, để nhờ góp ý sửa chữa cho thật dễ hiểu, dễ nhớ đối với mọi người. Thế là thơ tuyên truyền chứ còn gì nữa. Tuyên truyền thì cốt nhất là mọi người đều dễ hiểu, dễ nhớ, thế thôi. Nghệ thuật gì mà lại góp ý tấp tểnh như thế!

Trước kia, hàng năm, vào dịp 19/5, tôi thường được nhiều nơi mời đi nói chuyện về thơ Hồ Chủ tịch. Thường có chị Trần Thị Tuyết cùng đi để ngâm thơ minh họa. Chị Tuyết cho biết, khi Hồ Chủ tịch còn sống, vào dịp cuối năm, chị thường được gọi đến để ngâm thơ chúc Tết của Chủ tịch và phát luôn trên đài. Tới dự có cụ Hồ và mấy ông trong Bộ Chính trị. Khi ngâm thơ chúc Tết, chị để ý thấy ông Hồ có vẻ không quan tâm lắm. Ngâm xong ông thường bảo chị chuyển ngay sang ngâm *Kiều*. Tôi hỏi, thường chị ngâm đoạn *Kiều* nào. Chị nói, thường Bác bảo ngâm đoạn *Kiều* ở lầu Ngưng Bích.

Đây là đoạn *Kiều* nhớ nhà, nhớ người yêu, nhớ quê. Một đoạn thơ buồn.

\*\*\*

Chung quanh Hồ Chí Minh, đến nay vẫn còn rất nhiều điều bí ẩn không biết đến bao giờ mới được làm sáng tỏ.

– Chẳng hạn, chuyện vợ con thế nào? Trung Quốc đã công bố Hồ Chí Minh kết hôn với Tăng Tuyết Minh. Rồi chuyện cô Hà Thị Xuân người dân tộc Tày và các con (Trung và Trinh gì đó). Ông Trần Độ cho biết, vì cô Xuân cứ đòi chính thức hoá, người ta bèn giao cho Trần Quốc Hoàn thủ tiêu cả ba chị em.

Chuyện này nhiều người biết. Có người đã viết ra như Vũ Thư Hiên trong cuốn *Đêm giữa ban ngày*. Riêng tôi được biết do giáo sư Ngô Thúc Lanh được ông Văn Tân kể cho nghe và truyền đạt lại, hai là do một giáo sư dạy Sử ở Đại học Sư phạm Hà Nội, ba là Dương Thu Hương, bốn là ông Trần Độ.

Nhưng gần đây có người điều tra ra vụ việc này rất tỉ mỉ, rõ ràng, và công bố cụ thể trên internet: *cô Xuân bị thủ tiêu vì hai lý do: một là cô đòi chính thức hoá: điều này phải do Đảng quyết định*, mà Đảng thì không thể chấp nhận. Hai là *cô bị Trần Quốc Hoàn hãm hiếp nhiều lần*. Hoàn tuy đã đe dọa cô, nhưng vẫn sợ bị cô tố cáo. Hấn sai Tạ Quang Chiến đập chết, rồi ban đêm, đặt xác cô ở quãng đường từ Nhật Tân đi Chèm, bố trí một xe ô tô cán lên, tạo ra một vụ tai nạn giao thông giả.

Còn ba chị em cô Xuân là ba chị em họ. Một cô tên Nguyệt, một cô tên Vàng. *Hai cô này cũng bị thủ tiêu vì điều biết chuyện*. Nguyệt mất tích, không rõ bị thủ tiêu ở đâu. Còn cô Vàng thì bị đập chết và quăng xác xuống sông Bằng Giang, Cao Bằng.

Theo Tô Hoài, có một hồi người ta định lấy vợ cho cụ Hồ. Một số cô gái đến cho ông chọn. Ông không chọn ai vì thấy đàn bà mà chẳng ý tứ gì, cứ phơi quần, slip... rất vô ý. Có một cô người Huế, ông Hồ thích. Nhưng cô này hỏi đầu, ông cũng không lấy. Ông nói, nếu có một cô công chúa nước nào thì lấy – lấy vì mục đích chính trị – chắc ông nói cho vui.

Tô Hoài cũng cho biết, Phạm Văn Khoa tạ ơn cả tiếng Pháp lẫn tiếng Tàu, có lần cùng đi với Hồ Chí Minh sang Trung Quốc (đi xe lửa). Một buổi sáng, Khoa thấy ông Hồ ở toilet ra, cầm slip vừa giặt, nói: “*Không có vợ, khổ thế!*”

– Còn chuyện xuất dương của Hồ Chí Minh? Có phải lần đầu tiên ra nước ngoài là đi Pháp từ cảng Nhà Rồng?

Anh Nguyễn Nguyên (tức Nguyễn Ngọc Lương), một cán bộ tình báo cao cấp của ta, cho tôi biết, Nguyễn Tất Thành lần đầu ra nước ngoài là sang Trung Quốc theo đường dây của Phan Bội Châu. Tất Thành đóng vai một người bán nước mắm, từ Nghệ An ra – giao liên là cô Chu Bích Viêm, tức bà Cả Chính (Nguyễn Nguyên đã gặp bà Cả Chính). Cơ sở cách mạng của Phan Bội Châu ở Hải Phòng lúc bấy giờ là hai cô Nhung và Sâm. Còn cơ sở ở Móng Cái là hai cô con gái ông Ký nhà đoan tên là Yến và Nhạn.

Bà Cả Chính đã từng đưa Nguyễn Tất Thành qua Hải Phòng, Móng Cái, sang Trung Quốc gặp Lý Đông A ở Liễu Châu.

Hồi ấy, ở Việt Nam chưa có phong trào cộng sản.

Sau này, cụ Nguyễn Sinh Sắc mới nhờ cụ Phan Chu Trinh bảo lãnh cho Nguyễn Tất Thành đi Pháp.

– Còn chuyện đường lối cách mạng của Hồ Chí Minh?

Theo Hà Huy Giáp, người đầu tiên phê phán Nguyễn ái Quốc có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa là Trần Phú. Ông Đào Phan cung cấp cho tôi một tài liệu: khi thành lập đảng Cộng sản Việt Nam ở Hồng Kông, Nguyễn ái Quốc có đưa ra một văn bản gọi là chính cương vắn tắt, phân tích tình hình giai cấp sát với thực tế Việt Nam, nhất là về giai cấp địa chủ (chế độ công điền khiến địa chủ không phát triển được, vì thế địa chủ ở Việt Nam có thể phân hoá được).

Staline bèn phái Trần Phú về nước, vất chính cương của Nguyễn ái Quốc đi, thay bằng luận cương Trần Phú đã được đóng dấu ở Mạc Tư Khoa và đặt tên đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương. Staline còn chủ trương vô hiệu hoá Nguyễn ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. Xem chừng Hồ Chí Minh thích tam dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên hơn. ông từng dịch cuốn *Tam dân chủ nghĩa* hồi bị giam ở nhà tù Quảng Tây, Trung Quốc. Và “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” chính là khẩu hiệu cách mạng của Tôn Trung Sơn.

Lại có chuyện này: Nguyễn Hữu Đang có lần nói với Hoàng Ngọc Hiến: Sau cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh có nói với Đang: Bảo Đại nó thoái vị sớm quá! ý ông muốn Bảo Đại cứ tiếp tục làm vua để có thể thành lập ở Việt Nam chính thể quân chủ lập hiến mà ông cho là thích hợp hơn với nước mình. Sau khởi nghĩa tháng Tám, ông ở chiến khu về muộn, lúc đó phải đoàn Trần Huy Liệu, Huy Cận đã lên đường vào Huế nhận ấn kiếm của Bảo Đại. Ông muốn cho người đuổi theo để gọi trở lại, nhưng không kịp. Anh Phạm Tuyên cho biết, ông cũng rất tiếc Phạm Quỳnh đã bị Việt Minh ở Huế thủ tiêu. Chuyện lỡ rồi, ông chỉ còn biết mời mấy người con của Phạm Quỳnh ra gặp để an ủi (ông gặp hai bà con gái của Phạm Quỳnh). Hồi mới sang Pháp, Nguyễn Tất Thành đã từng gặp Phạm Quỳnh (cùng với Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường). Chắc ông đã hiểu Phạm Quỳnh không phải người bán nước.

Ngoài ra, từ hội nghị Fontainebleau ở Paris (1946), Hồ Chí Minh đã muốn liên hệ với Mỹ và sau này muốn thương lượng hoà bình với chính quyền Sài Gòn.

– Một bí ẩn nữa là vì sao Hồ Chí Minh đoán rất chính xác mấy thời điểm lịch sử quan trọng: năm 1945, chấm dứt đại chiến thế giới thứ hai và cách mạng tháng Tám thành công; năm 1954 chiến thắng giặc Pháp (đ đoán từ năm 1950); năm 1975 chiến thắng giặc Mỹ (đ đoán năm 1960).

Theo Trần Quốc Vượng, vì ông có tử vi.

Năm 1943, khi Hồ Chí Minh viết câu kết

bài *Diễn ca lịch sử nước ta: “Bốn năm sự nghiệp hoàn thành”*, thì ở hội nghị Téhéran, thủ lĩnh ba siêu cường trong phe Đồng Minh là Staline, Churchill, Roosevelt đoán, chiến tranh chấm dứt năm 1946.

Không lẽ gì Hồ Chí Minh ở Việt Bắc, với một cái đài bán dẫn rất thô sơ, lại đoán thời cuộc thế giới chính xác hơn ba tay trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến tranh chống phát xít với những thông tin phong phú, cập nhật và những dữ kiện đầy đủ. Mà ba tay này đâu có dốt nát gì!

Trần Quốc Vượng kết luận: Cụ Hồ có tử vi.

Vượng cũng là tay rất sành sỏi tử vi. Anh nói, ở thư viện quốc gia có cuốn *Tử vi phú đoán* của Lê Quý Đôn đã dịch. Vượng đến mượn. Cô thủ thư nói sách không còn. Bố Trần Quốc Vượng có quen cụ Xước là giám đốc thư viện, Vượng đến hỏi, cụ Xước nói: Ông Hoàng Minh Giám đến lấy cho Cụ Hồ đọc rồi. Sách đang ở chỗ Cụ Hồ.

Anh Từ Sơn có tặng tôi tập *Di bút* của Hoài Thanh (bản đánh máy lúc chưa xuất bản thành sách). Trong đó có đoạn viết:

*“Năm 1945, khi quân Tưởng đã kéo vào dầy đặc ở miền Bắc và quân Pháp đã bắt đầu đánh phá ở miền Nam, anh Tố Hữu có dịp được gặp Bác. Anh thưa với Bác:*

*– Thưa cụ, một bên thì Tây, một bên thì Tàu, bên nào đáng sợ hơn?*

*– Tây cũng không đáng sợ. Tàu cũng không đáng sợ. Đáng sợ nhất là các chú – Ông Hồ trả lời như vậy.*

Ngẫm ra đây cũng là một tiên đoán thiên tài của Hồ Chí Minh. Ngày nay Pháp, Mỹ đều rút hết rồi. Đất nước nếu còn khốn khổ thì đúng là do “các chú”.

– Một câu hỏi khác đặt ra: Cụ Hồ có ý thức tự thân thánh hoá mình không? Đã nói ông Hồ không thích làm ông thánh, nay lại nói ông có ý thức thân thánh hoá? Tôi cho hai chuyện có chỗ khác nhau. Vì yêu cầu chính trị, có khi phải dùng mưu mẹo, có khi phải diễn kịch nữa – Về mặt này, ông Hồ cũng khá “siêu” đấy. Dân tộc Việt Nam là dân tộc nông dân nên có tâm lý trọng người già và sùng bái thần thánh, chứ không tin ở người trẻ, người thường. Cho nên ông Hồ, năm mươi tuổi đã để râu dài và *xưng là già Hồ*. Và cũng không phản ứng gì khi người ta gọi là cha già dân tộc. Theo Trần Quốc Vượng, hồi kháng chiến chống Pháp, Trung ương có giao cho ông Trần Huy Liệu bình tán những câu sấm Trạng Trình ứng vào Cụ Hồ rồi cho truyền đi để tạo thành dư luận quần chúng. Đó là chủ trương của Hồ Chí Minh hay chỉ là “sáng kiến”

của Đảng ngoài ý kiến của ông Hồ? Nhưng ông Trần Dân Tiên viết *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, có chỗ ví cụ Hồ như con rồng ẩn hiện trong mây. Mà *Trần Dân Tiên chính là ông Hồ chứ ai!*.

– Như đã nói, vì lí do chính trị, Hồ Chí Minh nhiều khi phải diễn kịch, sống cứ phải “diễn” như thế, kể cũng khổ. “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. “Diễn” tức là bị tước đi của mình quyền sống tự do chứ còn gì nữa! Liệu đã ai hiểu cho ông cụ nỗi khổ này?

Những trò diễn của Hồ Chí Minh nói chung có tác dụng chính trị rất tốt đối với tầng lớp bình dân. Nhưng đối với trí thức, có khi lại phản tác dụng. Năm 1946, Hồ Chí Minh ở hội nghị Fontainebleau về nước có Trần Hữu Tước và một kỹ sư tên là Quang theo về. Trên tàu, Cụ Hồ diễn trò nhẩy sơn lá sơn với các thủy thủ. Quang thấy thế lấy làm khó chịu, mất tin tưởng. Ông ta bỏ không theo Hồ Chí Minh nữa. Theo Tô Hoài, ông ta sau này về sống ở Nha Trang. Nhưng Hoàng Ngọc Hiến lại đưa ra một thông tin khác: Trần Hữu Tước sau này có gặp Quang rửa xe máy ở Sài Gòn.

– Cuối cùng là ngày sinh và ngày mất của Hồ Chí Minh. Ngày sinh cũng do ông tự đặt ra, ai cũng biết rồi. Còn ngày mất? Đúng cái ngày ông đọc *Tuyên ngôn độc lập* (2/9)

Theo Hoàng Ngọc Hiến, ông Hồ chủ động chết vào cái ngày lịch sử ấy. Ông ấy đáo để lảm đay! Một người quyết lấy lại họ Hồ là dòng máu thật của mình (Hồ Sĩ Tạo) thì cũng có thể quyết chết vào đúng ngày sinh của cả nước, ngày mà ông đọc *Tuyên ngôn độc lập*.

– *Nhưng chủ động chết làm sao được khi người ta luôn châu chực quanh mình* – Tôi cãi lại Hiến.

–

*Thì cũng có lúc người ta ra ngoài chứ. Lúc ấy chỉ cần dứt hết những dây dợ của cái ống thở ôxy là chết luôn chứ sao!* – Hiến khẳng định thế.

Một phán đoán không phải là không có lý!

Hà Nội, ngày 6.7.2006.

## Tố Hữu

---

Nhớ lại ba, bốn chục năm về trước, vào những năm 60, 70 của thế kỷ vừa qua, biết bao thế hệ đã từng mê thơ Tố Hữu. Mê thật sự. Đọc những bài như *Bài camùa xuân 61* mà chảy nước mắt. Hồi ấy ông rất xứng đáng với danh hiệu “Lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam”. Để phục vụ cách mạng và kháng chiến, thơ ca hồi ấy bám rất sát từng nhiệm vụ chính trị, nên thường viết chung một số đề tài: anh bộ đội, anh giải phóng quân, Bác Hồ, anh Trỗi, mẹ Suốt, chị Trần Thị Lý, miền Nam thành đồng Tổ Quốc, miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội... Ngẫu nhiên mà thành ra những cuộc thi thơ toàn quốc. Trong những “cuộc thi” như thế, Tố Hữu hầu như đều chiếm giải nhất.

Vinh quang của Tố Hữu đâu chỉ ở tư cách nhà thơ. Về chính trị *ông cũng lên vòn vọt, có lúc tưởng như là người kế cận Lê Duẩn, thay Lê Duẩn đến nơi*. Cho nên ngày Tết, người ta xếp hàng nối đuôi nhau ra tận ngoài đường để chúc Tết Tố Hữu. Loại như Nguyễn Văn Hạnh, Hà Xuân Trường thì phải xếp hàng mãi tít ngoài đường, rất xa. Còn Hoàng Xuân Nhị thì chỉ rình rình chen ngang... Lúc bấy giờ được viết về Tố Hữu cũng danh giá lắm! Tôi nhớ có lần anh Lý Hải Châu, giám đốc nhà xuất bản Văn học có ngỏ ý giao cho tôi làm *Tuyển tập thơ Tố Hữu*. Định thế thôi chứ đã giao thật đâu. Vậy mà tiếng đồn ra, nhiều người đã mừng cho tôi. Anh Xuân Diệu gặp tôi, bắt tay chúc mừng: “*Thế là Mạnh bắt đầu được tiếp cận với nhà đồ rồi đấy!*”

Thế mà bây giờ! Không thể ngờ Tố Hữu xuống giá nhanh chóng và thảm hại đến thế, ở cả hai tư cách: nhà chính trị và nhà thơ. Hầu như các thế hệ làm thơ bây giờ không ai còn làm theo phong cách Tố Hữu nữa.

Ở khoa Văn Đại học Sư phạm Hà Nội (có lẽ khoa Văn các trường Đại học khác cũng thế) có điều này, nếu Tố Hữu sống lại chắc buồn lắm: hàng năm cán bộ giảng dạy phải hướng dẫn hàng trăm sinh viên cao học, hàng chục nghiên cứu sinh làm luận án thạc sĩ, tiến sĩ. Đề tài ngày càng bí, quanh đi quẩn lại khai thác mãi những Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Nam Cao, Thạch Lam, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu... hầu như đã cạn kiệt. Rất bí. Cả thầy lẫn trò đều bí. Vậy mà không ai chịu làm về Tố Hữu, tuy Tố Hữu vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình phổ thông và đại học như một tác gia lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam.

Kể cũng lạ! Tôi cho rằng hiện tượng này cần được giải thích, nhất là đối với những thế hệ lớn lên sau 1975, đặc biệt là sau 1986, khi đất nước bước vào thời kì đổi mới. Tất nhiên, giải thích theo quan điểm lịch sử.

Theo tôi tốt nhất là tôi thuật lại những lần được trò chuyện với Tố Hữu trước 1986. Chính những lời phát biểu của ông về chính trị, về thơ ca sẽ giải thích cụ thể sự thăng trầm của số phận ông. Ngoài ra cũng phải hiểu ông đã quan niệm về thơ như thế nào và làm thơ như thế nào. Vì vẫn phải giảng thơ ông trong nhà trường, vì dù sao ông cũng là một nhà thơ tiêu biểu nhất, về vang nhất, có vị trí quan trọng trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại và trong chương trình môn văn ở các trường phổ thông và đại học.

Tôi được gặp riêng Tố Hữu hai lần, không kể những lần được nghe ông nói chuyện ở các hội nghị. Qua hai lần tiếp xúc với Tố Hữu, tôi thấy ông là người thông minh, nói rất giỏi. Một nhà hùng biện. Ông rất tin ở những điều mình nói như là những chân lý tuyệt đối. Nói rất sôi nổi, say sưa, không cho ai cắt ngang dòng biện thuyết của mình.

*Cuộc tiếp xúc lần thứ nhất là năm 1967. Địa điểm: nhà riêng Tố Hữu, 76 Phan Đình Phùng.*

Hồi ấy gặp riêng Tố Hữu rất khó. Anh Huỳnh Lý, lúc ấy là chủ nhiệm khoa Văn Đại học Sư phạm Vinh, đã liên hệ trước như thế nào đó mới xin phép được. Rất tiếc cuốn sổ tay tôi ghi chép về cuộc tiếp xúc này tôi đã để thất lạc mất thành ra chỉ còn lưu lại được trong óc một vài ấn tượng.

Tố Hữu nói về chính trị là chính. Ông say sưa ca tụng dân tộc mình trong chiến tranh chống Mỹ vừa thông minh vừa anh hùng. Ông nói về Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Văn Bé. Ông rất lạc quan và hoàn toàn thoải mái về đảng, về cách mạng Việt Nam chỉ có tiến lên theo đường thẳng. Con đường chỉ có toàn ánh sáng. Cách mạng Việt Nam không hề có bi kịch.

Tố Hữu tỏ ra rất phục Lê Duẩn. Ông cho Lê Duẩn đúng là một penseur.

Ấn tượng khó quên nhất của tôi là ông nói liên miên, nói rất nhiều. Tôi nhớ ông nói từ khoảng hai ba giờ chiều. Nói rất bốc. Lúc đầu còn ngồi ngay ngắn, sau co chân xếp bằng tròn trên salon. Tôi ngồi sát cạnh, thỉnh thoảng ông còn vỗ mạnh vào đùi tôi, hỏi một câu gì đó. Hỏi không phải để nghe trả lời, mà là cách gây chú ý, để nghe ông nói tiếp. Ông nói cho đến khoảng năm giờ chiều. Anh thư kí riêng đi ra, xem đồng hồ, ý nhắc ông nghỉ cho đỡ mệt. Ông không để ý, đứng dậy bật đèn, nói tiếp.

Thực tình lúc ấy tôi mót đi tiểu quá. Ngồi ngay cạnh ông, đứng lên không tiện. Và lại biết đi to Toilet ở chỗ nào! Mà cũng nghĩ ông sắp nghỉ rồi, vì trời đã muộn. Nhưng ông cứ nói, nói liên miên, nói say sưa hào hứng. Lúc đó, thực bụng tôi nghĩ: Trên đời không có gì nhảm nhí bằng chuyện văn chương, chỉ có đi tiểu là quan trọng nhất.

Nhưng cuối cùng thì ông cũng nghỉ, có lẽ do cách nhắc khéo của anh Huỳnh Lý. Ông bắt tay từng người. Đến lượt tôi, không hiểu sao, ông lại còn giữ tay, nói tiếp mấy câu nữa. Sợ quá!

*Cuộc tiếp xúc thứ hai. Địa điểm: ở ngôi nhà bát giác cạnh trường Chu Văn An bên Hồ Tây, năm 1980.*

Lần này do anh Đoàn Trọng Huy, phó chủ nhiệm khoa Văn Đại học Sư phạm Hà Nội liên hệ được. Lúc này tôi đã được chuyển ra công tác tại Hà Nội.

Cũng như lần trước, Tố Hữu *vẫn nói nhiều, nói liên miên*. Ông nói về chính trị, về thơ, về việc giảng dạy văn trong nhà trường. Sau năm 1975, tình hình đất nước đã ít nhiều đổi khác. Vì thế ông cũng nói đến chuyện mở cửa, đến chống chủ nghĩa Mao, đến mở rộng đề tài thơ và phát triển phong cách thơ.

Nhưng tinh thần vẫn như cũ, vẫn Đảng ta là đúng nhất, sáng suốt nhất, nhân dân ta, dân tộc ta là tuyệt vời, Mác Lênin là chân lý tuyệt đối, và văn học gắn với chính trị, phục vụ chính trị là chân lý muôn thuở.

Dưới đây là lời độc thoại triển miên của Tố Hữu, tôi ghi lại được:

“... Vấn đề mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, tưởng không còn chuyện gì nữa, hoá ra không đơn giản. Vẫn còn có nhiều người chưa nhận ra cái lẽ lớn ấy.

Văn học phải góp phần tạo ra con người mới, con người xã hội chủ nghĩa, để bảo vệ và xây dựng đất nước. Với dân tộc ta, động viên hy sinh xương máu dường như dễ hơn là động viên đỡ mồ hôi, đỡ trí óc để tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống cho mình.

Tiêu chuẩn đánh giá một nền văn học lớn là góp sức tạo ra con người mới. Đó là thước đo, nói là cao nhất cũng được, nói là duy nhất cũng được. Cũng có thể gọi đó là quan điểm thẩm mỹ của ta.

Đúng là các vấn đề văn học nên đưa ra tranh luận, kể cả với quan điểm đối địch. Nên làm quen với những cách suy nghĩ khác nhau. Nên học cả những vũ khí của địch. Muốn hay không muốn, trái đất cũng có những cuộc giao lưu như thế. Không nên bịt cửa. Trong thời đại này, không có dân tộc nào sống như thế. Chủ nghĩa Mao nảy sinh trong sự bịt cửa, tự bịt cửa trong ngu dốt và tàn bạo.

Phải mở cửa. Mở cửa để đón ánh sáng và gió mát chứ không phải để đón ma quỷ. Vì đời có cả thiên thần và ma quỷ... Phải biết đóng cửa, mở cửa một cách khoa học. Mở cửa cũng còn để trao đổi với ngoài. Có vay có trả, có góp cho đời. Ta rất tự hào về văn học ta là văn học của một dân tộc tiên phong, có vẻ đẹp của nó.

Quy luật từ xưa đến nay là quy luật riêng chung. Xưa cái chung lẫn át cái riêng.

Nay cái riêng lẫn át cái chung.

Cần hoà hợp riêng chung. Cái chung mà không phát huy cái riêng, cái riêng nó sẽ quay lại chống lại cái chung.

Làm chính trị là l'art des possibilités. Làm sao sử dụng được đến ngón tay út của con người. Tập thể là vô cùng. Con người cũng là vô cùng. Nói vượt mình là không đúng. Nên nói phát huy khả năng của mình. Làm sao vượt mình được! Chủ nghĩa Mác ý thức được khả năng vô tận của con người.

Con người là gì? Cuộc sống là gì?

Là vật chất, trí tuệ, tình cảm – là con – người – mới.

Khổng Tử phủ nhận “con” là đối trá. Thực ra Khổng Tử coi con người là trâu chó.

Con người khác con vật là có trí tuệ và tình cảm. Có cái đầu pensant. Mao không cần. Tư sản cần nhưng chỉ cần để phục vụ nó. Làm trái nó, nó chặt đầu. Mọi chế độ bóc lột đều ngu dân ở những mức độ khác nhau, mức hạn chế khác nhau, do lợi ích giai cấp. Chỉ có chủ nghĩa cộng sản là parti de l'intelligence.

Cái “con” là nécessité. Nhưng trí tuệ, tình cảm mới là đặc trưng của người. Chủ nghĩa xã hội là làm chủ tập thể cộng với công nghiệp hoá. Lênin thì nói: Chính quyền Xô viết và điện khí hoá...

Bác Hồ thì nói độc lập tự do. Tự do là chuyện muôn đời. Nécessité comprise là chuyện muôn đời. Vĩ nhân là làm chủ quy luật và chiến đấu cho tự do. Đúng thế. Nhưng thực sự là người tự do, khó lắm! Hạnh phúc lớn nhất là tự do, là làm chủ.

*Uống ngụm nước suối trong đỡ khát*

*Trông trời cao mà mát tâm can.*

Nước suối mà sao ngon? Vì đó là tự do, là nécessité, quy định bởi cái nécessité cao hơn tức là cứu nước. Tôi chỉ nói tới nói lui những điều đã cũ, không có gì mới. Vì không cần nói gì hơn.

*Bay vào vũ trụ là nécessité*

*Dép lốp là nécessité.*

Tôi thừa nhận dép lốp, cơm khoai, vì đó là nécessité. Song tôi cũng có cái đầu để mơ ước chứ! Cho nên tôi thấy bay vào vũ trụ cũng là nécessité.

Nói vị nghệ thuật là đối trá. Ai chả vì cuộc sống này khác. Chỉ có người cộng sản là nói ouvertement. Phong kiến, tư sản không dám nói. Còn tiểu tư sản là tù binh của mọi nguồn, bơi trong mọi dòng nước, tự lừa dối mình. Tiểu tư sản không có đời sống độc lập. Ta nói ouvertement vì ta nói sự thật và chỉ có ta mới nói được.

Thanh niên bây giờ có xu hướng “Tây loãng quăng hoá”, dễ mất tính dân tộc. Ông cha ta bản lĩnh lắm, mãnh liệt lắm nên mới tránh được Tây hoá.

Nhưng dân tộc phải nhịp theo thời đại. Đó là sự thật khách quan. Thời đại là: ba dòng thác cộng với cách mạng khoa học kỹ thuật. Nhật Bản đã trở thành 2<sup>ème</sup> puissance vì có ba yếu tố:

1. Tinh thần Đại Nhật Bản (Đảng Cộng sản lẽ ra phải tranh lấy ngọn cờ dân tộc. De Gaulle và tư bản Nhật nắm dân tộc hơn đảng cộng sản).
2. Cách mạng khoa học kỹ thuật
3. Quản lý xã hội, quản lý kinh tế rất khôn ngoan (quản lý theo lối tư bản cộng với truyền thống gia trưởng) Conscience và Science. Thời đại này có hai cái đó thì thắng. Trẻ con ta có Conscience politique rất sớm. Nói phải có lý nó mới phục, nó mới nghe.

Tài nguyên thì ta có dầu, có sắt. Cho nên lắm kẻ đã ve vãn “xôn xao ngoài cửa thiếu gì yển oanh” Dân tộc ta có truyền thống rất mạnh. Tinh thần thời đại cũng mạnh. Hai cái đều mạnh. Nhiều dân tộc phải xấu hổ vì ông cha của mình: ăn cướp, quân phiệt, hoặc đầu hàng khiếp nhược.

Dân tộc ta, cái dominant là nhân dân. Không cần tư sản. Do chống ngoại xâm mà hình thành dân tộc. Chống xâm lược trên quy mô lớn nên dân tộc lập tức gắn với nhân dân.

Dân ta profondément – athée – vô thần – pratique. Lừa cả thần, lừa cả Phật (Trạng Quỳnh). Bất chấp Khổng, Phật, Thiên Chúa. Rất matérialiste. Cái nôi dân tộc ở chính Việt Nam. Nhân dân ta là miếng đất lí tưởng cho chủ nghĩa cộng sản.

Dân tộc – Nhân dân – pratique. Lại có tính nhân dân nữa. Thừa nhận giá trị con người rộng rãi lắm “Thương người như thể thương thân”. Nhân ái lắm! Không lấy mình làm chuẩn như Khổng Tử “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”. Tình làng xóm, cha con, vợ chồng rất khác đạo Nho. Tàu nói trọng nghĩa khinh tài, đào viên kết nghĩa mà dối nhau, giết nhau.

Thời đại ta có chủ nghĩa Mác nên tránh được tự phát, tùy tiện. Cái yếu nhất của ta là khoa học kĩ thuật. Đáng đề ra cách mạng khoa học kĩ thuật là then chốt, trúng quá!

Cuộc thắng Mỹ của Việt Nam lớn lắm. ảnh hưởng đến nhiều dân tộc trên thế giới. Họ không sợ Mỹ nữa. Mỹ không dám gây sự, không dám có một Việt Nam thứ hai...”.....

Tố Hữu ngừng lại một lát rồi tiếp:

“...Đấy là tất cả những gì tôi đã nghĩ và đã nói bằng thơ.



Từ *Từ ấy* tôi vẫn nói thể thơ: lẽ phải, chân lý, tình cảm. Chân lý chói qua tim. Chân lý phải qua tim mới dẫn tới hành động. Tình cảm lớn phải có chân lý lớn chỉ đạo. Mao không có tim và chân lý. Tôi nói My Châu “Trái tim làm chỗ để lên đầu” làm mất nỗ lực. Mao thù. Tàu bay Việt Nam không cho qua Trung Quốc.

Thơ Tố Hữu là nói lẽ phải lớn của dân tộc và thời đại. Tôi viết bài “*Một nhàn xuân*”. Có lẽ người ta đã quên lẽ phải lớn chẳng, nên phải nói lại. Người ta nói tầm bậy về Đảng quá. Apolitique nặng. Không biết lịch sử dân tộc do Đảng đem lại. Chủ nghĩa công thần, tính công trạng mình nhiều quá mà không tính công Đảng. Hoàng Văn Hoan tách Đảng, thành phản quốc. Còn gắn với Đảng là mùa xuân vĩnh viễn.

Nhà văn phải có message nhấn gửi cho đời. Vấn đề là có cái gì đáng nhấn gửi thật không? Chuyện văn là chuyện đời, chuyện lẽ phải.

Nghệ thuật phải có hình thức adéquate 100%. Nhưng đó là chuyện dĩ nhiên. Art là personnel, không phải individualiste. Rất riêng song không cá nhân chủ nghĩa. Bên cạnh hoàng anh, hoạ mi, phải có sè sè, chim chích, thích chữ, vui chữ! Nhưng cá tính là gì? Cá tính có ý nghĩa thực là góp một tiếng nói cho đời. Hoạ mi hót mà đời insensible thì phục vụ ai, có ích gì, vô nghĩa. Có người chủ trương viết cho mai sau, không cần đời chấp nhận. Vô lý. Mai sau ai sinh ra? Trên trời rơi xuống à? Người mai sau là ai? Chẳng qua là trốn dư luận, ai biết mai sau là gì! Nghệ sĩ phải sống với thời đại của mình. Có convention, có giao ước của nó chứ! Rút lại phải sao cho người đương thời chấp nhận.

Có nhà thơ chỉ nói tình yêu, tình bạn, hoa đẹp. Thích chữ! Có người nói thời buổi chiến tranh không nên vẽ phong cảnh, vẽ hoa. Tầm bậy! Cảm thụ được cái đẹp của thiên nhiên muôn hình muôn vẻ, lớn lắm chứ! Nhưng phải bàn thế nào là đẹp. Rút cuộc là trở về humanisme.

Rất mừng là thế hệ trẻ đang lên. Lê Thị Kim có bài *Cỏ*. Tôi không viết được. Yêu thiên nhiên và yêu tình yêu. Khánh Chi rất nên ủng hộ. Tuổi mình không còn là tuổi tình yêu, nói gì được nữa. Rất may là thời đại ta cùng tồn tại bốn thế hệ: thế hệ già, thế hệ thời chống Pháp, thời chống Mỹ, thời xây dựng chủ nghĩa xã hội. Già có vẻ đẹp của già (đừng có lắm lắm). Trẻ biết đâu mà nói. Mỗi thế hệ có vẻ đẹp riêng, có ưu thế riêng. Hãy nói to lên những điều đẹp nhất của mình. Tôi rất chú ý từ ngữ, âm điệu, nhạc điệu. Không dùng từ ẩu bao giờ. Thơ phải tiết kiệm, không nói dài. Tôi không có khả năng sáng tạo từ mới. Từ vựng của tôi nghèo lắm! Từ ít và không thông minh như của Chế Lan Viên. Phạm Tiến Duật, Bằng Việt cũng lắm từ, chịu khó tìm tòi, sáng tạo ngôn ngữ.

Chỗ yếu của tôi là thường dùng từ ngữ quen thuộc. Không nói được điều gì bất ngờ, làm nên sự giật mình về hình thức.

Nhạc điệu ngôn ngữ Việt Nam hay lắm. Âm thanh diễn đạt chính xác, cụ thể, nhiều giọng điệu.

Mỗi bài thơ phải tìm một giọng thích

hợp: *Emily con*, *Kính gửi cụ Nguyễn Du*, *Theo chân Bác*... Bác thích loại thơ rigoureux. Bác rất Classique. Vì thế *Theo chân Bác* phải dùng thể thất ngôn mới thích hợp.

Nhịp sống thay đổi, cũng phải tạo nhạc điệu mới. Phải phá thể, phá cách. Lục bát cũng thế:

“*Thác, bao nhiêu thác cũng qua*”

Các cụ xưa không làm thế.

Tôi rất nghiêm trong việc dùng chấm và phẩy. Học sinh bây giờ chấm phẩy bừa quá. Phải học tính chính xác, khoa học, khẩn trương, hoạt bát. Ông bà ta không làm được điều đó vì nhịp điệu nông nghiệp quen rồi.

Tôi cố gắng phục vụ mọi người. Xã hội ta có ba loại:

- Loại văn hoá thấp: Trình độ cấp I. Người lao động phần lớn ở mức độ này.
- Loại trình độ cấp II, cấp III, tuổi 30, 40. Loại này cũng có hàng triệu người.
- Loại đại học. Trí thức.

Bài *Emily, con...* phục vụ độc giả từ trung học trở lên. Viết cho loại này, tiện, vì cùng loại với tác giả. Có thể làm một cách tự nhiên, không mất công.

Viết cho loại một cực lắm. Đối tượng là dân gian. Bài *Ba mươi năm đời ta có Đảng* viết cho hàng chục triệu người. Gọi là về rất đúng, là khen, vì dụng ý của tôi là làm về.

Bài *Mẹ Suốt* viết cho chính mẹ Suốt. Nhưng không giữ mức về. Đó là bài thành công với nhiều tầng lớp.

Bài *Theo chân Bác* phải vừa hợp phong cách Bác, vừa phục vụ toàn dân, cho cả trí thức. Dùng thất ngôn có thể giải quyết được.

Bài *Nước non ngàn dặm* chủ yếu nói cho miền Nam. Cần gọi cảm nên dùng lục bát là tiện.

Nhưng có savant hơn một chút. Cấu tứ không khó lắm! Khó là forme nào, giọng nào. Năm ba câu đầu mà bắt được giọng rồi thì dễ lọt.

Câu đầu lợi hại lắm. Bài *Một hành xuân* tôi đã làm năm năm trước. "*Năm 20 của thế kỉ XX*".

Sau nghĩ làm lý lịch làm gì, anh là gì mà khai lí lịch! Tôi phải nghĩ hai câu mở đầu khác:

*Vâng xin kể cùng Xuân đồng chí*

*Chuyện riêng chung một cuộc đời bình dị.*

Thường khó làm câu đầu và câu cuối. Câu cuối phải gọi ra cái gì rộng hơn cái mình nói trong thơ. Phải mở, không được đóng. Đóng lại là vô duyên. Đọc câu cuối người ta còn nghĩ, còn vợ vẫn vẫn, thế hay hơn.

Còn từ câu đầu đến câu cuối không biết trước, không tự giác. Trước khi viết nghĩ nhiều. Khi viết quên đi và thả cho xúc cảm, cứ như tìm hoa trong đêm. Thơ kĩ nhất đọc câu trước người ta đoán được câu sau. Chính mình cũng không biết, không ngờ. Phải cho thơ tự nó sinh sôi, phát triển. Có ai đó nói rằng, nhà thơ hoàn toàn biết rõ tiến trình sáng tác một bài thơ, hoàn toàn biết trước câu thơ cuối cùng của tác phẩm. Tôi thì có khi làm xong bài thơ, cũng ngơ ngác ngác về tác phẩm của mình. sáng tác là xúc cảm không luôn luôn tỉnh táo. Văn xuôi có tỉnh hơn chăng? ở đây có những yếu tố ngẫu nhiên, tình cờ. Có khi cũng không biết là hay hay dở nữa kia. Anh Xuân Diệu hỏi tôi, sao anh lại tạo ra được hai câu:

"*Nỗi niềm chi rứa Huế ơi, Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên*"? Tôi cũng không biết sao mình lại tài thế!

Thơ có quy luật riêng của nó.

Phạm Tiến Duật là anh lính thì hay. Đến lúc luận là chết. *Vòng trắng*. Sao đòi lại tự tử! Hai lần tự tử! Giết anh và giết người chết rồi. Không hiểu đời đã luận đời!

Trần Đăng Khoa đang dở dang, hết trẻ con, nhưng chưa thành người lớn. Nói giọng ông già là trật. Phải luôn đề cao thế giới quan, nhân sinh quan. Nhưng đối với lớp trẻ, nó thấy khắc khổ quá. Phải nói đạo lý thế nào đấy không xa lạ với nó. Nên đề cập đến tất cả những gì nó quan tâm. Đừng nói đại nghĩa trước mà phải đi từ tiểu nghĩa trước (tình yêu, tình bạn). Từ bỏ tiểu nghĩa, nó không nghe đâu! Không chấp nhận tình yêu và thơ tình là không đúng, là nihilisme. Thơ tình là loại thơ khó nhất: nói được cái gì mới? Tôi không làm được.

Nói thơ Tố Hữu không nói hết mọi vấn đề là đúng. Nhưng cho rằng thơ Tố Hữu chỉ nói cái to không nói cái nhỏ thì oan. Nhưng chuyện cụ thể chỉ là cái có để nói cái to. Cái tật quen của tôi nó vậy. Tố Hữu có nói cả hoa và rác đấy chứ. Nhưng phải có trách nhiệm, phải làm cách mạng, phải quét rác (*Tiếng chổi tre*)...

Bài *Hồ Chí Minh*. Khi viết bài này, tôi chưa được thấy Bác, chỉ biết qua về Bác, chưa đọc gì của Bác. "*Vung gươm lấp sóng*" là nghĩ thế, viết thế. Nhưng nói "*Người lính già*" là bạo, thế mà đúng. Lúc bấy giờ nói thế là bạo, trái với xu hướng quan niệm về lãnh tụ, về vĩ nhân, lúc đó. Đúng, Bác là người lính.

*Bà má Hậu Giang*. Có chuyện thật nghe nói ở Ban Mê Thuật: một bà má nấu nồi cơm to, bị Tây chặt đầu. Còn phịa ra cả. Lúc đó Bắc Sơn thất bại, Nam kỳ thất bại. Tư tưởng défaitisme, cần góp phần khôi phục lại niềm tin.

*Ly rượu thọ*. Có chuyện một viên tướng có bà mẹ yêu nước. Còn chuyện chúc thọ là bịa. *Mẹ Suốt*, có chuyện đẻ con bị xấy, có chuyện vải màn nguy trang thật và cũng có hỏi mẹ mấy câu. Nhưng đặt thêm ra lời hỏi và câu trả lời. “*Cá tôm cũng sống*” là bịa. Nhân tiện thấy ông nói về những bài thơ cụ thể, tôi tranh thủ hỏi về bài *Ăn hạt* tôi đọc trên báo thời Mặt trận dân chủ Đông Dương, đề tặng một “*nàng trinh nữ*” nào đấy. Ông nói bài này làm trong nhà tù. Hỏi ấy yêu một cô. Cô ấy đi lấy chồng. Đơn giản thế thôi...”

\*\*\*

Nói mãi cũng mệt. Tố Hữu nghỉ, uống nước.

Qua ý kiến của Tố Hữu, thấy ông quả là một nhà thơ có kinh nghiệm. Và không phải là không có tài.

Nhưng vì sao thơ ông không có giá trị lâu dài? Có lẽ vì ông chọn cho mình con đường làm thơ chính trị. Ông đã đáp ứng xuất sắc tâm lý chính trị của dân tộc một thời. Nhưng thời ấy đã qua rồi.

Thơ tuyên truyền chính trị nên phải đơn nghĩa. Và vì phải hướng chủ yếu về đối tượng công nông binh, nên phải sử dụng những thể điệu truyền thống kể cả lối ca vè và phải dùng những hình ảnh, những ngôn từ quen thuộc, tránh sáng tạo hình ảnh và từ ngữ mới lạ.

Tố Hữu lại tiếp tục nói. Ông chuyển sang nói về giáo dục, về việc dạy văn. Ông cho rằng muốn dạy tốt phải dựa trên nghiên cứu khoa học.

“...Giáo viên không được tiếp xúc với các công trình khoa học thì như người lính ra trận không có vũ khí. Giáo viên văn học là giáo viên khổ nhất mà đáng lẽ sướng nhất. Học sinh nộp bài như nộp thuế.

Ta còn thiếu những công trình khoa học có sức thuyết phục. Tôi chưa tin có ai đã dạy *Kiều*, hiểu *Kiều* một cách đầy đủ. Và liệu đã có ai hiểu hết một bài *Bình Ngô đại cáo*. Bài văn lạ lùng trên nhiều mặt. Lượng thông tin ghê gớm. Từng từ có giá trị xã hội, đại diện cho một thực thể xã hội. Trí tuệ, tư tưởng ghê gớm lắm: “*Lấy nhân nghĩa*”, “*lấy chí nhân*”. “*Chí nhân*” thời ấy là gì? “*Cường bạo*” nội dung thời ấy là gì? “*Trúc chẻ ngói tan*” phải là một chiến dịch ghê gớm lắm. Bao nhiêu ý nghĩa nhận thức!

Thầy giáo văn học là đất nhất. Nghề này không chỉ đòi hỏi hiểu biết. Anh phải sống đẹp. Thông tin văn học khác. Phải gây hiểu biết và xúc động thật sự. Không cảm thụ được và truyền đạt được cảm xúc thì nghề dạy văn là vô nghĩa.

“*Đau đớn thay phận đàn bà*”, không có gì sáng tạo cả mà hay, vì là tiếng kêu giữa trời cho ba trăm năm sau. Thiên tài là sự nhuần thấm máu thịt đến mức như như là cảm quan ngẫu nhiên, tạo ra cái đẹp mà không biết. “*Long lanh đáy nước in trời*”. “*Long lanh*” sau mới thấy “*đáy nước*” và thấy “*trời*”. Được nghe, hiểu một câu thơ như thế, chết cũng sướng.

Nếu loài người hiểu hết về đẹp của mình thì là thiên thần. Là thoát ra khỏi tấn bi kịch lớn. Bi kịch của loài người là không ý thức được về đẹp của mình, do mình tạo ra, và tất cả thấy cần phải sống đẹp như thế. Làm sao một dân tộc rất đẹp như Campuchia lại bị tiêu diệt có vẻ dễ dàng như thế? Tôi vẫn suy nghĩ mãi về điều đó.

Phải đặc biệt coi trọng giáo dục, coi trọng văn học. Chủ nghĩa xã hội đâu phải chỉ cần cơ sở khoa học kỹ thuật. Con người còn cần tâm hồn nữa chứ. Nếu không chỉ là con thoi, một thứ con cao cấp thoi...”

Ý kiến của Tố Hữu về giáo dục, về dạy văn nói chung là đúng, tuy không có gì mới mẻ đặc sắc. Sức hấp dẫn vẫn chỉ là ở nhiệt tình sôi nổi và niềm tin mãnh liệt, đã trở thành phong cách riêng, khẩu khí riêng của ông.

Lúc đó anh Đoàn Trọng Huy vừa mua được cuốn *Tuyển tập thơ Tố Hữu* do Hà Minh Đức soạn. Anh xin chữ kí của Tố Hữu. Tôi đọc bài *Mẹ Tom*, thấy câu thơ “*Sống trên cát, chết vùi trong cát*” in là “*Sống trên cát, chết hoà trong cát*”, bèn nhân tiện hỏi Tố Hữu: *hoà hay vùi?* Tố Hữu nói “*vùi chứ hoà thì còn văn chương gì nữa*”. Ông tỏ ra tán thành lời bình của Hoài Thanh về chữ *vùi* trong bài thơ này.

\*\*\*

Tố Hữu trông người nhỏ nhắn, nhẹ nhõm như một thư sinh. Nhưng rất hách. Tôi đã nghe Hoàng Cầm nói, ông đã từng ra lệnh bắt Trần Dần, Tử Phác bằng sáu tiếng ngắn gọn: “*Gọi nó về, bắt lấy nó*”. Tôi đã chứng kiến Nguyễn Đình Thi sợ ông như thế nào, tôi ví như con cua co dùm người lại trước con ếch.

Tôi đã nghe Hoàng Ngọc Hiến thuật lại về Tố Hữu trong cuộc họp nhà văn đảng viên hồi tháng sáu năm 1979. Nguyên Ngọc trình bày bản đề cương chống Mao-ít. Tố Hữu đã quạt cho Nguyên Ngọc một trận, cho đây là hiện tượng “ngược dòng”, ông có cách nói mỉa mai rất ác. Nhân thấy Nguyên Ngọc, người thấp, nhân làm đổ cái micro trên bàn chủ tịch đoàn, ông nói: “*Cái bục này đối với tôi hơi cao, đối với anh Nguyên Ngọc thì cao quá!*”. Ông còn đến vuốt râu Nguyên Hồng: “*Để râu sớm quá đấy, để trốn họp chi bộ chứ gì!*”. Gần đây Kim Lân còn cho tôi biết, hôm ấy, Tố Hữu đến chỗ Kim Lân, nói: “*Đạo này viết ít quá đấy!*”. Kim Lân buột miệng nói: “*Bác lại phê bình em rồi!*”. Có vậy thôi mà nghĩ sợ quá. Kim Lân nói: “*Tôi nhớ trong truyện Tam quốc, có hai anh bạn thân, saumột anh làm to, anh kia đến chơi, nói suông sã về những kỉ niệm thuở hàn vi. Sau bị tay kia cho người đuổi theo thủ tiêu – Sợ quá!*”.

Tôi chắc Kim Lân sợ thì có sợ, nhưng làm gì đến nỗi thế. Bọn nhà văn là chúa hay phóng đại. Nguyễn Khải cũng kể lại, hôm ấy anh ngồi chủ tịch đoàn. Có một cậu nói nhỏ với anh: “*Ông Lành đang nói sao cậu lại cười?*” Khải sợ quá, vội chối: “*Không, rằng tôi nó hô đấy chứ, tôi có dám cười đâu!*”.

Gần đây anh Hoàng Dũng cán bộ giảng dạy khoa Văn Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, học trò thân thiết của Nguyễn Tài Cẩn, cho biết, Tố Hữu có lần gọi Huy Cận, bảo phải biên soạn cuốn từ điển về thơ Tố Hữu: “*Pouchkine có từ điển, sao Tố Hữu không có từ điển*”. Huy Cận nhờ nhà ngôn ngữ học Nguyễn Tài Cẩn giúp cho việc này. Cẩn từ chối không được, bèn dùng mẹo, nhận nhưng không làm, tuy thỉnh thoảng lại giả vờ đến Tố Hữu “xin” ý kiến về câu này, chữ khác của thơ ông. Bây giờ Tố Hữu chết rồi, chẳng có trang từ điển nào cả. Anh đồ nghệ lấu thật!

Năm 1986, Đại hội Đảng lần thứ VI. Tố Hữu mất hết mọi chức vụ. Tự tột đỉnh vinh quang tụt xuống đất. Đau lắm! Từ Sơn đến chơi thấy nhà như có tang. Ông nói với Từ Sơn: “*Chúng nó tiếc gì mà không cho mình làm cố vấn!*”. Rồi kéo Từ Sơn ra ngoài vườn như sợ có kẻ nào nghe trộm: “*Có gan lên chiến khu làm cách mạng lại không?*” Đúng là cay cú đến mức điên rồi!

Tố Hữu rất ghét thi hoa hậu. Ông nói với Hoàng Điệp, Nhà xuất bản Văn hoá thông tin: “*Thi hoa hậu để khoe mông khoe đùi chứ gì! Làm như thế những phụ nữ xấu người ta tủi. Sao o không thi bắn súng?*” Tất nhiên Tố Hữu rất ghét Gooch bachốp. Chị Tố Nga, vợ Hoàng Ngọc Hiến, bắt chước giọng Huế của ông rất vui: “*Miềng có Hồ Chí Minh của miềng chứ! Thấy người ta chớp chớp, cũng chớp chớp*”.

Những năm cuối đời, ở Tố Hữu, có chuyện này cũng lạ: thường phủ nhận những điều mình đã nói, đã làm. Trong cuốn *Chân dung và đối thoại*, Trần Đăng Khoa nói đến chuyện Phù Thăng một thời bị qui chụp chính trị rất nặng. Khoa cũng thuật lại cuộc phỏng vấn Tố Hữu về việc sáng tác bài *Hoan hô chiến thắng Điện Biên*. Tố Hữu nói, không hề biết chuyện Phù Thăng, còn những điều Trần Đăng Khoa hỏi ông về bài *Chiến thắng Điện Biên* là bịa. Thực ra Tố Hữu từng viết bài phê phán Phù Thăng, còn về cuộc phỏng vấn ông về bài *Chiến thắng Điện Biên* thì Khoa nói với tôi: “*Em có ghi băng hẳn hoi, đâu có bịa*”

Lại có chuyện Nhật Hoa Khanh công bố một bài phỏng vấn Tố Hữu rất dài. Đọc bài phỏng vấn này, thấy Tố Hữu nói ngược hẳn những điều ông nghĩ, ông viết và ông làm trước đây đối với các nhà văn thuộc nhóm *Nhân văn giai phẩm*. Ngược hẳn lại như quay 180 độ, khiến rất khó tin là có thật. Trần Đăng Khoa cho rằng, Tố Hữu quả cũng hay phủ nhận những điều mình đã nói, đã làm, nhưng không đến nỗi quá quắt như trong bài phỏng vấn của Nhật Hoa Khanh. Tô Hoài thì nói, những sự kiện, những chi tiết trong bài phỏng vấn đều có thật cả, chỉ có điều Tố Hữu nói ngược lại. Nhật Hoa Khanh thì nói, anh có ghi âm, còn giữ băng ghi âm. Hiện tượng này tôi vẫn thấy khó tin và cũng khó giải thích. Hay là giải thích bằng tính cách của người Huế chẳng: “Sơn bất cao, thủy bất thâm...”

Tố Hữu ngay khi đã mất hết chức vụ, vẫn rất hách. Trong một cuộc gặp mặt của các nhà văn lão thành (Hữu Thịnh hằng năm cứ vào đầu xuân lại mời các nhà văn ở Hà Nội từ 70 tuổi trở lên đến gặp mặt để chúc Tết và mừng tuổi), người đã đến đông, Tố Hữu đến sau, ông nhìn khẩu hiệu trên tường: “*Hoan nghênh các nhà văn lão thành cách mạng*”, nói thủng thẳng: “*Lão, nhưng liệu có thành không chứ!*”

Tính cách như thế nên nói chung văn nghệ sĩ không ưa. Khi ông có chức có quyền, người ta sợ, người ta phải đến – như xếp hàng chúc Tết ông chẳng hạn. Nay hết chức quyền rồi, người ta lảng hết. Tôi nhớ đám tang Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh ở 51 Trần Hưng Đạo, người đến viếng đông lắm. Viếng xong, mọi người sang phòng bên uống nước và trò chuyện. Tôi thấy Tố Hữu ngồi một mình. Chẳng có ai đến nói chuyện. Ông ngồi một lúc rồi lảng lạng bỏ về.

Hết mọi quyền lực rồi, Tố Hữu vẫn có tật nói nhiều. Hôm báo *Văn nghệ* tổ chức hội thảo về cuốn *Chân dung và đối thoại* của Trần Đăng Khoa, ông có đến dự. Một mình ông nói hàng tiếng đồng hồ.

Lúc Tố Hữu đã mệt nặng, Nguyễn Khải có đến thăm. Khải nói, ông đã mệt lắm, nói không ra tiếng, vậy mà miệng vẫn mấp má, lắp bắp. Đúng là mắc bệnh nói. Hình như Gala cười có diễn một tiết mục văn nghệ về một anh chàng mắc bệnh nói nhiều thì phải.

Ca dao có câu:

*Rượu lạt uống lắm cũng say,  
Người khôn nói lắm, dẫu hay cũng nhàm.*

*Láng Hạ, ngày 22 – 5 – 2007.*